

SÁCH HƯỚNG DẪN VỀ YÊU CẦU GHI NHÃN THỰC PHẨM CỦA LIÊN BANG ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM THỊT, GIA CẦM VÀ TRỨNG

Người biên soạn

Post, R., Budak, C., Canavan, J., Duncan-Harrington, T., Jones, B. Jones, S.,
Murphy- Jenkins, R., Myrick, T., Wheeler, M., White, P., Yoder, L., Kegley, M.

Đội ngũ Cán bộ Bảo vệ Người tiêu dùng và Ghi nhãn Văn phòng
Chính sách, Chương trình và Phát triển Nhân viên

Cục Thanh tra An toàn Thực phẩm

BỘ NÔNG NGHIỆP HOA KỲ

Tháng 8 năm 2007

Công trình được thực hiện theo hợp đồng với

Hogan & Hartson, LLP

Washington, DC

TUYÊN BỐ KHUỐC TỪ

Sách hướng dẫn này được thiết kế nhằm giới thiệu một cách dễ hiểu các yêu cầu ghi nhãn thực phẩm đơn giản đối với các sản phẩm thịt, gia cầm và trứng. Sách hướng dẫn này không trình bày, cũng như không được coi là, tuyên bố chính thức hay tuyên bố ràng buộc bởi Đội ngũ Cán bộ Bảo vệ Người tiêu dùng và Ghi nhãn (LCPS), Văn phòng Chính sách, Chương trình và Phát triển Nhân viên (OPPED), Cục Thanh tra An toàn Thực phẩm (FSIS), Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA). Người dùng nên xem xét các thay đổi trong quy định và chính sách của FSIS phát hành sau ngày công bố Sách hướng dẫn này.

* * *

Động lực thúc đẩy Sách hướng dẫn này là nhằm tạo ra một hướng dẫn toàn diện và dễ hiểu để hỗ trợ các công ty thực phẩm phát triển các nhãn thực phẩm tuân thủ một loạt các yêu cầu và chính sách. Mặc dù không thể thay cho một cuộc thẩm tra kỹ lưỡng các yêu cầu được tham chiếu từ đầu đến cuối nhưng Sách hướng dẫn này sẽ cung cấp cho người đọc một công cụ hữu ích để xác định và hiểu rõ các yêu cầu định hình nhãn sản phẩm được trình bày cho người tiêu dùng. Lưu ý: Có thể tìm thấy hướng dẫn về sản phẩm trứng, nhãn trong Phụ lục A của Sách hướng dẫn này.

Tích lũy từ chuyên môn và kinh nghiệm của Đội ngũ Cán bộ Bảo vệ Người tiêu dùng và Ghi nhãn, OPPED, Cơ quan đã thuê một nhà thầu cung cấp hiểu biết về các quy tắc trong thực tế. Người đọc học hỏi từ bài học kinh nghiệm hàng ngày của những người liên quan đến công tác thẩm tra và phê duyệt nhãn và những người thường xuyên hỗ trợ các công ty trong việc áp dụng các quy tắc ghi nhãn.

LCPS đã phát triển phạm vi và nội dung của Sách hướng dẫn này theo hợp đồng với Hogan & Hartson, LLP, Washington, DC. Cơ quan ghi nhận những đóng góp của đội ngũ nhân viên, những người biên tập và giám sát trong quá trình biên soạn Sách hướng dẫn này: Robert C. Post, Ph.D. MEd., MSc., Catherine Budak, Kỹ sư Công nghệ Thực phẩm, Jeffery Canavan, Kỹ sư Công nghệ Thực phẩm, Tawana Duncan-Harrington, Chuyên gia Phân tích Chương trình, Bill Jones, Nhà hóa học, Sally Jones, Cố vấn Kỹ thuật Cao cấp, Rosalyn Murphy-Jenkins, Kỹ sư Công nghệ Cao cấp, Tammie Myrick, Kỹ sư Công nghệ Thực phẩm, Mark Wheeler, Nhà nghiên cứu sinh vật học, Patricia White, Chuyên gia Dinh dưỡng, and Lynn Yoder, Chuyên gia Phân tích Chương trình, Marlene Kegley, Chuyên gia Phân tích Chương trình, làm việc với tư cách điều phối viên hợp đồng.

Đồng thời ghi nhận những đóng góp của các luật sư tại Hogan & Hartson, LLP trong quá trình soạn thảo Sách hướng dẫn: Steven B. Steinborn, Ryan Shadrack-Wilson, Lorrin H. Tuxbury, Robert O. Winters, và Elizabeth B. Fawell.

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
I. LỜI KHUYÊN VÀ KHÓ KHĂN TRONG THIẾT KẾ NHÃN THỰC PHẨM.....	3
II. HƯỚNG DẪN GHI NHÃN THỰC PHẨM	4
A. Các Cơ quan Liên bang và Thẩm quyền Quy định để Điều tiết Ghi nhãn Thực phẩm:	4
1. Cục Thanh tra An toàn Thực phẩm của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (FSIS)	4
2. Cục Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA)	6
3. FSIS và FDA: Phương pháp Tiếp cận Riêng biệt về Ghi nhãn và Quyền hạn.....	7
4. Ủy ban Thương mại Liên bang (FTC).....	11
B. Vai trò của Tiểu bang -- Hiệu lực của Quy định Tiểu bang và Khu vực Ảnh hưởng đến Nhãn Thực phẩm	13
III. GHI NHÃN CỦA FSIS – KHẢO SÁT NGUYÊN LÝ CƠ BẢN	14
A. Khi Bao bì Đóng gói Phải Mang Nhãn Yêu cầu.....	14
B. Quá trình Phê duyệt Nhãn Trước.....	16
1. Xử lý Nhãn Bán lẻ	18
2. Trách nhiệm của Cơ sở	18
3. Phê duyệt Nhãn “Tạm thời”	19
4. Phê duyệt Nhãn Chung	20
5. Sửa đổi Chung về Nhãn	21
C. Tham chiếu Quy định - Công cụ Nguồn lực	22
IV. YÊU CẦU BẮT BUỘC -- GIỚI THIỆU.....	23
A. Pa-nen Hiện thị Chính	24
B. Pa-nen Thông tin	25
V. TÊN SẢN PHẨM.....	26
A. Tổng quan	26
1. Quyết định Tên Sản phẩm.....	26
2. Bố trí và Điểm nổi bật của Tên Sản phẩm.....	27
B. Tiêu chuẩn Nhận diện	28
C. Tên Thông dụng hoặc Thông thường	29
D. Tên Mô tả.....	29
E. Sản phẩm Thực phẩm Mô phỏng	30
F. Nguồn gốc Địa lý	32
G. Quốc gia Xuất xứ	35
VI. CHÚ GIẢI THANH TRA USDA	35
VII. TRỌNG LƯỢNG TỊNH.....	37

A.	Thể hiện Tuyên bố Trọng lượng Tịnh	38
B.	Bố trí	39
C.	Điểm nổi bật	39
D.	Ngoại lệ và các Yêu cầu Đặc biệt Khác	40
VIII.	GHI NHÃN TUYÊN BỐ THÀNH PHẦN	42
A.	Tổng quan: Yêu cầu Cơ bản.....	43
B.	Hương liệu Nhân tạo, Chất tạo màu, Hóa chất Bảo quản	45
1.	Hương liệu – Nhận diện Chung hoặc Đặc trưng	45
2.	Màu phụ gia	47
3.	Hóa chất Bảo quản	47
C.	Phụ gia Ngẫu nhiên	47
D.	Ghi nhãn Thành phần Quan ngại Sức khỏe Cộng đồng	49
IX.	DÒNG ĐỊA CHỈ (CHỮ KÝ)	50
X.	TUYÊN BỐ XỬ LÝ	50
XI.	HƯỚNG DẪN XỬ LÝ AN TOÀN	51
XII.	GHI NHÃN DINH DƯỠNG	53
A.	Ghi nhãn Dinh dưỡng Bắt buộc - Yêu cầu Chung	53
B.	Định dạng Đầy đủ.	56
C.	Định dạng Đơn giản	58
D.	Định dạng Bảng	59
E.	Yêu cầu Tuân thủ Chi phối Ghi nhãn Dinh dưỡng	60
F.	Liều lượng Tham chiếu Hàng ngày và Giá trị Tham chiếu Hàng ngày	60
G.	Miễn Ghi nhãn Dinh dưỡng Bắt buộc	62
H.	Ghi nhãn Dinh dưỡng Tự nguyện	63
I.	Khẩu phần.....	64
1.	Yêu cầu Chung	65
2.	Đơn vị đo Thông thường của Hộ gia đình.....	66
3.	Lượng Tham chiếu Tiêu thụ theo Thói quen (RACC) trong một Bữa ăn.....	67
4.	Quy đổi Lượng Tham chiếu Tiêu thụ theo Thói quen (RACC) sang Khẩu phần Ghi nhãn.....	69
a.	Sản phẩm bằng đơn vị rời rạc.....	69
b.	Các sản phẩm số lượng lớn	70
c.	Sản phẩm theo loại bữa ăn	70
d.	Ngoại lệ	71
5.	Khẩu phần trên Vật chứa	72
XIII.	CÔNG BỐ HÀM LƯỢNG DƯỠNG CHẤT THÔNG THƯỜNG	73
A.	Yêu cầu Chung.....	73
1.	Công bố Nguyên lý Cơ bản.....	73
2.	Yêu cầu Chung Khác nhau	75
3.	Khai báo Số và Phần trăm	76

4.	Công bố Tương đối -- Yêu cầu Chung	77
a.	Thực phẩm Tham chiếu Phù hợp.....	77
b.	Thông tin Phải Đi kèm Công bố Tương đối	77
5.	Công bố về Sản phẩm cho Món chính và Bữa ăn được Định nghĩa Riêng.....	78
6.	Trường hợp được miễn.....	79
B.	Công bố Hàm lượng Dưỡng chất Cụ thể	80
1.	Công bố "Cao," "Nguồn Tốt," và "Hơn"	80
a.	Công bố "Cao"	80
b.	Công bố "Nguồn Tốt"	81
c.	Công bố "Hơn"	81
2.	Công bố "Nhẹ" và "Nhặt"	81
3.	Công bố "Natri" và "Muối"	82
a.	Công bố "Không Natri"	82
b.	Công bố "Natri Rất Thấp"	83
c.	Công bố "Natri Thấp"	83
d.	Công bố "Natri Giảm"	84
e.	Công bố "Muối"	84
4.	Công bố "Thành phần Dưỡng chất" về Hàm lượng Chất béo, Axít Béo và Cholesterol	85
a.	Công bố "Hàm lượng Chất béo"	85
(1)	Công bố "Không Chất béo"	85
(2)	Công bố "Chất béo Thấp"	85
(3)	Công bố "Chất béo Giảm"	86
(4)	Công bố "Phần trăm Không Chất béo"	86
b.	Công bố "Hàm lượng Axít Béo"	87
(1)	Công bố "Không Chất béo Bão hòa"	87
(2)	Công bố "Chất béo Bão hòa Thấp"	88
(3)	Công bố "Chất béo Bão hòa Giảm"	88
c.	Công bố "Hàm lượng Cholesterol"	89
(1)	Công bố "Không Cholesterol"	89
(2)	Công bố "Cholesterol Thấp"	90
(3)	Công bố "Cholesterol Giảm"	90
d.	Công bố "Nạc" và "Siêu Nạc"	91
5.	Công bố "Chất xơ"	92
6.	Công bố "Lành mạnh"	92
7.	Công bố Liên quan đến Hiệu quả trong việc Giảm hoặc Duy trì Trọng lượng Cơ thể.....	93
8.	Công bố "Sức khỏe"	94
9.	Công bố "Hàm lượng Calo"	95
a.	Công bố "Hàm lượng Calo"	95
(1)	Công bố "Không Calo"	95
(2)	Công bố "Calo Thấp"	95
(3)	Công bố "Calo Giảm"	96
b.	Công bố "Hàm lượng Đường"	96

	(1)	Công bố “Không Đường”	96
	(2)	Công bố “Không Thêm Đường”	97
	(3)	Công bố “Đường Giảm”	98
PHỤ LỤC A	I.	GHI NHÃN SẢN PHẨM TRÚNG	99
	a.	Tên Sản phẩm.....	99
	b.	Tên Nhà sản xuất.....	100
	c.	Nhận diện Chính thức.....	100
	d.	Số Phê duyệt USDA	101
	e.	Tuyên bố Thành phần.....	102
	f.	Tuyên bố Trọng lượng Tịnh.....	102
	g.	Thông tin Dinh dưỡng.....	103

LỜI TỰA

Nhãn thực phẩm quan trọng đối với các công ty thực phẩm cũng như người tiêu dùng. Phương tiện giao tiếp trực tiếp nhất (và đôi khi là duy nhất) của công ty với người tiêu dùng là thông qua nhãn thực phẩm. Đối với người tiêu dùng, nhãn thực phẩm chứa nguồn thông tin dồi dào cho phép người dùng đưa ra các quyết định mua sắm đúng đắn. Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), theo luật, có trách nhiệm đảm bảo rằng sản phẩm thịt và gia cầm trong hoạt động thương mại liên bang hoặc nước ngoài, hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động thương mại đó, bổ dưỡng, không pha trộn, và được đánh dấu, ghi nhãn cũng như đóng gói phù hợp. ¹ Cục Thanh tra An toàn Thực phẩm (FSIS) của USDA chịu trách nhiệm chính về phát triển và áp dụng các yêu cầu ghi nhãn đối với các sản phẩm thịt và gia cầm. ² FSIS phụ trách phát triển chính sách ghi nhãn theo đó xác định xem liệu sản phẩm thịt hoặc gia cầm có bị ghi nhãn sai hoặc pha trộn hay không. ³ Các quy định ghi nhãn thực phẩm của FSIS đã và đang được phát triển trong nhiều năm qua, thể hiện sự phát triển của ngành chế biến thực phẩm và mối quan tâm của người tiêu dùng. Các nhà sản xuất thực phẩm có trách nhiệm tuân thủ các quy tắc ghi nhãn của FSIS và tuân theo quy trình do FSIS duy trì để đánh giá và phê duyệt nhãn sản phẩm thịt và gia cầm.

Sách hướng dẫn này cung cấp thông tin cơ bản cần thiết để tạo ra nhãn các sản phẩm thịt và gia cầm cũng như hiểu rõ quy trình quy định do FSIS quản lý. Đưa vào các câu trả lời cho các câu hỏi thường gặp nhất. Sách hướng dẫn này không thể dự đoán hoặc xử lý một số lượng lớn các vấn đề có thể phát sinh trong khi phát triển ghi nhãn sản phẩm. Trang web FSIS

www.fsis.usda.gov) là một nguồn thông tin hữu ích, cung cấp đầy đủ các quy định, quy chế và chính sách. Nội dung đưa vào trong toàn bộ Sách hướng dẫn này là các tài liệu tham khảo chéo với các nguồn liên quan chủ yếu được tìm thấy trong phần Chú thích cuối văn bản. Một số vấn đề, đặc biệt là vấn đề chính sách, sẽ thường xuyên yêu cầu tham vấn Đội ngũ Cán bộ Bảo vệ Người tiêu dùng và Ghi nhãn (LCPS), OPPED, trong FSIS.

Trước khi đào sâu vào chi tiết, Sách hướng dẫn bắt đầu với tổng quan về quyền hạn chính trên nhãn, ghi nhãn và quảng cáo các loại thực phẩm ở cấp liên bang. Trình bày chi tiết phạm vi quyền hạn của USDA và phạm vi quy định về các sản phẩm thịt và gia cầm bao trùm và được miễn. Vai trò của các tiểu bang trong điều tiết ghi nhãn thực phẩm cũng được trình bày, cùng với giải thích về sự phù hợp yêu cầu giữa luật pháp tiểu bang và liên bang.

Mục II cung cấp tổng quan về các yêu cầu ghi nhãn thực phẩm cơ bản, bao gồm quá trình phê duyệt nhãn trước, trách nhiệm của cơ sở, phê duyệt nhãn tạm thời, và các khía cạnh khác của quá trình phê duyệt trước. Mục III đến XII trình bày chi tiết từng đặc điểm trong số tám đặc điểm bắt buộc phải có trên nhãn thịt hoặc gia cầm và thông tin bắt buộc cũng như tùy chọn khác có thể có trên nhãn. Phụ lục đính kèm Sách hướng dẫn (Phụ lục A) thảo luận các yêu cầu ghi nhãn đối với các sản phẩm trứng, cũng do FSIS quản lý. Các đoạn trích hữu ích khác của các quy định ghi nhãn và ví dụ minh họa được đưa vào trong các phụ lục khác nhau như được nêu trong toàn bộ Sách hướng dẫn.

Sách hướng dẫn không thể thay thế cho một cuộc thẩm tra kỹ lưỡng các quy chế, quy định, chính sách và hướng dẫn cơ bản tham chiếu trong toàn bộ Sách hướng dẫn này.

Tham khảo quy định, chỉ thị và tài liệu hướng dẫn phù hợp, cũng như trang web của FSIS, cung cấp thông tin giá trị khi tạo lập một nhãn thực phẩm tuân thủ và có thể chấp nhận.

I. LỜI KHUYÊN VÀ KHÓ KHĂN TRONG THIẾT KẾ NHÃN THỰC PHẨM

- Bắt đầu thiết kế nhãn với các đặc tính ghi nhãn bắt buộc theo quy định của FSIS. Khác biệt với các yêu cầu này để hỗ trợ marketing hoặc các mục tiêu truyền thông khác không đảm bảo tuân thủ.
- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bố trí và nổi bật cho từng đặc tính bắt buộc của nhãn thực phẩm.
- Thăm tra tên nhãn hiệu, lời quảng cáo, và tất cả thông tin khác được trình bày trên nhãn để xác định xem liệu có làm theo điều khoản quy định hay không.
- Đảm bảo rằng các thực phẩm thuộc tiêu chuẩn nhận diện phải tuân theo yêu cầu hiện hành của FSIS.
- Đảm bảo rằng các thành phần/nguyên liệu được khai báo phù hợp trên tuyên bố thành phần.
- Không nên đệ trình các sản phẩm mới hoặc cải tiến phát sinh các vấn đề về ghi nhãn duy nhất để đánh giá bởi cán bộ FSIS như một phần của quá trình phê duyệt phác thảo. Thay vào đó, nên liên hệ trực tiếp với cán bộ để giải quyết. Các hãng nên đưa vào lịch trình ra mắt sản phẩm thời gian cần thiết để cho phép cơ quan cân nhắc các vấn đề chính sách.
- Thăm tra tuyên bố thành phần về độ chính xác và hoàn chỉnh đối với thông tin công thức. Tham khảo toàn bộ ý kiến của nhà cung cấp thành phần để lấy mọi thông tin liên quan như một phần của cuộc thăm tra này.
- Giữ và cập nhật đầy đủ các tập tin. Hãng phải lưu giữ các phê duyệt chung và sửa đổi tài liệu được phép cùng với phê duyệt cuối.
- Các sản phẩm không hợp chuẩn và không do FSIS thanh tra vẫn phải tuân thủ các quy tắc ghi nhãn hiện hành. Tương tự như vậy, các sản phẩm không được phê duyệt trước (như ghi nhãn bán lẻ) cũng phải tuân thủ các yêu cầu ghi nhãn hiện hành.
- Tham khảo đầy đủ các nguồn lực có sẵn tại trang web của FSIS và luôn luôn tham khảo các quy định, chỉ thị và các chính sách khác được tham chiếu trong toàn bộ Sách hướng dẫn này.

- Nếu nhãn không chính xác, không nên sử dụng nhãn trừ khi có phê duyệt tạm thời.

II. HƯỚNG DẪN GHI NHÃN THỰC PHẨM

Các Cơ quan Liên bang và Thẩm quyền Quy định để Điều tiết Ghi nhãn Thực phẩm

Các cơ quan thẩm quyền của liên bang có quyền hạn đối với các sản phẩm thực phẩm lấy quyền chi phối công tác ghi nhãn các sản phẩm từ một số quy chế chủ đạo --Đạo luật Thanh tra Thịt Liên bang (FMIA), Đạo luật Thanh tra Sản phẩm Gia cầm (PPIA), Đạo luật Thanh tra Sản phẩm Trứng (EPIA), Đạo luật Marketing Nông nghiệp (AMA), Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang (FFDCA), Đạo luật Đóng gói và Ghi nhãn Công bằng (FPLA). Ngoài ra, quảng cáo thực phẩm – trong một số trường hợp là gia hạn ghi nhãn thực phẩm - theo quy định của Ủy ban Thương mại Liên bang (FTC) theo Đạo luật của Ủy ban Thương mại Liên bang, nghiêm cấm quảng cáo giả mạo và lừa đảo.

1. Cục Thanh tra An toàn Thực phẩm (FSIS) thuộc Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ

FSIS chịu trách nhiệm chính về quy định ghi nhãn thực phẩm cho các sản phẩm thịt và gia cầm theo FMIA ⁴ và PPIA ⁵ và cũng được phép điều tiết ghi nhãn thực phẩm cho các loài động vật ngoại lai theo Đạo luật Marketing Nông nghiệp năm 1946. FMIA và PPIA định nghĩa “nhãn” thực phẩm, trong phần phù hợp, là “hiển thị dưới dạng viết tay, in ấn hoặc đồ họa trên vật chứa trực tiếp của bất kỳ sản phẩm nào,” và định nghĩa “ghi nhãn” là “tất cả nhãn mác và những sản phẩm viết tay, in ấn hay đồ họa (1) trên tất cả các sản phẩm hoặc trên bất kỳ vật chứa hoặc bao bọc, hoặc (2) đi kèm với những sản phẩm đó.”

⁶ USDA được ủy quyền theo FMIA và PPIA để điều tiết công tác đánh dấu, ghi

nhãn hoặc đóng gói thịt, gia cầm hoặc các phần chế biến để ngăn ngừa sử dụng bất kỳ nhãn, mác, hoặc vật chứa sai hoặc gây hiểu nhầm. Định nghĩa rộng này làm cho các quy định của FSIS áp dụng đối với các nhãn sản phẩm và tài liệu kèm theo sản phẩm nhưng không đính kèm với sản phẩm, như tài liệu điểm bán (POP).⁷ Dưới đây cũng thảo luận thêm về phạm vi yếu tố nào cấu thành nhãn sản phẩm.

FMIA chỉ rõ các tình huống khi nhãn bị ghi sai. FMIA quy định, một phần, rằng bất kỳ thân thịt, thịt hoặc sản phẩm thịt “ghi nhãn sai” (1) nếu sản phẩm ghi nhãn sai hoặc gây hiểu nhầm theo bất kỳ cách cụ thể nào; (2) nếu nó được chào bán dưới tên của một thực phẩm khác; (3) nếu nó mô phỏng một thực phẩm khác, trừ khi nó được gắn nhãn như vậy; (4) nếu vật chứa của nó gây hiểu nhầm; (5) trừ khi nó mang một nhãn với tên của nhà sản xuất, nhà phân phối, và trọng lượng tịnh các hàm lượng; (6), nếu nhãn mác không nổi bật và dễ thấy; (7) nếu nó ngụ ý là một thực phẩm có tiêu chuẩn nhận diện không phù hợp với tiêu chuẩn; (8) nếu nó xuyên tạc chính nó làm một thực phẩm có tính tiêu chuẩn tiếp liệu; (9) nếu nó không mang một cái tên thông dụng hay thông thường (miễn là nó không được quy định bởi một tiêu chuẩn nhận diện) và tuyên bố thành phần theo tên thông dụng hay thông thường; (10) nếu ngụ ý là một loại thực phẩm cho chế độ ăn uống đặc biệt mà không phù hợp với quy định của FDA về sản phẩm đó; (11) nếu nó có chứa hương liệu nhân tạo, chất tạo màu nhân tạo, hóa chất bảo quản mà không được khai báo (có ngoại lệ); và (12), nếu nó không mang một chú thích thanh tra và số cơ sở.⁸ Dự kiến rằng các quy định này áp dụng trong phạm vi ngoại lệ có thể tồn tại trong đạo luật. FSIS có thẩm quyền tương tự theo PPIA về các sản phẩm gia cầm.⁹ Ghi nhãn sai hoặc gây hiểu

nhầm có thể làm phát sinh phí ghi nhãn sai theo một loại các yêu cầu ghi nhãn được tóm tắt trong Sách hướng dẫn này.

Nếu sản phẩm bị coi là ghi nhãn sai, nhà sản xuất đối mặt với một loạt các hình phạt mà FSIS có thể áp đặt.¹⁰ Những hình phạt này có thể bao gồm thu hồi (bãi bỏ) việc sử dụng nhãn mác; lưu giữ sản phẩm (cấm vận chuyển); tạm giữ sản phẩm (cấm bán từ bất cứ nơi nào trong chuỗi thương mại); yêu cầu thu hồi sản phẩm, thông cáo báo chí, và/hoặc phạt tiền; và truy tố hình sự. Ngoài ra, cơ sở sản xuất sản phẩm ghi nhãn sai đối mặt với khả năng tạm dừng thanh tra hoặc thu hồi chứng nhận thanh tra.¹¹

2. Cục Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA)

FDA có thẩm quyền chính theo luật để thiết lập các yêu cầu ghi nhãn đối với thực phẩm và các thành phần thực phẩm thuộc phạm vi quản lý theo Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang (“FFDCA”).¹² FFDCA chỉ rõ rằng, theo cách tương tự như các quy chế được thực thi bởi USDA, rằng một sản phẩm thực phẩm được ghi nhãn sai, và, do đó, vi phạm quy chế, nếu “ghi nhãn sai hoặc gây hiểu nhầm về bất kỳ khía cạnh nào”¹³

Tương tự như các quy chế do FSIS thực thi, FFDCA định nghĩa “nhãn” là “hiển thị dưới dạng văn bản, viết hoặc đồ họa trên vật chứa trực tiếp của bất kỳ mặt hàng nào.”¹⁴ Ngoài ra, FFDCA định nghĩa “ghi nhãn” là: “nhãn mác và những sản phẩm viết tay, in ấn hay đồ họa (1) trên tất cả các sản phẩm hoặc trên bất kỳ vật chứa hoặc bao bọc, hoặc (2) đi kèm với những sản phẩm đó.”¹⁵ Định nghĩa rộng này làm cho các quy định của FDA áp dụng đối với các nhãn sản phẩm và tài liệu kèm theo sản phẩm nhưng không dính kèm với sản phẩm.

Ngoài ra, FDA có thẩm quyền quy định theo Đạo luật Đóng gói và Ghi nhãn

Công bằng (“FPLA”), một quy chế đồng hành với FFDCA.¹⁶

3. FSIS và FDA: Phương pháp Tiếp cận Riêng biệt về Ghi nhãn và Quyền hạn

Yêu cầu có phê duyệt trước của FSIS đối với các sản phẩm thịt và gia cầm trước khi có thể tiếp thị các sản phẩm này vào hoạt động thương mại liên bang. Có nhiều loại phê duyệt trước khác nhau, được thảo luận bên dưới, quy định phương thức chính xác trong đó nhãn được “phê duyệt.” FSIS được quyền phê duyệt nhãn theo quy định trong các Đạo luật chỉ rõ rằng không sản phẩm thực phẩm nào “được phép bán hoặc chào bán bởi bất kỳ người nào trong thương mại dưới bất kỳ tên hoặc mác hoặc nhãn khác...trừ các tên thương mại và nhãn và mác khác và vật chứa không sai hoặc gây hiểu nhầm và được Bộ trưởng phê duyệt.”¹⁷ USDA diễn giải ngôn ngữ quy định là bắt buộc phê duyệt trước tất cả nhãn thực phẩm trước khi sản phẩm mang mác thanh tra có thể được chào bán.

Cục trưởng Cục Thanh tra An toàn Thực phẩm (FSIS) chịu trách nhiệm về quá trình phê duyệt nhãn trước khi ra thị trường của USDA.¹⁸ Các quy định và chính sách hình thành các yêu cầu về nội dung và thiết kế ghi nhãn để đảm bảo ghi nhãn trung thực, chính xác và không gây hiểu nhầm, tránh ghi nhãn sai sản phẩm.¹⁹ Hàng năm, FSIS đánh giá khoảng 60.000 nhãn được gửi cho Cơ quan để đánh giá và phê duyệt trước khi có thể áp dụng đối với sản phẩm nhằm đưa vào thương mại. Càng nhiều nhãn mới và được sửa đổi được phê duyệt trước nhưng không được đệ trình trước để Cơ quan đánh giá, với điều kiện là nhà sản xuất đảm bảo rằng các nhãn cuối cùng nằm trong các điều kiện chỉ định trong quy định ghi nhãn chung (như phát triển dưới đây). Trong các tình huống cụ thể, nhà sản xuất có thể sửa đổi các nhãn đã được Cơ

quan phê duyệt mà không cần gửi chúng lại để FSIS đánh giá. Tuy nhiên, ngoài các tình huống này hoặc các trường hợp ngoại lệ cụ thể (như đóng gói trọng lượng ngẫu nhiên), thì chỉ nhãn mác đã được FSIS phê duyệt có thể được áp dụng đối với các sản phẩm thịt và gia cầm.

Ngược lại, FDA không yêu cầu phê duyệt nhãn trước cho các sản phẩm thực phẩm thuộc quyền hạn của mình.²⁰ FDA đã ban hành các quy định hình thành các yêu cầu về tất cả các khía cạnh ghi nhãn và giám sát ghi nhãn chủ yếu thông qua giám sát sau tiếp thị ngẫu nhiên. FDA chỉ thăm tra một phần nhỏ các nhãn đối với thực phẩm thuộc thẩm quyền của mình. Thăm tra nhãn của FDA thường phát sinh từ một yêu cầu thăm tra không chính thức của nhà sản xuất, một khiếu nại thương mại bởi đối thủ, một yêu cầu của khách hàng, hoặc thanh tra tại chỗ của FDA về cơ sở sản xuất.

Mặc dù FSIS có thẩm quyền tài phán về ghi nhãn sản phẩm thực phẩm chứa thịt và gia cầm nhưng FMIA và PPIA ủy quyền rõ ràng cho USDA (thông qua FSIS) được quyền miễn đối với các sản phẩm thực phẩm theo quy định chứa “chỉ một phần tương đối nhỏ thịt và gia cầm hoặc từng được người tiêu dùng coi là sản phẩm của ngành thực phẩm thực”²¹ Theo quy chế, Bộ trưởng *có thể* (không, *phải*) miễn cho sản phẩm đáp ứng cả hai tiêu chí trên. Tuy nhiên, các quy chế đã được Cơ quan áp dụng từ lâu là bao gồm tất cả các sản phẩm chứa thịt hoặc gia cầm thuộc thẩm quyền của FSIS (và, do đó, thanh tra). Mặc định là tất cả các sản phẩm khác thuộc thẩm quyền của FDA (và quy chế nó hoạt động theo), bao gồm các sản phẩm thuộc các gia súc ngoại lai và các loài gia cầm, (như, hươu, nai, nai sừng tấm và thịt gà lôi.)²²

Tham khảo “phạm vi tuân theo” để quyết định liệu một sản phẩm

thuộc thẩm quyền của FSIS hay FDA. Các quyết định về phạm vi tuân theo dựa trên cách lập công thức sản phẩm chứ không phải thành phần của thành phẩm. USDA đã thiết lập quy tắc rằng bất kỳ sản phẩm thực phẩm nào có chứa thành phần như sau không thuộc FMIA hay PPIA (tức là thuộc thanh tra của FSIS): (1) 3 phần trăm thịt tươi sống trở xuống hoặc ít hơn 2 phần trăm thịt nấu chín, hoặc (2) ít hơn 2 phần trăm thịt gia cầm nấu chín, ít hơn 10 phần trăm da, đầu chân cổ cánh gia cầm nấu chín, hoặc mỡ, tách riêng, và ít hơn 10 phần trăm da, đầu chân cổ cánh, mỡ gia cầm nấu chín cùng nhau (tức là, điều kiện cụ thể,) với điều kiện là các thành phần gia cầm đã được sơ chế theo thanh tra trong hoặc ngoài nước và sản phẩm không được thể hiện như là một sản phẩm gia cầm.²³ FSIS đã chính thức thông qua quy tắc này đối với gia cầm, nhưng chưa thông qua cho các sản phẩm thịt. Tuy nhiên, thông qua chính sách cũ trong nhiều thập niên, FSIS đã áp dụng một mức ngưỡng của thịt làm cho các sản phẩm thực phẩm thịt tuân thủ phù hợp với các quy định gia cầm. Ví dụ về các sản phẩm thịt được miễn không thuộc thẩm quyền của FSIS theo một hoặc các tiêu chuẩn khác như quy định tại FMIA và các quy định thực hiện bao gồm nước sốt mì ống với ít hơn 2 phần trăm thịt, thịt lợn và đậu nấu chín, bánh mì vòng kẹp xúc xích, và hỗn hợp nước sốt. Do quy định chỉ ra rằng Bộ trưởng *có thể* miễn cho các sản phẩm, nhà sản xuất nên xin ý kiến làm rõ từ FSIS trong các trường hợp có nghi vấn về thẩm quyền pháp lý.

Như lưu ý, theo quy định, FSIS đã định nghĩa thêm một số sản phẩm được miễn từ định nghĩa “sản phẩm gia cầm.”²⁴ Các trường hợp được miễn này bao gồm sản phẩm chứa ít hơn 10 phần trăm da, đầu chân cổ cánh gia cầm nấu chín, hoặc mỡ, tách riêng, và ít hơn 10 phần trăm da, đầu chân cổ cánh, mỡ gia cầm nấu chín và thịt hoặc “da gia cầm được tách bằng cơ học,” như định nghĩa, và không thể hiện là sản phẩm gia cầm. Các trường hợp được miễn khác bao gồm sản phẩm đóng gói cho tổ chức và được sử dụng làm cốt súp hoặc hương liệu chứa ít hơn 15 phần thịt gia cầm nấu chín và với điều kiện là đáp ứng các điều kiện cụ thể (như trên) của quy định.²⁵ Súp viên, nước thịt gia cầm, nước thịt, nước sốt, và hương liệu cũng được miễn theo các điều kiện quy định (như đã nói ở trên).²⁶

Các trường hợp được miễn này không có hiệu lực nếu loại gia cầm được liệt kê trong tên sản phẩm không đủ tiêu chuẩn phù hợp. Tiêu chuẩn phù hợp đang sử dụng một thuật ngữ “Vị,” phải được đưa vào một phần của tên sản phẩm (ví dụ, “Súp Bún Vị Gà”) để phân biệt sản phẩm thực phẩm khác với “sản phẩm gia cầm” và, do đó, vẫn được miễn trừ. Các sản phẩm đáp ứng các điều kiện và yếu tố miễn trừ, được ghi nhãn theo cách này, và thuộc thẩm quyền và quy định bởi FDA.²⁷

FSIS có phạm vi quyền hạn tương tự với FDA khi thiết lập tiêu chuẩn nhận diện cho các sản phẩm thực phẩm.²⁸ FMIA và PPIA chỉ ra rằng các tiêu chuẩn của USDA đối với bất kỳ sản phẩm thực phẩm thịt và gia cầm nào không phù hợp với các tiêu chuẩn được thành lập theo FFDCA.²⁹

Cuối cùng, FDA có quyền phê duyệt tính an toàn của các thành phần thực phẩm sẽ được sử dụng trong sản xuất sản phẩm thực phẩm, bao gồm các sản phẩm thịt hoặc gia cầm.³⁰ Luật thanh tra thịt và gia cầm rõ ràng cho phép chỉ có các thành phần thực phẩm được FDA phê chuẩn (như phụ gia, chất GRAS, màu phụ gia) sẽ được sử dụng trong sản xuất sản phẩm thịt và gia cầm, mà FSIS cũng phải phê duyệt là phù hợp sử dụng theo các điều kiện quy định.³¹

Các yêu cầu của FSIS về tình trạng pháp lý như an toàn để sử dụng trong thực phẩm khác một chút so với FDA. FSIS đã phát triển các chính sách và quy trình để thực hiện đánh giá và phê duyệt các thành phần trong sản phẩm thịt và gia cầm thông qua phối hợp chặt chẽ với FDA.³² FSIS đã phát triển một loạt hướng dẫn hữu hiệu chi phối việc cho phép sử dụng các thành phần an toàn và phù hợp. Ngoài phạm vi của Sách hướng dẫn, nên tham khảo nhiều tham chiếu quy định.³³

4. Ủy ban Thương mại Liên bang (FTC)

Mục 12 Đạo luật của Ủy ban Thương mại Liên bang chỉ rõ rằng FTC phải nghiêm cấm quảng cáo sai “thực phẩm, dược phẩm và mỹ phẩm.”³⁴ Mặc dù định nghĩa “quảng cáo” không bao gồm ghi nhãn nhưng FTC có thêm quyền theo mục 5 của Đạo luật FTC để ngăn ngừa “hành vi lừa đảo hoặc dối trá hoặc phương thức trong hoặc ảnh hưởng đến thương mại.”³⁵ Thảm quyền mở rộng này cho phép FTC tiến hành chống lại tất cả các phương thức kinh doanh không lành mạnh bao gồm ghi nhãn sai lệch và gây hiểu nhầm các sản phẩm thực phẩm.³⁶ Đạo luật FTC phổ biến về quảng cáo sai trái, phương thức không lành mạnh hoặc dối trá nhằm mục đích tạo ra, hoặc có thể tạo ra, mua bán thực phẩm hoặc có tác động đến thương mại liên bang.³⁷

Công bố quảng cáo có thể được coi là sai lệch hoặc gây hiểu nhầm nếu nó không chứng minh được là đủ theo hướng dẫn của FTC.³⁸ FTC yêu cầu các công ty đưa ra công bố về sản phẩm có thể chứng minh các công bố này trước khi đưa ra. Về cơ bản, hướng dẫn chính sách FTC cung cấp rằng việc trình bày sự kiện khách quan ngụ ý rằng người công bố có căn cứ hợp lý về sự kiện đó. Các loại công bố khác nhau đảm bảo mức chứng minh khác nhau.³⁹

Các tòa án công khai tán thành thẩm quyền của FTC tiến hành chống lại ghi nhãn sai lệch sản phẩm thực phẩm.⁴⁰ Theo quy định, FTC có quyền sử dụng biện pháp ngăn chặn, và trong một số trường hợp, đòi tiền bồi thường thiệt hại.⁴¹ FTC cũng có thể yêu cầu “sửa đổi” quảng cáo nếu cần để khắc phục hậu quả của hành vi lừa gạt trước đó.⁴² Vì vậy, FTC có trách nhiệm điều tiết các công bố về thực phẩm xuất hiện trên quảng cáo và một số hình thức ghi nhãn khác có thể tạo thành quảng cáo.

Trong thực tế, FSIS và FTC thường phối hợp các hoạt động của họ để tránh trùng lặp. FSIS chủ trì trong giải quyết ghi nhãn các sản phẩm thịt và gia cầm. Quảng cáo các sản phẩm thịt và gia cầm thuộc phạm vi quản lý của FTC. Nên cẩn thận tham khảo các quy định ghi nhãn của FSIS, các quy tắc và chính sách khi phát triển quảng cáo các sản phẩm thịt và gia cầm.

B. Vai trò của Tiểu bang -- Hiệu lực của các Quy định của Tiểu bang và Khu vực Tác động đến Nhân Thực phẩm

Các yêu cầu của tiểu bang đã được thông qua theo luật tiểu bang có thể khác với, hoặc xung đột với, các quy định và pháp luật về ghi nhãn của liên bang hiện hành. Do đó, nghiêm cấm các tiểu bang áp dụng yêu cầu khác hoặc bổ sung yêu cầu ghi nhãn của liên bang. Khi luật của tiểu bang xung đột trực tiếp với luật liên bang, hoặc cố gắng điều chỉnh trong lĩnh vực mà Quốc hội dự kiến chỉ áp dụng theo luật liên bang thì luật tiểu bang thường được thay thế hoặc thay bởi luật liên bang. Học thuyết này còn được gọi là học thuyết “ưu tiên luật liên bang”.⁴³

FMIA và PPIA rõ ràng ưu tiên luật tiểu bang quy định về ghi nhãn các sản phẩm thịt và gia cầm bằng cách quy định rằng “mọi Tiểu bang không thể áp dụng các yêu cầu đánh dấu, ghi nhãn, đóng gói hoặc thành phần bổ sung, hoặc khác với yêu cầu được thực hiện theo Đạo luật này.”⁴⁴

Học thuyết ưu tiên luật liên bang do FMIA và PPIA thiết lập được ủng hộ bởi Tòa án Tối cao Hoa Kỳ trong vụ kiện liên quan đến yêu cầu ghi nhãn trọng lượng tịnh của California.⁴⁵ Tòa án quyết định rằng luật pháp California khác với tiêu chuẩn trọng lượng tịnh của USDA cho phép độ lệch sản xuất và sai số cho phép gây ra bởi hao hụt về độ ẩm. Như vậy, luật liên bang được coi là ưu tiên áp dụng thay thế luật California, và do đó luật California không có hiệu lực thi hành. Các tòa án liên bang đã liên tục nhiều lần ủng hộ học thuyết ưu tiên luật liên bang về các yêu cầu ghi nhãn của FSIS khi đối mặt với các quy tắc và thông lệ ghi nhãn khác biệt của tiểu bang.⁴⁶

Tòa án sơ thẩm cấp liên bang đã ra phán quyết gần đây rằng các

bao bì đóng gói thực phẩm đáp ứng yêu cầu ghi nhãn trọng lượng tịnh của liên bang không phải chịu kiểm soát bởi các cán bộ đo lường và cân đo khu vực hoặc tiểu bang dựa trên các phát hiện về thanh tra bán lẻ giới hạn. Trong vụ *Kraft Foods Bắc Mỹ với Sở Đo lường và Cân đo Hạt Rockland*, tòa án quyết định rằng căn cứ vào dữ liệu thanh tra bán lẻ giới hạn thu thập từ các lần thanh tra lô bán lẻ nhỏ để hỗ trợ vi phạm “cân đo ngắn” xung đột với ghi nhận của liên bang về “thay đổi hợp lý” chắc chắn xảy ra trong quá trình sản xuất. Như đã nói, tất cả các nhãn trên các sản phẩm thịt và gia cầm dành cho thương mại phải phù hợp với tất cả các quy tắc liên bang áp dụng và được chấp thuận bởi FSIS. Vì vậy, nếu sản phẩm của nhà sản xuất được ghi nhãn chính xác theo quy định của liên bang khi đóng gói, sản phẩm vẫn được ghi nhãn chính xác, không phân biệt nơi một phần một lô sản xuất cụ thể được chào bán cuối cùng. ⁴⁷

III. GHI NHÃN CỦA FSIS – KHẢO SÁT NGUYÊN LÝ CƠ BẢN

A. Khi Bao bì Đóng gói Phải Mang Nhãn Yêu cầu

Thẩm quyền ghi nhãn của FSIS rất rộng, mở rộng từ các nhãn xuất hiện trên bao bì đóng gói thực phẩm, trước khi chúng được áp dụng đối với sản phẩm, đến tài liệu tại điểm bán, bao gồm tài liệu quảng cáo khuyến mại và giấy yết thị nhỏ trên ngăn. ⁴⁸Như đã đề cập từ trước, “nhãn” là hiển thị dưới dạng in ấn, miếng dính đồ họa, đóng dấu hoặc dạng viết tay, in ấn hay đồ họa trên vật chứa trực tiếp. ⁴⁹ Thẩm quyền theo quy định này trên nhãn thực phẩm có thể ảnh hưởng đến các hoạt động chế biến và sản xuất của các công ty thực phẩm. Các sản phẩm thịt và gia cầm không mang nhãn phê duyệt của USDA, trừ khi rõ ràng được miễn, không thể được phân phối trong hoạt động thương mại liên bang.

Cách đóng gói sản phẩm thịt hoặc gia cầm khi được vận chuyển từ một cơ sở được thanh tra quyết định thông tin nào nên xuất hiện trên nhãn của sản phẩm được đóng gói. Các quy tắc thay đổi phụ thuộc vào liệu sản phẩm được chế biến hoặc sơ chế là sản phẩm thịt hoặc gia cầm, hoặc miếng thịt chưa chế biến, hay sản phẩm gia cầm, và tùy thuộc vào loại đóng gói hoặc vật chứa trong đó sản phẩm được đóng gói và vận chuyển.

Vật chứa trực tiếp (như túi, thùng cacton bìa cứng, khay đóng hộp, và túi bóng bọc các sản phẩm thịt chế biến hoặc sơ chế) có thể được coi là “lớp bảo vệ” và không phải theo yêu cầu ghi nhãn và đánh dấu nếu được đặt trong vật chứa vận chuyển đáp ứng tất cả các yêu cầu ghi nhãn bắt buộc (tên sản phẩm, tuyên bố xử lý, chú giải, số cơ sở, trọng lượng tịnh, tuyên bố thành phần, dòng chữ ký, thành phần dinh dưỡng và hướng dẫn xử lý an toàn khi yêu cầu).⁵⁰ Ngoại lệ này không bao gồm nhận diện bắt buộc và ghi nhãn yêu cầu cho vật chứa bên trong của sản phẩm thực phẩm thịt. Vật chứa vận chuyển chứa vật chứa trực tiếp được miễn phải được đánh dấu “Đóng gói Sử dụng Nội bộ Tổ chức” hoặc tuyên bố tương đương về ý định phân phối hạn chế từ một cơ sở liên bang sang một cơ sở khác. Không thể lấy sản phẩm chưa được ghi nhãn ra khỏi vật chứa vận chuyển để phân phối tiếp hoặc không thể trưng bày hoặc chào bán trong bán lẻ.

Đối với các miếng thịt chưa chế biến, túi bóng trong suốt bọc các miếng thịt riêng lẻ trong trạng thái chưa chế biến có thể được coi là “lớp bảo vệ” và được miễn yêu cầu ghi nhãn bắt buộc khi thông tin bắt buộc xuất hiện trên vật chứa vận chuyển tại đó vật chứa trung gian được đặt. Không giống như thịt đã chế biến, không thể lấy thịt chưa chế biến khi được vận chuyển ra khỏi vật chứa vận chuyển để bán lại hoặc phân phối tiếp cho

người bán lẻ, khách sạn, nhà hàng và các tổ chức tương tự nếu bản thân sản phẩm hoặc túi bóng chứa nhãn thanh tra chính thức dễ đọc và số cơ sở.

Gia cầm nguyên con hoặc miếng riêng lẻ trong lớp bảo vệ để xuất khẩu hoặc bán cho khách sạn, nhà hàng hoặc tổ chức chỉ được miễn ghi nhãn bắt buộc đối với vật chứa trực tiếp, và không cho phép ghi nhãn hoặc đánh dấu trừ trong các tình huống hạn chế. Vật chứa vận chuyển được coi là vật chứa trung gian và do đó, nên bao gồm tất cả các đặc điểm bắt buộc (tên sản phẩm, tuyên bố xử lý, chú giải, chú giải, số nhà máy gia cầm, tuyên bố trọng lượng tịnh, tuyên bố thành phần, dòng chữ ký, thành phần dinh dưỡng và hướng dẫn xử lý an toàn khi yêu cầu). Tuyên bố hạn chế sử dụng không bắt buộc xuất hiện trên vật chứa vận chuyển. Ngoài ra, các yêu cầu chung này là các quy định cụ thể đối với một số loại sản phẩm. ⁵¹

B. Quá trình Phê duyệt Nhãn Trước

Phê duyệt trước tất cả nhãn thực phẩm gắn vào sản phẩm thịt hoặc gia cầm phải phù hợp với các quy định của FSIS. Sự phát triển của quá trình phê duyệt nhãn trước cung cấp một bối cảnh hữu ích để hiểu rõ các yêu cầu hiện tại.

Trong nhiều năm, mỗi nhãn được gắn vào sản phẩm thịt hoặc gia cầm phải được đệ trình cho FSIS để đánh giá và phê duyệt. Bất kỳ sửa đổi nào đối với nhãn đã được phê duyệt phải đệ trình lại cho FSIS để xin phê duyệt mới lần cuối. Chỉ trong một số trường hợp, cán bộ thanh tra của FSIS có thể phê duyệt các sửa đổi nhỏ tại cơ sở được thanh tra. Theo thời gian, số lượng nhãn trình nộp để phê duyệt lần cuối tăng đáng kể vì số lượng các sản phẩm mới và

sửa đổi tăng theo. Các quy định hiện hành phản ánh quyết định của Cơ quan về sửa đổi thẩm quyền phê duyệt nhãn trước của mình theo cách giảm đáng kể số lượng nhãn thực tế phải đệ trình để cán bộ FSIS đánh giá và phê duyệt. Cán bộ thanh tra không còn đóng vai trò trong quá trình phê duyệt trước nhưng có quyền giữ sản phẩm mang nhãn không tuân thủ.

Theo các quy định hiện hành, phê duyệt cuối đã được thay thế bằng phê duyệt phác thảo dựa trên hồ sơ về nhãn nộp cho FSIS.⁵² Công ty có thể đơn phương sửa đổi nhãn được phê duyệt phác thảo sao cho phù hợp với mức độ linh hoạt theo quy định, được thảo luận bên dưới. Ngoài ra, các loại nhãn sản phẩm quy định có thể được áp dụng đối với các sản phẩm thịt và gia cầm theo các quy định ghi nhãn chung mà không cần trình nộp cho FSIS, với điều kiện là nhãn tuân thủ tất cả các yêu cầu chính sách, quy định, pháp lý, quy chế hiện hành. [Để tăng cường hiệu quả của quá trình phê duyệt trước, FSIS khuyến khích các cơ sở sử dụng các quy định ghi nhãn thường được phê duyệt. Cơ sở nên tham khảo ý kiến với cán bộ của FSIS để giải đáp bất kỳ điều gì không chắc chắn về khía cạnh này.]

1. Xử lý Nhân Bán lẻ

Thông thường, không có công bố nào xuất hiện trên nhãn bán lẻ trừ xin phê duyệt trước. Mặc dù chính sách ghi nhãn của FSIS áp dụng khi bán lẻ nhưng FSIS không yêu cầu tài liệu điểm bán được phê duyệt trước trừ khi nó được vận chuyển cùng với sản phẩm (như nhãn dán áp dụng bởi nhà bán lẻ được đặt trong vật chứa vận chuyển tại cơ sở nơi đóng gói sản phẩm.) FSIS sẽ đánh giá và xem xét điều chỉnh cần thiết cho tài liệu được quan tâm hoặc xác định thông qua giám sát thị trường thường xuyên.⁵³

Mặc dù không bắt buộc phê duyệt trước nhưng các nhãn thịt và gia cầm áp dụng khi bán lẻ phải tuân thủ tất cả các quy định ghi nhãn hiện hành của FSIS.

Một trường hợp ngoại lệ đáng chú ý phát sinh đối với các công bố sản xuất động vật (ví dụ, “nuôi không dùng kháng sinh”) theo đó, chỉ các yêu cầu đã được FSIS phê duyệt thông qua hồ sơ đệ trình về nhãn có thể xuất hiện trên “nhãn bán lẻ.” Các nhãn có thể áp dụng khi bán lẻ không bắt buộc phải có phê duyệt phác thảo, nhưng công bố sản xuất động vật phải được Cơ quan phê duyệt trước (tức là thông qua nhãn được gắn vào thùng carton vận chuyển). Điều kiện tiên quyết để FSIS phê duyệt là định ước bằng văn bản của cơ sở trình bày các thông số của chương trình để đảm bảo tính đầy đủ của công bố. Đôi khi còn được gọi là chương trình “tuyên thệ” hoặc “chứng thực”, tài liệu phù hợp kiểm chứng sự tuân thủ với định ước được FSIS chấp nhận phải được trình nộp cho Cơ quan.⁵⁴

2. Trách nhiệm của Cơ sở

Một cơ sở vận hành theo giấy chứng nhận thanh tra và mang một số trách nhiệm với vai trò là một phần của quá trình phê duyệt nhãn. Cơ sở

chế biến phải tạo hồ sơ tất cả nhãn cuối cùng, bao gồm nhãn phác thảo đã được phê duyệt.⁵⁵ Hồ sơ nhãn nhằm phản ánh các sửa đổi được thực hiện đối với phê duyệt nhãn phác thảo trước khi in nhãn cuối cùng. Các hồ sơ phải được duy trì bao gồm tất cả phê duyệt nhãn cuối cùng và nhãn “tạm thời”. Quá trình phê duyệt trước không miễn cho một cơ sở khỏi phải đảm bảo rằng ghi nhãn của cơ sở hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu ghi nhãn FSIS hiện hành. Điều cần thận trọng là cơ sở nên trực tiếp liên hệ với cán bộ của FSIS khi các công thức sản phẩm đề xuất hoặc công bố về nhãn phát sinh các vấn đề về chính sách hoặc cơ sở không chắc chắn về cách áp dụng các yêu cầu ghi nhãn.

Chỉ ghi nhãn được phê duyệt hoặc cho phép rõ ràng mới có thể xuất hiện trên sản phẩm dành cho thương mại liên bang. Nếu không, cơ sở không thể đơn phương sửa đổi nhãn trừ khi quy định cụ thể cho phép thay đổi hoặc bổ sung như vậy (như đóng gói trọng lượng ngẫu nhiên).

3. Phê duyệt Nhãn “Tạm thời”

FSIS ghi nhận rằng trong một số trường hợp cụ thể, nhà sản xuất có nhãn chứa một hoặc nhiều lỗi nhỏ. Tùy từng trường hợp, FSIS sẽ cho phép sử dụng tạm thời nhãn không tuân thủ nếu đáp ứng tiêu chí trình bày trong quy định. Việc sử dụng nhãn có lỗi làm cho một sản phẩm bị ghi nhãn sai trừ khi FSIS cấp phê duyệt tạm thời cho nhãn cụ thể.

Có thể cấp nhãn tạm thời theo các điều kiện như sau:

- (i) Ghi nhãn đề xuất không trình bày sai sản phẩm;

- (ii) Sử dụng ghi nhãn sẽ không gây ra bất kỳ vấn đề tiềm tàng nào về sức khỏe, an toàn hay chế độ ăn cho người tiêu dùng;
- (iii) Từ chối yêu cầu sẽ tạo ra gánh nặng kinh tế quá mức; và
- (iv) Lợi thế cạnh tranh không công bằng không xảy ra do cấp phê duyệt tạm thời.

Đơn đề nghị phê duyệt tạm thời phải giải quyết từng cân nhắc trong đó.⁵⁶

Có thể cấp phê duyệt tạm thời trong một giai đoạn không quá 180 ngày dương lịch. FSIS cũng có thể gia hạn phê duyệt tạm thời nếu người nộp đơn chứng minh rằng các tình huống mới, đáp ứng tiêu chí ở trên, đã phát triển từ phê duyệt tạm thời ban đầu được cấp.⁵⁷

4. Nhãn Phê duyệt theo Quy định Ghi nhãn Chung

FSIS cho phép áp dụng các nhãn phê duyệt chung cho các sản phẩm thịt và gia cầm trong khi thực hiện thẩm quyền rõ ràng về phê duyệt nhãn trước. Theo quy định, FSIS xác định khi nào một cơ sở có thể bắt đầu xin phê duyệt chung, trên đây cần xin phê duyệt phác thảo phải nộp hồ sơ về nhãn trực tiếp cho FSIS.⁵⁸ Sản phẩm áp dụng tiêu chuẩn nhận diện có thể được phê duyệt chung, với điều kiện là ghi nhãn không chứa bất kỳ công bố đặc biệt nào, bao gồm công bố chất lượng, hàm lượng dưỡng chất hoặc công bố sức khỏe, công bố tiêu cực, công bố nguồn gốc địa lý, hoặc cam kết. Đối với ghi nhãn không phải là sản phẩm nội địa (tức là, đánh dấu “dành riêng cho xuất khẩu”), có thể phê duyệt chung phần thêm vào hoặc xóa bỏ bản dịch trực tiếp của một ngoại ngữ.

Quy tắc cuối cùng chỉ định nhiều loại ghi nhãn khác được phê duyệt chung, do đó, không cần được trình nộp cho FSIS để phê duyệt phác thảo: các sản phẩm gồm một thành phần không có công bố; các sản phẩm được bán theo thông số kỹ thuật hợp đồng cho chính phủ Liên bang; ghi nhãn vật chứa vận chuyển có vật chứa tạm thời (bên trong) được ghi nhãn đầy đủ và phù hợp; thực phẩm không dùng cho người; chú giải thanh tra thịt; miếng chèn, thẻ và tài liệu khác không tham chiếu đến sản phẩm và không gây hiểu nhầm; và ghi nhãn cho các sản phẩm thử nghiệm tiêu dùng không dùng để bán.

5. Sửa đổi Nhãn Phê duyệt theo Quy định Ghi nhãn Chung

FSIS cũng chỉ định các thay đổi có thể thực hiện đối với nhãn phê duyệt phác thảo theo đó nhãn được sửa đổi không được trình nộp lại để xin phê duyệt “phác thảo” mới.⁵⁹ Bất kỳ thay đổi nào không phép theo quy định sẽ cần trình nộp nhãn phê duyệt để xin phê duyệt phác thảo. Điều quan trọng là tham khảo ý kiến cán bộ của FSIS để đảm bảo rằng, trong một tình huống cụ thể, sự linh hoạt dành cho các yêu cầu này được thực hiện đầy đủ. Cơ sở nên ghi chép tất cả các sửa đổi đó, tương tự như công tác lưu trữ hồ sơ phê duyệt nhãn chung được thảo luận ở trên.

Các sửa đổi hoặc thay đổi được phép áp dụng với các đặc điểm sau của một nhãn được phê duyệt trước: (1) nhãn tăng hoặc giảm theo tỷ lệ; (2) thay thế bất kỳ đơn vị đo nào bằng chữ viết tắt, hoặc ngược lại; (3) nhãn chính hoặc nhãn có sẵn chưa có tên và địa chỉ nhà phân phối nhưng sẽ được áp dụng trước khi sử dụng; (4) vật bao bọc hoặc lớp vỏ khác chứa thiết kế hoặc minh họa bằng hình ảnh; (5) thay đổi về ngôn ngữ hoặc bố trí về hướng dẫn mở hoặc phục vụ; (6) thêm vào, xóa đi hoặc sửa đổi phiếu đóng gói, hướng dẫn nấu, thông tin mã sản

phẩm đóng gói hoặc thông tin UPC; (7) bất kỳ thay đổi nào về nhận diện và địa chỉ của nhà sản xuất; (8) tuyên bố trọng lượng tịnh; (9) gợi ý công thức; (10) thay đổi về cách chấm câu; (11) số cơ sở mới được gán hoặc mới sửa đổi; (12) thông tin ngày mở; (13) thay đổi về vật liệu đóng gói; (14) thay đổi tên nhãn hiệu, với điều kiện là không có thay đổi về thiết kế và tên không bao hàm chất lượng hoặc đặc tính khác của sản phẩm; (15) xóa bỏ chữ “mới”; (16) tuyên bố xử lý đặc biệt; (17) hướng dẫn xử lý an toàn; (18) số lượng thành phần không thay đổi theo thứ tự các thành phần đã được khai báo; (19) màu sắc; (20) họa tiết, với điều kiện là không dẫn đến hiểu nhầm ghi nhãn sản phẩm; (21) thay đổi do công ty thực hiện về số cơ sở; (22) giá trị dinh dưỡng, trừ khẩu phần không thể sửa đổi; (23) xóa bỏ bất kỳ công bố hoặc đặc điểm không bắt buộc nào của nhãn; và (24) thêm vào hoặc xóa bỏ bản dịch trực tiếp từ tiếng Anh sang tiếng khác cho các sản phẩm được đánh dấu “dành riêng cho xuất khẩu”.

C. Tham chiếu Quy định - Công cụ Nguồn lực

Có thể tìm thấy các yêu cầu và chính sách ghi nhãn của FSIS trong các quy chế liên quan, quy định triển khai, chỉ thị của FSIS (bao gồm Bản ghi nhớ Chính sách), thông báo của FSIS và Sách Chính sách Tiêu chuẩn Thực phẩm và Ghi nhãn. Chỉ thị của FSIS và thông báo FSIS là hai loại ấn bản chính hướng dẫn lực lượng thanh tra của FSIS và các nhân viên kỹ thuật về cách thực hiện trách nhiệm của họ. Chỉ thị của FSIS có các hướng dẫn có thời hạn không xác định, trong khi thông báo là các hướng dẫn tạm thời dự kiến hết hạn không quá một năm kể từ ngày phát hành. Sách Chính sách Tiêu chuẩn Thực phẩm và Ghi nhãn là một ấn phẩm về chính sách và tiêu chuẩn không chính thức đã được thành lập trong nhiều năm về các quyết định đưa nhãn được lập theo dạng

từ điển. Tìm thấy tất cả tài liệu tham khảo hữu ích này tại trang web FSIS (www.fsis.usda.gov). Như một phần của quá trình phê duyệt trước, FSIS thường xuyên thẩm tra các vấn đề chính sách một cách liên tục. Do đó, điều quan trọng là tham khảo các nguồn lực được cập nhật định kỳ. Nêu trình bày các vấn đề mới về chính sách với cán bộ phụ trách của FSIS.

IV. YÊU CẦU BẮT BUỘC -- GIỚI THIỆU

Có tới tám yêu cầu cụ thể về từng nhãn sản phẩm: (1) tên sản phẩm, (2) chủ giải thanh tra và số cơ sở, (3) tuyên bố xử lý, (4) tuyên bố trọng lượng tịnh, (5) tuyên bố thành phần, (6) dòng địa chỉ, (7) thành phần dinh dưỡng và (8) hướng dẫn xử lý an toàn. Từng yêu cầu trong số này được thảo luận chi tiết bên dưới. Thông tin phải hoặc có thể xuất hiện tại các khu vực cụ thể trên nhãn. Trong thiết kế nhãn, điều quan trọng là hiểu rõ thông tin nào phải ở chỗ nào.

Quy định cũng trình bày bố trí và điểm nổi bật của thông tin yêu cầu bắt buộc. Thông thường, bất kỳ thông tin nhãn bắt buộc nào đều phải nổi bật, dễ thấy (so với các chữ, tuyên bố và thiết kế khác trên nhãn), và trong những thuật ngữ như “để cho người bình thường dễ đọc và dễ hiểu theo các điều kiện thông thường về bán hàng và sử dụng.”⁶⁰ Để đảm bảo đáp ứng yêu cầu ngưỡng này, các quy định chỉ rõ một số thông tin cụ thể phải xuất hiện ở đâu và tại khu vực nào. Các quy định này có thể khác nhau tùy thuộc vào các tuyên bố nhãn bắt buộc cụ thể, và được trình bày trong các mục phù hợp bên dưới.

A. Pa-nen Hiện thị Chính

[9 C.F.R. § 317.2(d) (thịt); 9 C.F.R. § 381.116(b) (gia cầm)]

Pa-nen hiện thị chính, hay “PDP,” là một phần của nhãn thường

được hiển thị, trình bày, thể hiện, hoặc kiểm tra theo các điều kiện thông thường cho người tiêu dùng.⁶¹ Khi nhãn mang các PDP thay thế, thông tin bắt buộc xuất hiện trên PDP phải được sao chép trên từng PDP. PDP phải bao gồm tên sản phẩm, khối lượng tịnh của các vật được chứa, chú giải thanh tra chính thức, số cơ sở chính thức, và, nếu cần, tuyên bố xử lý. PDP phải đủ lớn để hỗ trợ thông tin ghi nhãn bắt buộc theo yêu cầu quy định hoặc quy chế.⁶²

Khi quyết định khu vực của PDP, loại trừ phần đầu, cuối, mặt phẳng trên đầu hoặc cuối của bình, và phần gần cổ và cổ chai và lọ. PDP được định nghĩa chi tiết như sau.

- Đối với các gói hình chữ nhật, toàn bộ một bên, có diện tích của sản phẩm ít nhất bằng chiều cao nhân chiều rộng của bên đó.
- Đối với vật chứa hình trụ hoặc gần giống hình trụ, diện tích đó là 40 phần trăm của sản phẩm theo chiều cao của vật chứa nhân với chu vi của vật chứa hoặc một pa-nen, có chiều rộng bằng một phần ba chu vi và chiều cao bằng với chiều cao của vật chứa.
- Đối với một vật chứa có bất kỳ hình dạng nào khác, 40 phần trăm tổng diện tích bề mặt được coi là PDP.

Đồng thời quy định một số tình huống đặc biệt khác về bố trí PDP.

B. Pa-nen Thông tin

[9 C.F.R. § 317.2(m) (thịt); 9 C.F.R. § 381.116(c) (gia cầm)]

Pa-nen thông tin thường là một phần của nhãn ngay liền kề và bên phải của PDP. Pa-nen thông tin cũng có thể là pa-nen sau hoặc, đối với một số hộp, là bất kỳ pa-nen nào liền kề với PDP. Tất cả thông tin bắt buộc xuất hiện trên

nhãn đóng gói phải xuất hiện cả trên PDP hoặc pa-nen thông tin trừ khi có quy định khác. ⁶³ Một số thông tin nhãn khác có thể được bố trí trên pa-nen thông tin (trừ trên PDP) bao gồm: tuyên bố thành phần, tên và địa chỉ của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối, hoặc ghi nhãn dinh dưỡng, nếu có. Có thể bố trí hướng dẫn xử lý an toàn ở bất kỳ đâu trên nhãn.

Như với PDP, thông tin xuất hiện trên pa-nen thông tin phải nổi bật và liền kề. ⁶⁴ Quy định cho phép một số trường hợp ngoại lệ nơi nhãn nhỏ hơn kích cỡ quy định do kích cỡ tổng thể của gói sản phẩm thực phẩm. ⁶⁵ Cơ sở không thể làm sai yêu cầu quy định nhằm hỗ trợ thông tin tùy chọn (ví dụ, tên sản phẩm không nổi bật để cho phép công bố “mới và được cải thiện” lớn.)

V. TÊN SẢN PHẨM

[9 C.F.R. § 317.2(c) (thịt); 9 C.F.R. § 381.117 (gia cầm)]

A. Tổng quan

1. Quyết định Tên Sản phẩm

Tất cả sản phẩm thịt và gia cầm phải được xác định theo tên sản phẩm trên PDP. Các quy định chỉ rõ rằng sản phẩm phải được xác định theo tên như tiêu chuẩn, nếu có một, hoặc một tên thông thường và thường gặp, hoặc một tên mô tả trung thực về sản phẩm. Các quy định này nhằm đảm bảo rằng tên sản phẩm thông tin cho người tiêu dùng nhận diện của sản phẩm. Ngoài ra, có các yêu cầu chi tiết trong quy định và chính sách ghi nhãn đảm bảo rằng nhận diện sản phẩm rõ ràng và nổi bật cho người tiêu dùng.

Tóm lại, nếu sản phẩm thể hiện một sản phẩm được thiết lập tiêu chuẩn nhận diện, sản phẩm phải được xác định theo tên đó trên nhãn mác, (ví dụ, “Món thịt bò hầm ớt Tây Ban Nha” hay “Súp gà”.) Nếu không có tiêu chuẩn nhận diện được thiết lập cho sản phẩm, thì cơ sở phải cân nhắc xem liệu sản phẩm được xác định theo tên thông thường hay thường gặp, nếu tồn tại (ví dụ, “Thịt vai bò” hay “Thịt thăn lợn”.) Có thể thiết lập tên đó theo quy định hoặc cách dùng thường gặp, và tên phải mô tả tính chất cơ bản của sản phẩm hoặc thành phần đặc trưng của sản phẩm. Trong trường hợp không có một tiêu chuẩn nhận diện hoặc tên thông dụng hay thông thường phù hợp, tuyên bố định danh phải có một tên mô tả. Tên mô tả nên định danh chính xác hay mô tả tính chất cơ bản của sản phẩm hoặc thuộc tính hay thành phần đặc trưng (ví dụ, “Thịt bò và Rau trong Bột” hay “Miếng chả gà tẩm bột”.)

2. Bố trí và Điểm nổi bật của Tên Sản phẩm

Tên sản phẩm phải xuất hiện nổi bật trên pa-nen hiển thị chính. Một số quy định và Bản ghi nhớ Chính sách chỉ định kích cỡ (hay kích cỡ tương đối) của các thuật ngữ xuất hiện như một phần của tên sản phẩm. Nói chung, các từ trong tên sản phẩm hoặc tên tưởng tượng có thể khác nhau về kích cỡ, màu sắc, hoặc chủng loại, nhưng trong mọi trường hợp, các từ phải nổi bật, dễ thấy, và dễ đọc.⁶⁶ Không từ nào trong tên sản phẩm (tên chuẩn, tên thông dụng hay thông thường, hoặc tên mô tả) nên được in bằng chữ nhỏ hơn một phần ba kích cỡ của chữ lớn nhất được sử dụng trong bất kỳ từ nào khác của tên sản phẩm. Đồng thời, yêu cầu tương tự này cũng áp dụng đối với các tên tưởng tượng. Ví dụ, về một sản phẩm có nhãn Chili Mac—Đậu, Mỳ ống và Sốt bò, “Chili Mac” là tên tưởng tượng, và “Đậu, Mỳ ống và Sốt bò” là tên sản phẩm. Không chữ nào trong “Chili Mac” có thể nhỏ hơn một phần ba kích cỡ chữ lớn nhất trong “Chili Mac.” Hơn nữa, không chữ nào trong tên thật của sản phẩm, (tức là, “Đậu, Mỳ ống và Sốt bò,”) có thể nhỏ hơn một phần ba chữ lớn nhất trong tên thật của sản phẩm.

Trong một số trường hợp, tên sản phẩm phải kèm theo tuyên bố định tính được coi là cần thiết để đảm bảo rằng sản phẩm không gây hiểu nhầm. Ví dụ, về một sản phẩm đùi gà tây, “gà tây” phải xuất hiện với cùng kích cỡ, kiểu dáng, màu sắc và trên cùng một nền với chữ “đùi.” Tên sản phẩm phải đạt yêu cầu theo tuyên bố “thịt bắp gà tây tẩm ướp.” Tuyên bố định tính phải gần với tên sản phẩm (khi khởi động), mà không can thiệp đến loại hoặc thiết kế, không nhỏ hơn một nửa kích cỡ tên sản phẩm nhưng chiều cao không nhỏ hơn một phần tám inch, và phải có cùng kiểu dáng, màu sắc và cùng một nền như tên sản phẩm và

có cùng kích cỡ, kiểu dáng và màu sắc và cùng một nền với từ “bắp.”⁶⁷

B. Tiêu chuẩn Nhận diện

[9 C.F.R. Phần 319 (thịt); 9 C.F.R. § 381 Phần phụ P (gia cầm)]

USDA có thẩm quyền theo luật để thiết lập tiêu chuẩn nhận diện cho các sản phẩm thịt và gia cầm. Theo FMIA và PPIA, sản phẩm “ghi nhãn sai” nếu:

Nó ngụ ý là hoặc thể hiện là thực phẩm đã có quy định về định nghĩa và tiêu chuẩn nhận diện hay thành phần. . . trừ khi (A) nó tuân thủ định nghĩa và tiêu chuẩn đó, và (B) nhãn của nó có tên thực phẩm được chỉ định trong định nghĩa và tiêu chuẩn.⁶⁸

Tiêu chuẩn nhận diện quy định cách thức sơ chế và các thành phần của sản phẩm được ghi nhãn với một tên cụ thể. Một loạt các tiêu chuẩn sản phẩm đã được thiết lập theo quy định.⁶⁹ FSIS cũng đã thiết lập các tiêu chuẩn chính sách không chính thức theo Bản ghi nhớ Chính sách và thông qua các mục từ trong Sách Chính sách Tiêu chuẩn Thực phẩm và Ghi nhãn. Thực phẩm theo tiêu chuẩn nhận diện phải được ghi nhãn với tên như chỉ định trong tiêu chuẩn. Thực phẩm có tên thực phẩm chuẩn không thỏa mãn yêu cầu của tiêu chuẩn hiện hành là ghi nhãn sai. Ví dụ các sản phẩm chuẩn bao gồm: “Bắp,” “Bắp Thêm Nước,” “Bánh mì xúc xích,” “Mỳ gà,” và “Nước sốt mỳ ống với Thịt viên.”

C. Tên Thông dụng hoặc Thông thường

[9 C.F.R. § 319.1 (thịt); 9 C.F.R. § 381.117 (gia cầm)]

FMIA và PPIA ủy quyền cho FSIS ban hành các tên thông dụng hoặc thông thường cho các sản phẩm thực phẩm thịt và gia cầm. Sản phẩm

ghi nhãn sai trừ khi nó mang “tên thông dụng hoặc thông thường của sản phẩm, nếu có.”⁷⁰ Các quy định của FSIS trình bày thêm rằng bất kỳ sản phẩm nào “cho dù tên thông dụng hoặc thông thường phải bao gồm các thành phần và được chuẩn bị sử dụng quy trình thông dụng hoặc thông thường đối với các sản phẩm đó, trong chừng mực các thành phần hoặc quy trình cụ thể không (nếu không) bị yêu cầu hoặc bị cấm.” Ví dụ về tên thông dụng hoặc thông thường bao gồm miếng cắt thịt đỏ (như khoanh thịt bò) và miếng cắt nhỏ (như bít tết thịt thăn bò)

D. Tên Mô tả

[9 C.F.R. § 317.2(e) (thịt); 9 C.F.R. § 381.117(a) (gia cầm)]

Thuật ngữ mô tả có thể được sử dụng như một tuyên bố nhận diện của sản phẩm với điều kiện là không tồn tại tiêu chuẩn nhận diện hoặc tên thông dụng hoặc thông thường. Đối với sản phẩm thịt, “bất kỳ định danh mô tả nào được sử dụng làm tên sản phẩm cho một sản phẩm không có tên thông dụng hoặc thông thường phải xác định rõ ràng và đầy đủ sản phẩm.” Đối với các sản phẩm gia cầm, FSIS yêu cầu “định danh mô tả trung thực” không có tiêu chuẩn nhận diện hoặc tên thông dụng hoặc thông thường. Sản phẩm đã được sơ chế bằng một phương pháp cụ thể, chẳng hạn như muối, xông khói, phơi khô, hoặc chắt, phải mô tả như vậy trừ khi tên của nó ngụ ý, hoặc phương thức đóng gói cho biết rằng, sản phẩm áp dụng hình thức chế biến cụ thể. Ví dụ về tên mô tả bao gồm “Thịt gà và Rau trong Bột” hoặc “Miếng chả gà tẩm bột.”

Thuật ngữ thịt không đạt yêu cầu thông thường đối với ngành nhưng lạ với người tiêu dùng, như “giăm bông,” “thịt xông khói,” và “bánh mì thịt” không được sử dụng làm tên sản phẩm trừ khi kèm theo thuật ngữ mô tả sản

phẩm hoặc có danh sách thành phần, nếu Cơ quan thấy rằng điều này là cần thiết để đảm bảo rằng nhãn không bị sai hoặc gây hiểu nhầm. Quy ước ghi nhãn này chỉ đúng đối với một số sản phẩm thịt (không cụ thể). Ngược lại, các quy định về gia cầm quy định rằng “loại” (loài gia cầm) được chỉ định trong tên sản phẩm.

Nhà sản xuất cũng có thể sử dụng tên tưởng tượng cùng với thuật ngữ hoặc tên mô tả được thiết kế để đảm bảo rằng người tiêu dùng không bị nhầm lẫn về bản chất, số lượng, hoặc thành phần sản phẩm. Sản phẩm có tên tưởng tượng như “Fiesta Mexicana”, cùng với thuật ngữ mô tả “Úc gà với Nước xốt và Hạt tiêu”, là một ví dụ như vậy. Việc sử dụng tên tưởng tượng thường phổ biến đối với toàn bộ chuỗi sản phẩm thực phẩm mới hoặc mới lập công thức. Một tên hoàn toàn tưởng tượng sẽ không truyền tải ý nghĩa rằng nó liên quan đến tính chất của sản phẩm theo bất kỳ cách nào (ví dụ, Bánh Mặt trăng.)

E. Sản phẩm Thực phẩm Mô phỏng

[9 C.F.R. § 317.2(j)(1) (thịt); 9 C.F.R. § 381.1(b) (gia cầm)]

Nhãn cho một sản phẩm mô phỏng một sản phẩm khác phải mang thuật ngữ “mô phỏng” ngay trước tên của sản phẩm mô phỏng và có cùng kích thước và kiểu dáng chữ như tên của sản phẩm. Một tuyên bố thành phần phải theo sau tên sản phẩm mô phỏng. USDA đã chính thức theo cách tiếp cận của FDA về ghi nhãn mô phỏng và sản phẩm không kém về mặt dinh dưỡng. Sản phẩm giống nhưng không kém về mặt dinh dưỡng với sản phẩm thịt hoặc gia cầm chuẩn hóa không cần mang định danh “mô phỏng”, với điều kiện là hàm lượng thịt hoặc gia cầm được công bố rõ ràng.⁷¹ Nếu sản phẩm kém về mặt dinh dưỡng với sản phẩm chuẩn hóa, nó phải mang nhãn “mô phỏng” như một

phần của tên sản phẩm. ⁷²

Chính sách quy định của FSIS cho phép marketing các sản phẩm chỉ mô phỏng về kỹ thuật vì họ không tuân theo các yêu cầu về thành phần được thành lập cho sản phẩm chuẩn hóa hoặc thực phẩm truyền thống khác với hàm lượng thường được công nhận và thành lập (ví dụ như, Sản phẩm Thịt bò Xay và Thịt chay làm từ rau (TVP).) Chính sách này cho phép nhà sản xuất thực phẩm sản xuất thực phẩm kém về mặt dinh dưỡng và được thiết kế để phục vụ sở thích của người tiêu dùng mà không sử dụng thuật ngữ mang tính kỳ thị là “mô phỏng.”

Theo sở thích của người tiêu dùng về lựa chọn thay thế có chất béo thấp hơn đối với thực phẩm chuẩn hóa, FSIS cho phép sản phẩm được điều chỉnh về mặt dinh dưỡng nhằm giảm chất béo, cholesterol, hoặc hàm lượng natri thông qua bổ sung thành phần thay thế chất béo hoặc natri được loại trừ hoặc giới hạn bởi tiêu chuẩn hiện hành. ⁷³ Căn cứ vào chính sách này, các sản phẩm đạt tiêu chuẩn có thể mang tên chuẩn hóa kết hợp với công bố hàm lượng dưỡng chất phù hợp với điều kiện người tiêu dùng được thông báo về các thành phần thực tế thông qua ghi nhãn và một số hướng dẫn khác đang được thực hiện. Ví dụ, sản phẩm thịt kết hợp xúc xích tươi, thịt bò, hoặc hamburger và các thành phần an toàn và thích hợp khác nhằm mục đích chính là thay thế chất béo có thể được ghi nhãn theo phương thức mô tả. Các sản phẩm đó là “Sản phẩm Thịt bò nạc xay, Nước và Carrageenan,” “Thịt bò xay ít chất béo với X% Dung dịch ...,” “Sản phẩm Xúc xích bò, Nước và Carrageenan,” hoặc “Sản phẩm Xúc xích lợn ít mỡ, Nước và Chất kết dính,” với điều kiện là một phần yêu cầu quy định về công bố hàm lượng dưỡng chất được đáp ứng. ⁷⁴ Xúc xích ăn sáng, xúc xích

nấu, xúc xích lên men với hàm lượng chất béo điều chỉnh cũng có thể được nhận diện bằng công bố hàm lượng dưỡng chất và tên chuẩn hóa hoặc thông thường, như “Xúc xích Pepperoni ít mỡ” hoặc “Xúc xích Frankfurter ít mỡ.” ⁷⁵

F. Nguồn gốc Địa lý

[9 C.F.R. § 317.8(b)(1) (thịt); 9 C.F.R. § 381.129(b)(2) (gia cầm)]

Theo quy định, thuật ngữ có ý nghĩa địa lý thường có thể xuất hiện mà không có điều kiện yêu cầu về việc ghi nhãn thịt chỉ khi sản phẩm được thực hiện tại khu vực địa lý được đề cập. Thuật ngữ có ý nghĩa địa lý đề cập đến khu vực trừ nơi sản phẩm được thực hiện có thể xuất hiện trên nhãn sản phẩm thịt chỉ khi đạt yêu cầu về “Kiểu dáng,” “Loại,” hoặc “Nhãn hiệu,” kèm theo cụm từ “Sản xuất tại ...” định danh phù hợp nơi sản xuất sản phẩm. Các quy định điều chỉnh các sản phẩm gia cầm khác biệt phần nào và được mô tả riêng biệt dưới đây.

Các khu vực địa lý quan trọng định tính về mặt “kiểu dáng” và “loại” có thể xuất hiện trên nhãn sản phẩm thịt khi có kiểu dáng hoặc loại sản phẩm thường được công nhận được sản xuất trong khu vực địa lý cụ thể đó. FSIS cho phép sử dụng thuật ngữ địa lý khi kèm theo thuật ngữ định tính nếu nhà sản xuất có thể chứng minh rằng có “kiểu dáng” hoặc “loại” được công nhận. ⁷⁶ Do đó, ốt sản xuất tại California có thể được ghi nhãn “Món thịt bò hầm ốt California,” hoặc vì nó được sản xuất tại Tây Nam Mỹ, nó có thể được ghi nhãn là “Món thịt bò hầm ốt Tây Nam.” Tuy nhiên, ốt trong Nebraska có thể được ghi nhãn “Nebraska” hoặc “Món thịt bò hầm ốt kiểu Nebraska,” hoặc vì có phong cách Tây Nam được công nhận thì nó có thể được ghi nhãn là “Món thịt bò hầm ốt kiểu Tây Nam,” nếu nó phù hợp với kiểu đó.

“Nhãn hiệu” được sử dụng như một phần của tên sản phẩm hoặc công bố khi kiểu hoặc loại không được công nhận hay đáp ứng. Một tuyên bố định tính xác định địa điểm nơi thực sự sản xuất sản phẩm phải xuất hiện gần với “nhãn hiệu” khi yêu cầu thuật ngữ định tính đó. Do đó, sử dụng ví dụ ốt trong Nebraska ở trên, nếu sản phẩm không tuân thủ định nghĩa “Kiểu Tây Nam,” thì sản phẩm phải được ghi nhãn “Món thịt bò hầm ốt Nhãn hiệu Tây Nam, Sản xuất tại Nebraska.” Chữ “Nhãn hiệu” phải có cùng kích cỡ và kiểu chữ như thuật ngữ địa lý, và nó phải kèm theo tuyên bố định tính nổi bật xác định khu vực cụ thể tại đó sản phẩm được sơ chế.⁷⁷

Khi thuật ngữ địa lý đã được sử dụng chung như một tên thương mại và đã được FSIS phê duyệt vì nó không có ý nghĩa về địa lý và, do đó, là chung chung, thuật ngữ có thể được sử dụng mà không có yêu cầu gì, ví dụ như “Old El Paso.”⁷⁸ Quy định nói rõ rằng các thuật ngữ “Vienna,” “Genoa,” “Ba Lan,” “Ý,” và các thuật ngữ tương tự khác không cần kèm theo một thuật ngữ mô tả định tính khi sử dụng trên sản phẩm chuẩn hóa. Ngoài ra, một số tên thương mại đã được sử dụng từ rất lâu và độc quyền bởi một nhà sản xuất vì vậy nó thường được người tiêu dùng hiểu là sản phẩm của một nhà sản xuất cụ thể, chẳng hạn như “Swiss Chalet.”⁷⁹

Trái với các quy định về thịt, các quy định về gia cầm của FSIS chỉ rõ rằng thuật ngữ địa lý chỉ có thể được sử dụng để xác định sản phẩm gia cầm nếu sản phẩm thực sự đã được sản xuất tại khu vực được nêu trên nhãn.⁸⁰ Tuy nhiên, về vấn đề chính sách, FSIS đã thay đổi cách xử lý các thuật ngữ địa lý cho các sản phẩm gia cầm để tương đương với chính sách áp dụng cho

các sản phẩm thịt.

Vấn đề cơ bản liên quan đến nguồn gốc địa lý là liệu một tên sản phẩm thực sự bao hàm ý nghĩa địa lý với người tiêu dùng hoặc chỉ đơn thuần là ngụ ý kiểu sản phẩm và tầm quan trọng của thông tin này với người tiêu dùng. Một đại diện trung thực về nguồn gốc địa lý được phép, ví dụ như “Virginia Ham” được sản xuất tại Khối thịnh vượng chung Virginia, hoặc “Tennessee Peppersteak,” sản xuất tại Tennessee.

Khi sử dụng thuật ngữ “Kiểu”, phải có phương thức chuẩn bị hoặc các thuộc tính của sản phẩm khác phân biệt hoặc mô tả đặc điểm sản phẩm theo cách tương tự với sản phẩm riêng biệt của một vùng địa lý. Cơ sở phải chứng minh rằng kiểu đó tồn tại để sử dụng công bố địa lý. Theo chính sách không chính thức, FSIS đã cho phép các cơ sở dựa vào một cơ quan độc lập bên thứ ba (như, tổ chức nấu nướng) để thiết lập một “kiểu” cụ thể liên quan đến một khu vực địa lý cụ thể và (các) sản phẩm cụ thể mang công bố phù hợp với kiểu được công nhận này.

G. Quốc gia Xuất xứ

[9 C.F.R. § 327.14-.15]

FSIS yêu cầu sản phẩm thịt và gia cầm nhập khẩu mang tên quốc gia xuất xứ, sau từ “Sản phẩm của.”⁸¹ Trên vật chứa trực tiếp, tuyên bố quốc gia xuất xứ phải ngay dưới tên sản phẩm.⁸² Ở bên ngoài vật chứa, tuyên bố này đi kèm tên sản phẩm và số cơ sở một cách nổi bật và dễ đọc.⁸³

VI. CHÚ GIẢI THANH TRA USDA

[9 C.F.R. § 312 (thịt); 9 C.F.R. § 381.96 (gia cầm)]

Các quy định của USDA yêu cầu chú giải thanh tra được hiển thị nổi bật và số cơ sở hoặc nhà máy trên pa-nen hiển thị chính về tất cả vật chứa sản phẩm thịt hoặc gia cầm được thanh tra liên bang trừ khi có ngoại lệ cụ thể (ví dụ trên kẹp kim loại).⁸⁴ Chú giải thanh tra chính thức là một ký hiệu theo quy định cho biết rằng thân thịt hoặc các phần thân thịt đã được thanh tra và thông qua bởi FSIS trong một cơ sở chính thức theo tất cả các quy định của liên bang. Số cơ sở chính thức được gán cho từng cơ sở được thanh tra. Số cơ sở được dùng để xác định tất cả vật chứa của sản phẩm được thanh tra được chuẩn bị tại cơ sở. Một sản phẩm sẽ được coi là “ghi nhãn sai” nếu nó không mang các đặc điểm này trên vật chứa.⁸⁵

Các quy định này đưa ra các yêu cầu về kích thước tương đối và bố trí chú giải thanh tra; và chú giải thanh tra này phải có kích cỡ đủ và màu sắc như được hiển thị dễ thấy và dễ đọc.⁸⁶ Việc sử dụng ngoại ngữ cho tất cả các khía cạnh của nhãn là chấp nhận được với điều kiện là chú giải nhãn và số cơ sở hoặc nhà máy cũng phải xuất hiện bằng Tiếng Anh.⁸⁷ Bản thân sản phẩm không yêu

cầu đóng nhãn khi vận chuyển trong vật chứa được ghi nhãn phù hợp hoặc khi vận chuyển theo niêm phong chính thức của chính phủ. Có các quy định trình bày rất chi tiết cách thức, phương pháp và vị trí cụ thể phải đặt chú giải trên nhãn của sản phẩm được thanh tra.

Chú giải thanh tra yêu cầu cho các sản phẩm gia cầm được thanh tra và thông qua nên bao gồm nội dung sau, “Được thanh tra về tính chất lành bởi Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ.”⁸⁸ Số cơ sở phải được bắt đầu bằng chữ “P” định danh rằng sản phẩm này là sản phẩm gia cầm. Chữ này nên trong một vòng tròn. Hình dạng và bố trí nên đúng như trình bày trong 9 C.F.R. 381.96. Số nhà máy chính thức phù hợp (P-và số liên bang) nên được hiển thị, nhưng, nếu số xuất hiện bất kỳ đâu trên tài liệu ghi nhãn, nó có thể được bỏ qua dấu thanh tra.⁸⁹ Nếu số xuất hiện bên ngoài vật chứa (ví dụ trên kẹp kim loại), thì một tuyên bố về vị trí phải được in gần với chú giải (ví dụ “Số Cơ sở trên kẹp kim loại”.)

Sản phẩm chứa các thành phần thịt và gia cầm hỗn hợp phải chứa chú giải thanh tra thịt chính thức hoặc chú giải thanh tra gia cầm chính thức, tùy thuộc vào thành phần nào có mặt với số lượng lớn hơn. Nếu các thành phần thịt hoặc gia cầm tồn tại với tỷ lệ bằng nhau, thì có thể sử dụng một trong hai chú giải chính thức. Nếu các thành phần thịt và gia cầm tồn tại với tỷ lệ chính xác và cả hai xuất hiện trong tên sản phẩm thì chú giải chính thức phải phản ánh thành phần xuất hiện trước trong tên sản phẩm.

VII. TRỌNG LƯỢNG TÍNH

[9 C.F.R. § 317.2(h) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121 (gia cầm)]

Các quy chế và quy định của USDA thiết lập các yêu cầu ghi nhãn cụ thể điều chỉnh tuyên bố trọng lượng tịnh của bao bì đóng gói thực phẩm chào bán cho người tiêu dùng tại cơ sở bán lẻ. Thông tin này tạo điều kiện cho người tiêu dùng so sánh giá trị giữa các sản phẩm tương tự. Tất cả nhãn trên thực phẩm bán lẻ phải mang tuyên bố chính xác về số lượng hàm lượng đóng gói về mặt trọng lượng, đơn vị đo lường, hoặc số đếm.⁹⁰ Tuyên bố như vậy phải xuất hiện trên pa-nen hiển thị chính của tất cả các vật chứa được bán lẻ còn nguyên vẹn.⁹¹ Về mặt hàm lượng đóng gói, tuyên bố phải chỉ rõ -- rắn, lỏng, nửa rắn, hoặc nhót.⁹²

Thay đổi số lượng hợp lý từ trọng lượng quy định, gây ra do mất hoặc tích ẩm trong quá trình thực hiện phân phối tốt hoặc sai lệch không thể tránh trong khi thực hiện sản xuất tốt, được công nhận và không làm cho sản phẩm bị ghi nhãn sai.⁹³ Cho phép thay đổi hợp lý vì tính chất của một số thực phẩm và không thể phát triển được phương pháp đóng gói hoàn toàn chính xác.⁹⁴ Thay đổi đó không thể quá lớn.⁹⁵ Tòa án Tối cao quyết định rằng yêu cầu về trọng lượng tịnh của liên bang được ưu tiên áp dụng hơn so với yêu cầu pháp luật tiểu bang không cho phép thay đổi hợp lý, bao gồm các thay đổi không thể tránh gây ra do mất ẩm trong quá trình thực hiện phân phối tốt.⁹⁶ Các tòa án liên bang trong một số trường hợp đã phán quyết rằng ưu tiên áp dụng phương thức thực thi luật tiểu bang hoặc khu vực xung đột với FMIA hoặc PPIA.⁹⁷

A. Thể hiện Tuyên bố Trọng lượng Tịnh

Tuyên bố số lượng được thể hiện về mặt trọng lượng sức nặng hoặc đo chất lỏng. Việc sử dụng hệ mét vì nó liên quan đến tuyên bố trọng lượng tịnh là tình nguyện vì FPLA miễn các sản phẩm thịt và gia cầm không phải tuyên bố

theo hệ mét. Trong trường hợp người tiêu dùng không sử dụng cách thông thường khác trái ngược thì trọng lượng tịnh của tuyên bố hàm lượng cho các sản phẩm được bán tại hoa kỳ nên được thể hiện bằng đơn vị đo chất lỏng nếu sản phẩm là chất lỏng, hoặc bằng trọng lượng nếu sản phẩm là chất rắn, bán rắn, nhót hoặc hỗn hợp lỏng và rắn. ⁹⁸Ví dụ, sản phẩm ớt được đo bằng ounce và pound, trong khi nước dùng thịt bò được đo bằng ounce chất lỏng. Do đó, quy định của FSIS yêu cầu thuật ngữ “trọng lượng tịnh” hay “khối lượng tịnh” xuất hiện cùng với số lượng tịnh của hàm lượng khi được thể hiện bằng trọng lượng “hàm lượng tịnh” hoặc “hàm lượng” khi được thể hiện bằng đơn vị đo chất lỏng. ⁹⁹ Các đóng gói chứa ít nhất một pound hoặc pint, không quá 4 pound hoặc 1 gallon, phải được thể hiện dưới dạng “khai báo kép.” ¹⁰⁰Khai báo kép bao gồm cả ounce hoặc ounce chất lỏng theo sau, trong ngoặc đơn, bằng đơn vị lớn nhất theo hệ đo lường Mỹ (ví dụ pound và pint hoặc quart và gallon). Phần còn lại nên được thể hiện bằng ounce hoặc số thông thường hoặc số thập phân của pound cho đơn vị đo trọng lượng, và ounce chất lỏng hoặc số thông thường hoặc số thập phân của pint hoặc quart cho đơn vị đo chất lỏng (ví dụ, “Trọng lượng tịnh 24 oz. (1 lb. 8 oz.),” “Trọng lượng tịnh 24 oz. (1.5 lbs.),” hoặc “Trọng lượng tịnh 24 oz. (1 ½ lb.).” ¹⁰¹ Trường hợp ngoại lệ đối với các gói trọng lượng ngẫu nhiên, nhỏ, và các gói có nhiều đơn vị, cũng như các gói nhất định có chứa bơ thực vật và thịt xông khói, được thảo luận dưới đây. ¹⁰²

B. Bố trí

Khối lượng tịnh của tuyên bố hàm lượng phải xuất hiện thấp hơn 30 phần trăm pa-nen hiển thị chính của vật chứa được bán lẻ nguyên trạng theo cách sau đây. ¹⁰³

- Theo các đường thường song song với góc của vật chứa. ¹⁰⁴
- Khác biệt với tài liệu khác trên bao bì đóng gói. ¹⁰⁵
- Tách biệt so với thông tin nhãn được in xuất hiện bên trên và dưới theo khoảng cách ít nhất bằng với chiều cao của chữ được sử dụng trong tuyên bố. ¹⁰⁶
- Tách biệt so với thông tin được xuất hiện bên trái và phải theo khoảng cách ít nhất là hai lần chiều rộng của chữ “N” theo kiểu hoặc loại chữ được sử dụng trong tuyên bố. ¹⁰⁷

Các bao bì đóng gói có pa-nen hiển thị chính năm inch vuông hoặc nhỏ hơn không phải đặt tuyên bố khối lượng tịnh thấp hơn 30 phần trăm pa-nen hiển thị chính, với điều kiện là tuyên bố phải đáp ứng tất cả các yêu cầu khác của USDA. ¹⁰⁸

C. Điểm nổi bật

Ngoài ra, USDA quy định các yêu cầu loại cụ thể đối với tuyên bố khối lượng tịnh.

- Tuyên bố phải dưới dạng “in ấn hoặc kiểu chữ đậm dễ đọc và nổi bật.” ¹⁰⁹
- Chữ không thể cao quá ba lần chiều rộng. ¹¹⁰

- Cỡ chữ tối thiểu cho tuyên bố phụ thuộc vào diện tích của PDP, như được mô tả trong bảng dưới. ¹¹¹
- Khi cả chữ hoa và chữ thường đều được sử dụng trong tuyên bố, thì chiều cao của chữ thường “o” hoặc tương đương phải đáp ứng yêu cầu về cỡ chữ tối thiểu. ¹¹²
- Khi chỉ sử dụng chữ hoa thì chiều cao của chữ hoa phải đáp ứng tiêu chí cỡ chữ tối thiểu. ¹¹³
- Khi sử dụng phân số, thì từng số của phân số phải đáp ứng một nửa tiêu chuẩn chiều cao tối thiểu. ¹¹⁴

Diện tích PDP bằng Inch Vuông	Cỡ Chữ Tối thiểu bằng Inch
≤ 5	1/16
> 5-25	1/8
> 25-100	3/16
>100-400	1/4
> 400	1/2

D. Ngoại lệ và các Yêu cầu Đặc biệt Khác

USDA cho phép các ngoại lệ sau so với các yêu cầu về tuyên bố khối lượng tịnh.

- **Bao bì Đóng gói Bọc - Riêng, Trọng lượng - Ngẫu nhiên, Kích cỡ - Người tiêu dùng Vận chuyển trong Vật chứa Lớn; và**
- **Một số Sản phẩm Thịt và Gia cầm Bị Co ngót do Mất ẩm**

Các sản phẩm tham chiếu ở trên không phải mang tuyên bố trọng lượng tịnh *khi được vận chuyển từ một cơ sở chính thức*, với điều kiện là vật chứa vận chuyển mang tuyên bố vận chuyển theo trọng lượng tịnh thể hiện khối lượng tịnh của hàm lượng một cách chính xác trong vật chứa và không bị sai hoặc không gây hiểu nhầm. Bao bì đóng gói riêng, trọng lượng ngẫu nhiên, kích cỡ cho người tiêu dùng phải mang tuyên

bổ trọng lượng tịnh trước khi trưng bày và bán lẻ. Các tuyên bố trên vật chứa vận chuyển và đóng gói riêng được miễn các yêu cầu về cỡ chữ, khai báo kép, và bố trí được quy định trên, nếu khai báo trọng lượng tịnh thể hiện “dễ thấy” trên pa-nen hiển thị chính của vật chứa vận chuyển hoặc bao bì đóng gói.¹¹⁵

- **Các gói nhỏ trong Vật chứa Vận chuyển** -- Các gói bọc riêng và ghi nhãn trọng lượng tịnh nhỏ hơn ½ ounce và gói kích cỡ cho người tiêu dùng trọng lượng ngẫu nhiên được miễn yêu cầu ghi nhãn khối lượng tịnh của hàm lượng của USDA, với điều kiện là các gói trong vật chứa vận chuyển thể hiện một cách chính xác khối lượng tịnh của hàm lượng trong vật chứa và không bị sai hoặc không gây hiểu nhầm.¹¹⁶
- **Các gói nhỏ thông thường** -- Các gói bọc riêng và ghi nhãn trọng lượng tịnh nhỏ hơn ½ ounce với nhãn tuyên bố trọng lượng tịnh, giá trên pound và tổng giá được miễn các yêu cầu về cỡ chữ, khai báo kép, và bố trí được quy định trên, nếu khai báo chính xác trọng lượng tịnh thể hiện “dễ thấy” trên pa-nen hiển thị chính của gói.¹¹⁷
- **Thịt xông khói cắt lát, dạng cuộn trong Gói hình chữ nhật; và**
- **Bơ thực vật trong Gói hình chữ nhật một pound (trừ các gói có chứa bơ thực vật mềm hoặc vắt hoặc gói có chứa trên bốn miếng)**

Với điều kiện là tuyên bố khối lượng tịnh phù hợp xuất hiện trên pa-nen hiển thị chính của sản phẩm được tham chiếu bên trên một cách “nổi bật,” tuyên bố được miễn yêu cầu khai báo kép và yêu cầu rằng khai báo khối lượng tịnh của hàm lượng xuất hiện cách đây PDP 30 phần trăm.¹¹⁸

- **Một số loại Đóng gói Tiêu dùng Sản phẩm Gia cầm** – Cục trưởng có thể phê duyệt việc sử dụng các nhãn không mang tuyên bố trọng lượng tịnh trên gói tham chiếu trên, với điều kiện là (1) vật chứa vận chuyển mang tuyên bố, “Trọng lượng tịnh được đánh dấu trên gói tiêu dùng trước khi trưng bày và bán”; (2) tổng trọng lượng tịnh của hàm lượng của vật chứa vận chuyển được đánh dấu trên vật chứa; (3) vật chứa vận chuyển cũng phải mang tuyên bố: “Trọng lượng bì của gói tiêu dùng” “gần xấp xỉ” với trọng lượng bì của bao bì đóng gói tiêu dùng, nặng đến 1/8 ounce gần nhất hoặc nhẹ hơn.¹¹⁹

Quy tắc ghi nhãn trọng lượng tịnh đặc biệt được chỉ định cho các gói bán lẻ nhiều đơn vị (MRP). MRP được định nghĩa là gói chứa hai hoặc nhiều đơn vị đóng gói riêng lẻ: (1) có chứa mặt hàng đồng nhất; (2) chứa khối lượng thực phẩm tương tự; và (3) dự định để bán như một phần MRP nhưng có thể bán riêng hoàn toàn tuân thủ các quy định của USDA.¹²⁰ Tuyên bố khối lượng tịnh yêu cầu trên nhãn ngoài của MRP. Tuyên bố phải tuân thủ với các yêu cầu tương tự được áp dụng đối với tuyên bố khối lượng tịnh thông thường, như được thảo luận bên trên. Ngoài ra, tuyên bố khối lượng tịnh cho MRP phải bao gồm như sau:¹²¹

- Số lượng đơn vị riêng;
- Khối lượng của từng đơn vị riêng; và
- Tổng khối lượng của hàm lượng của gói nhiều đơn vị, trong ngoặc, trừ khai báo tổng khối lượng không cần thể hiện dưới dạng “tuyên bố kép” (ví dụ khai báo bằng ounce không cần theo sau một khai báo bổ sung trong ngoặc bằng đơn vị lớn nhất theo hệ đo lường Mỹ.)

Các ví dụ của sản phẩm có thể mang loại thông tin này có thể bao gồm pizza hoặc súp.

VIII. GHI NHÃN THÀNH PHẦN

[9 C.F.R. § 317.2 (thịt); 9 C.F.R. § 381.118 (gia cầm)]

Tuyên bố thành phần cung cấp cho người tiêu dùng thông tin chi tiết về thành phần sản phẩm thịt hoặc gia cầm. Số lượng thành phần, nhiều chức năng của các thành phần và phương pháp phức tạp để sản xuất một số thành phần tạo ra nhiều thách thức trong việc áp dụng các yêu cầu ghi nhãn thành phần. Ghi nhãn thành phần phù hợp yêu cầu hiểu biết chuyên môn kỹ thuật và pháp lý. Hiểu rõ chức năng của một thành phần trong thực phẩm là điều cốt lõi để áp dụng phù hợp các yêu cầu ghi nhãn thành phần.

A. Tổng quan: Yêu cầu Cơ bản

Yêu cầu tuyên bố thành phần khi sản phẩm được sản xuất từ một hoặc nhiều thành phần.¹²² Tất cả thành phần phải được khai báo theo tên thông dụng hoặc tên thường gặp trên nhãn theo thứ tự giảm dần mức ưu tiên theo trọng lượng.¹²³ Thứ tự ưu tiên được xác định căn cứ vào trọng lượng của thành phần được thêm vào công thức.¹²⁴ Không yêu cầu tuyên bố thành phần khi tên sản phẩm cung cấp toàn bộ nhận diện của tất cả thành phần trong sản phẩm (ví dụ, “Ức gà với Chiết xuất Hương thảo”.) Các thành phần có mặt với số lượng riêng từ hai phần trăm trở xuống có thể được liệt kê theo thứ tự giảm dần, với điều kiện là chúng được liệt kê cuối tuyên bố thành phần sau cụm từ “ít hơn phần trăm,” với khoảng trống điền vào với mức ngưỡng “phù hợp” là hai phần trăm, 1,5 phần trăm, một phần trăm hoặc 0,5 phần trăm.¹²⁵ Các tuyên bố định tính này nên bắt đầu với mức ngưỡng 2,0% và giảm dần theo số gia 0,5%, (ví dụ, 1,5%, 1,0%, hoặc 0,5%.) Không thành phần nào trong tuyên bố định lượng có thể lớn hơn ngưỡng quy định và thành phần được liệt kê trong tuyên bố định lượng có thể được điều chỉnh trong công thức mà không có sự thay đổi nào về tuyên bố thành phần.

Khi hai thành phần thịt bao gồm ít nhất 70% thịt và thành phần thịt trong phụ phẩm của một công thức, và khi thành phần không nhỏ hơn 30% theo trọng lượng của tổng thịt và phụ phẩm thịt được sử dụng, các thành phần thịt này có thể hoán đổi trong công thức mà không có sự thay đổi nào về tuyên bố thành phần.¹²⁶ Trong các trường hợp như vậy, từ “và” phải được sử dụng thay vì dấu phẩy giữa hai thành phần. Quy tắc tương tự này áp dụng đối với sản phẩm có gia cầm.¹²⁷ Tuy nhiên, nó không áp dụng đối với hỗn hợp thịt và gia

cảm.

Một thành phần tuân thủ tiêu chuẩn nhận diện (được thảo luận bên trên về tên sản phẩm) được xác định theo tên theo tiêu chuẩn hiện hành. Khi thực phẩm chuẩn hóa theo FDA được sử dụng làm thành phần trong chuẩn bị các sản phẩm thịt hoặc gia cầm, tên thông dụng hoặc thông thường của tất cả thành phần trong thực phẩm chuẩn hóa phải được liệt kê, trong ngoặc đơn, sau tên của thực phẩm chuẩn hóa (còn được gọi là “danh mục thành phần”).¹²⁸ Quy chuẩn Quy định của Liên bang và Tiêu chuẩn Thực phẩm có các định nghĩa về các thành phần thực phẩm khác nhau. Không có yêu cầu cụ thể của FSIS, thì tên thông dụng hoặc thông thường như FDA quy định là tên phù hợp.¹²⁹ Cũng có thể tham khảo Sách Chính sách Tiêu chuẩn Thực phẩm và Ghi nhãn để có tên thành phần được công nhận.

Có hai phương pháp theo đó các thành phần và thành phần phụ có thể được tuyên bố trong tuyên bố thành phần. Các thành phần của một thực phẩm chuẩn hóa được sử dụng làm thành phần trong thực phẩm có thể (1) được tuyên bố trong ngoặc đơn sau tên của thành phần chuẩn hóa (tức là, ghi nhãn “thành phần”), ví dụ, “pho mát cheddar (sữa, enzym, muối)” hoặc (2) được tuyên bố bằng cách phân phối từng thành phần theo thứ tự ưu tiên trong tuyên bố thành phần của sản phẩm chúng được sử dụng mà không ghi cụ thể tên thực phẩm chuẩn hóa (ví dụ, nhãn “hỗn hợp”). Danh mục hỗn hợp không ghi tên thực phẩm chuẩn hóa, (ví dụ, “thịt viên” từ các nguồn khác nhau, có công thức giống mà khác.) Các thành phần bị ảnh hưởng trong một khai báo hỗn hợp phải nhỏ về tính chất và nên được xác định bằng một trong các dạng có thể chấp nhận sau:

- 1) Xúc xích Pepperoni (thịt lợn, thịt bò, nước, muối, gia vị, natri nitrat

- (có thể cũng ử men axít lactic, đường, và natri ascorbate));
- 2) Thịt xông khói (ướp muối, nước, đường nho và/hoặc đường, và natri nitrit); or
- 3) Xúc xích Pepperoni (thịt lợn, thịt bò, nước, chất ngọt (chứa một hoặc nhiều chất sau đây: đường, đường nho, fructoza, mật ngô), muối, gia vị, natri nitrat).¹³⁰

FSIS cho phép sử dụng cả ghi nhãn thành phần và ghi nhãn hỗn hợp trong một tuyên bố thành phần riêng lẻ.

Một số quy ước đặt tên, bao gồm nhóm các thành phần được xác định bằng một thuật ngữ, theo quy định của FDA và làm theo quy định của FSIS.¹³¹ Tên thành phần thường phải cụ thể so với tên chung. Các thuật ngữ đồng nghĩa có thể thay thế cho nhau. Ví dụ về các thuật ngữ có thể thay thế cho nhau là các loại xúc xích: frank, hot dog, và weiner, hoặc mật ngô (corn syrup) và tinh bột ngô (corn syrup solid).

B. Hương liệu Nhân tạo, Chất tạo màu, Hóa chất Bảo quản

1. Hương liệu – Nhận diện Chung hoặc Đặc trưng

Các quy tắc về ghi nhãn hương liệu, chất tạo màu, và hóa chất bảo quản tập trung đảm bảo rằng tuyên bố thành phần thực phẩm đủ để thông báo cho người tiêu dùng về hàm lượng của sản phẩm.¹³² Tài liệu “Câu hỏi và Trả lời” năm 1995 do FSIS ban hành vẫn là nguồn tài liệu quý giá để giải quyết các vấn đề này và các vấn đề ghi nhãn thành phần khác.¹³³ FSIS cho phép thuật ngữ “hương liệu” để chỉ các loại gia vị tự nhiên và chiết xuất gia vị tự nhiên. “Gia vị” có thể được sử dụng để chỉ gia vị tự nhiên.¹³⁴

Các loài thịt và “loài” gia cầm phải được xác định như một phần của hương vị (ví dụ “Nước (loài hoặc loại) cô đặc,” “Nước dùng (loài hoặc loại) cô đặc”.) Các thành phần như vậy không được chỉ tuyên bố là “hương vị” vì nước thịt cô

đặc, nước dùng cô đặc và chiết, và tiết có nguồn gốc từ động vật và phải được ghi rõ là “Nước (loài) cô đặc,” “Nước dùng (loài) cô đặc,” “chiết ra từ (loài),” hoặc “Tiết (loài) cô đặc.”

Chỉ các thành phần nằm trong định nghĩa quy định mới có thể được tuyên bố là “hương vị tự nhiên,” “hương liệu tự nhiên,” “hương vị” hoặc “hương liệu.” Chúng bao gồm dầu tinh chất, nhựa dầu, và chiết xuất gia vị. ¹³⁵ Thuật ngữ “gia vị” được sử dụng để thể hiện các loại gia vị được liệt kê theo quy định của FDA. ¹³⁶

Một số loại thành phần được thủy phân phải được xác định theo nguồn gốc và không thể xác định chung chung là “hương vị.” Ví dụ bao gồm: protein (nguồn gốc) thủy phân, gelatin, phụ phẩm thịt và thịt thủy phân, nấm men và chiết xuất nấm men.

Thuật ngữ “hương liệu xông khói nhân tạo bổ sung” hoặc “hương liệu xông khói bổ sung” phải trên nhãn sản phẩm bên cạnh tên sản phẩm và được chỉ rõ trong tuyên bố thành phần. ¹³⁷ Yêu cầu tương tự áp dụng đối với sản phẩm thịt trong một số trường hợp cụ thể trong đó chất tạo màu nhân tạo được thêm vào sản phẩm. ¹³⁸

2. Màu phụ gia

FSIS yêu cầu màu phụ gia hoặc chất màu phụ gia theo chứng nhận của FDA được chỉ rõ bằng tên thông dụng hoặc thông thường hoặc tên viết tắt như “FD&C Red No. 40,” “Red 40,” “FD&C Blue No. 1 Lake,” hoặc “Blue 1 Lake.”

¹³⁹ Màu phụ gia không phải chứng nhận có thể được tuyên bố chung chung như “Màu nhân tạo” hoặc “Màu bổ sung,” hoặc có thể chỉ rõ là “Tạo màu bằng _____” hoặc “_____ màu,” với phần để trống để điền tên của màu phụ gia. ¹⁴⁰ Sản phẩm chứa bất kỳ chất tạo màu nhân tạo nào phải ghi chú sự thật đó trên vật chứa trực tiếp của sản phẩm hoặc, nếu không có, là trên bản thân sản phẩm. ¹⁴¹

3. Hóa chất Bảo quản

Vật chứa sản phẩm chứa bất kỳ hóa chất bảo quản nào phải chỉ rõ sự thật đó trên nhãn. ¹⁴² Quy tắc bổ sung áp dụng đối với chất chống oxy hóa và phụ gia khác (ví dụ hạn định tên sản phẩm có thể.) Về các sản phẩm gia cầm chứa hóa chất bảo quản, FSIS chỉ rõ rằng tuyên bố ghi nhãn phải ghi tên hóa chất bảo quản và mục đích sử dụng. ¹⁴³

C. Phụ gia Ngẫu nhiên

Quy định liên bang yêu cầu rằng tất cả thành phần được sử dụng để lập công thức sản phẩm thịt hoặc gia cầm phải được liệt kê theo tên thông dụng hoặc thông thường khi ghi nhãn. Có hai ngoại lệ đối với quy tắc này. Một thành phần do FDA phân loại là phụ gia thứ cấp trực tiếp không cần ghi nhãn vì nó chỉ có tác dụng tạm thời về mặt kỹ thuật đối với thực phẩm theo định nghĩa. Ngoại lệ thứ hai là đối với phụ gia ngẫu nhiên theo quy định ghi nhãn của FDA. ¹⁴⁴

FSIS miễn tuyên bố bắt buộc về “phụ gia ngẫu nhiên” khỏi tuyên bố thành phần nếu chúng có số lượng không đáng kể và không có tác dụng về mặt kỹ thuật hay chức năng trong thực phẩm, được sử dụng làm chất hỗ trợ chế biến hoặc chuyển từ thiết bị hoặc vật liệu đóng gói sang thực phẩm.¹⁴⁵ Chất hỗ trợ chế biến là một loại con của phụ gia ngẫu nhiên và không được coi là thành phần vì nó không phải là chất thiết yếu thêm vào thực phẩm để có tác dụng về mặt kỹ thuật hoặc chức năng trong chế biến nhưng chúng có trong thành phẩm với mức không đáng kể và không có tác dụng về mặt kỹ thuật lâu dài trong thực phẩm đó.

FSIS không có định nghĩa về phụ gia ngẫu nhiên hoặc chất hỗ trợ chế biến. Tuy nhiên, nếu một công ty tin rằng việc sử dụng một chất trong sản xuất hoặc lập công thức sản phẩm thịt hoặc gia cầm phù hợp với định nghĩa ghi nhãn của FDA về chất hỗ trợ chế biến phụ gia ngẫu nhiên, thì cần trình nộp dữ liệu cho FSIS để chứng minh tuân thủ với quy định của FDA. FSIS sẽ xác định từng trường hợp xem yêu cầu sử dụng một thành phần có phù hợp với định nghĩa ghi nhãn của FDA về chất hỗ trợ chế biến phụ gia ngẫu nhiên và do đó, có miễn ghi nhãn hay không.

Các ngoại lệ này không áp dụng trong trường hợp quy định FDA bắt buộc rằng việc sử dụng một chất cụ thể phải được tiết lộ vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác. Ví dụ, FDA bắt buộc rằng chất sulfite làm phụ gia ngẫu nhiên phải được ghi nhãn nếu tồn tại với mức vượt quá mức được thiết lập (10 ppm).¹⁴⁶

D. Ghi nhãn Thành phần Quan ngại Sức khỏe Cộng đồng

Vì có các thực phẩm và thành phần thực phẩm mà một số người có thể nhạy cảm (tức là phản ứng dị ứng hoặc không dung nạp) nên FSIS nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ghi nhãn sản phẩm chính xác, mang nhiều thông tin. FSIS ủng hộ rằng kể cả các tuyên bố tự nguyện trên nhãn để cảnh báo những người nhạy cảm hoặc không dung nạp sự có mặt của các thành phần cụ thể, đặc biệt là “8” chất gây dị ứng lớn (lúa mì, động vật giáp xác (ví dụ như, tôm, cua, tôm hùm), trứng, cá, đậu phộng, sữa, các loại hạt (ví dụ, hạnh nhân, quả hồ đào, quả óc chó), và đậu tương) và các thành phần cụ thể khác (monosodium glutamate (MSG), sulfite, lactose, và Yellow 5 (tartrazine). FSIS cung cấp ví dụ sau: “Chứa: sữa, gluten lúa mì, đậu nành.” FSIS cũng ủng hộ xác định nguồn gốc của một thành phần cụ thể trong một tuyên bố trong ngoặc đơn, (ví dụ, “nước sữa (từ sữa)”.)

FSIS cho phép sử dụng tuyên bố ghi nhãn thực tế về môi trường sản xuất của sản phẩm, (ví dụ, “Sản xuất tại nhà máy sử dụng đậu tương,”) nơi các phương thức sản xuất tốt và quy trình vận hành tiêu chuẩn vệ sinh hiệu quả (SSOP) không thể loại trừ hợp lý sự có mặt của một số thành phần không mong muốn. Trong một số trường hợp, cụm từ “có thể chứa (tên của thành phần gây dị ứng)” có thể được sử dụng khi ghi nhãn sản phẩm thịt và gia cầm. Tuy nhiên, việc sử dụng tuyên bố thực tế về môi trường sản xuất của sản phẩm (ví dụ, “Sản xuất tại nhà máy sử dụng đậu tương,”) và việc sử dụng tuyên bố “có thể chứa”, (ví dụ “có thể chứa đậu tương”) chỉ được sử dụng trong các trường hợp cơ sở chứng minh rằng SSOP đầy đủ không thể loại trừ hiệu quả vấn đề tiếp xúc chéo.

Cơ quan sẽ xem xét bất kỳ ký hiệu, tuyên bố hoặc lô gô nào không gây hiểu nhầm để thông báo cho người tiêu dùng về sự có mặt của các thành phần quan ngại sức khỏe cộng đồng trong các sản phẩm thịt, gia cầm hoặc trứng. Tất cả yêu cầu phải được đệ trình cho Cơ quan dưới dạng hỏi đáp chính sách và không phải là hồ sơ đệ trình phê duyệt nhân.

IX. DÒNG ĐỊA CHỈ (CHỮ KÝ)

[9 C.F.R. § 317.2(c)(3) & (g) (thịt); 9 C.F.R. § 381.122 (gia cầm)]

FSIS bắt buộc nhãn sản phẩm thịt và gia cầm phải đưa vào tên hoặc tên thương mại và địa điểm kinh doanh của nhà sản xuất, người đóng gói hoặc người phân phối đối với sản phẩm được sơ chế.¹⁴⁷ Tên nhà sản xuất hoặc người đóng gói có thể xuất hiện trên nhãn mà không cần điều kiện. Tuy nhiên, tên của người phân phối phải sau cụm từ như “Được sơ chế cho __” hoặc “Được phân phối bởi __.” Nếu doanh nghiệp được liệt kê trong danh bạ điện thoại hoặc thành phố thì thông tin được liệt kê cho địa điểm kinh doanh phải bao gồm thành phố, tiểu bang và mã bưu chính. Nếu không, địa chỉ cũng phải bao gồm địa chỉ đường phố.

X. TUYÊN BỐ XỬ LÝ

[9 C.F.R. § 317.2(k) (thịt); 9 C.F.R. § 381.125(a) (gia cầm)]

Sản phẩm đóng gói bắt buộc xử lý đặc biệt để duy trì tình trạng lạnh mạnh phải được hiển thị nổi bật trên pa-nen hiển thị chính, tuyên bố xử lý áp dụng “Giữ trong tủ lạnh,” “Giữ đông lạnh,” or “Sản phẩm dễ hỏng—Giữ trong tủ lạnh hoặc Đông lạnh.”¹⁴⁸ Cục trưởng FSIS cũng có thể phê duyệt các cụm từ bổ sung có ý nghĩa tương tự.

Tuyên bố “Giữ đông lạnh” phải xuất hiện trên vật chứa vận chuyển cho các sản phẩm được phân phối đông lạnh và rã đông trước khi hoặc trong khi trưng bày để bán. Vật chứa theo kích cỡ cho người tiêu dùng đang giữ các sản phẩm như vậy phải mang tuyên bố “Xử lý đông lạnh trước, làm lạnh trước hoặc giữ trong tủ lạnh.” Đối với các sản phẩm dễ hỏng để trong hộp, tuyên bố này phải xuất hiện bằng chữ hoa, chiều cao ¼ inch, đối với vật chứa có trọng lượng tịnh 3 pound trở xuống, hoặc chiều cao ½ inch đối với vật chứa có trọng lượng tịnh 3 pound trở lên.

XI. HƯỚNG DẪN XỬ LÝ AN TOÀN

[9 C.F.R. § 317.2(l) (thịt); 9 C.F.R. § 381.125(b) (gia cầm)]

Hướng dẫn xử lý an toàn là bắt buộc nếu thành phần thịt hoặc gia cầm của sản phẩm là tươi sống hoặc chín tái (tức là không được coi là ăn sẵn (RTE)), và nếu sản phẩm cho người tiêu dùng hộ gia đình hoặc tổ chức sử dụng.¹⁴⁹ Hướng dẫn xử lý an toàn có thể xuất hiện trên sản phẩm không ăn sẵn (RTE) nhưng bao gồm một phần thịt hoặc gia cầm được nấu chín hoàn toàn. Hướng dẫn xử lý an toàn không nên sử dụng đối với các sản phẩm RTE. Các sản phẩm thịt và gia cầm để chế biến thêm tại một cơ sở chính thức khác cũng được miễn yêu cầu này. Dưới đề mục “Hướng dẫn Xử lý An toàn,” thì thông tin xử lý an toàn phải xuất hiện trên nhãn như sau.

Sản phẩm này được sơ chế từ thịt và/hoặc gia cầm đã được thanh tra và thông qua. Một số sản phẩm thực phẩm có thể chứa vi khuẩn có thể gây bệnh nếu sản phẩm bị ghi nhãn sai hoặc nấu không đúng cách. Để bảo vệ bản thân, hãy làm theo hướng dẫn xử lý an toàn này.

Tuyên bố này lần lượt đi kèm với các tuyên bố yêu cầu bổ sung sau đây.

- Giữ trong tủ lạnh hoặc đông lạnh. Rã đông trong tủ lạnh hoặc lò vi sóng. (Tuyên bố này phải xuất hiện bên cạnh hình vẽ minh họa một chiếc tủ lạnh.)
150
- Giữ thịt và gia cầm tươi sống tách biệt với các thực phẩm khác. Rửa các bề mặt làm việc (bao gồm thớt), đồ dùng và tay sau khi chạm vào thịt hoặc gia cầm tươi sống. (Tuyên bố này phải xuất hiện bên cạnh hình vẽ minh họa rửa tay bằng xà phòng dưới vòi nước.)
- Nấu kỹ. (Tuyên bố này phải xuất hiện bên cạnh hình vẽ minh họa một chiếc chảo.)
- Giữ nóng thực phẩm nóng. Cho đồ thừa vào tủ lạnh hay hoặc đồ bỏ. (Tuyên bố này phải xuất hiện bên cạnh hình vẽ minh họa một chiếc nhiệt kế.)

Những hướng dẫn này phải xuất hiện bằng chữ có chiều cao không dưới 1/16 và bố trí trên nhãn “nổi bật và dễ thấy để cho dễ dàng đọc và hiểu trong các điều kiện mua hàng và sử dụng thông thường.” Tiêu đề phải đặt bằng cỡ chữ lớn hơn tuyên bố căn cứ và hướng dẫn. Tất cả thông tin xử lý an toàn phải được đặt nổi trên một đường viền và xuất hiện bằng một màu được in trên nền tương phản một màu.¹⁵¹

FSIS cho phép thay đổi tuyên bố thứ nhất và biểu tượng nếu thông tin xử lý cụ thể trên sản phẩm xung đột với hướng dẫn xử lý an toàn. Ví dụ, nếu nhãn của sản phẩm đông lạnh cho biết, “Không rã đông sản phẩm, nấu từ trạng thái đông lạnh,” hoặc “Không rã đông,” phần đầu của tuyên bố xử lý an toàn có thể thay đổi thành “Giữ đông lạnh.” Nếu sản phẩm được bảo quản lâu và cho biết, “Không cần để tủ lạnh,” hoặc “Để tủ lạnh sau khi mở,” thì biểu tượng tủ lạnh và toàn bộ tuyên bố về bảo quản tủ lạnh có thể bỏ đi.

XII. GHI NHÃN DINH DƯỠNG

A. Ghi nhãn Dinh dưỡng Bắt buộc - Yêu cầu Chung

Năm 1994, USDA đã thông qua toàn bộ quy định mới bắt buộc rằng hầu hết thực phẩm phải mang nhãn dinh dưỡng. Hiện nay ghi nhãn dinh dưỡng là bắt buộc đối với tất cả sản phẩm thịt và gia cầm dùng cho người và được chào bán, trừ sản phẩm tươi sống một thành phần và các sản phẩm được miễn khác. Các sản phẩm được miễn bao gồm các sản phẩm được các doanh nghiệp nhỏ sản xuất, các sản phẩm nhằm chế biến thêm, các sản phẩm không bán cho người tiêu dùng, các sản phẩm được sơ chế và bán lẻ, và các sản phẩm trong gói nhỏ (gói bọc riêng có trọng lượng tịnh nhỏ hơn $\frac{1}{2}$).¹⁵² Các trường hợp được miễn này được thảo luận kỹ hơn bên dưới, nhưng điều quan trọng cần lưu ý là với các sản phẩm được miễn này, công bố dinh dưỡng, hoặc bất kỳ thông tin dinh dưỡng nào khác được cung cấp trên nhãn hoặc quảng cáo trong bất kỳ bối cảnh và dưới bất kỳ dạng nào, phủ định trường hợp được miễn và bắt đầu các yêu cầu ghi nhãn dinh dưỡng bắt buộc. Các trường hợp được miễn áp dụng cho một số sản phẩm khác, như các sản phẩm nhằm mục đích cho các sản phẩm giết mổ xuất khẩu và hải quan, không bị phủ định bởi các công bố dinh dưỡng.¹⁵³

Thông thường, thông tin dinh dưỡng phải xuất hiện trên nhãn các sản phẩm thịt và gia cầm. Các gói quà có thể hiển thị thông tin dinh dưỡng tại vị trí khác trên nhãn sản phẩm, như miếng chèn nhãn sản phẩm, với điều kiện là nhãn không mang công bố dinh dưỡng.¹⁵⁴ Các sản phẩm thịt và gia cầm trong gói có tổng diện tích bề mặt lớn hơn 40 inch vuông, nhưng không đủ chỗ trống trên pa-nen hiển thị chính và pa-nen thông tin cho tất cả thông tin bắt

buộc, có thể sử dụng một pa-nen thay thế mà khách hàng dễ thấy.¹⁵⁵

Dinh dưỡng của sản phẩm được khai báo trên nhãn. Một số loại dinh dưỡng phải được khai báo trong khi số khác có thể được tự nguyện khai báo.¹⁵⁶ Thứ tự phải khai báo một số loại dinh dưỡng cũng như một số định nghĩa và yêu cầu, được quy định bên dưới (loại dinh dưỡng tự nguyện cũng được xác định như vậy).¹⁵⁷

- Tổng Calo.
- Calo từ Chất béo.
- Calo từ Chất béo Bão hòa (tự nguyện).
- Tổng Chất béo. Tổng chất béo được định nghĩa là tổng axit béo lipít và được thể hiện là triglyceride.
- Chất béo Bão hòa. Chất béo bão hòa được định nghĩa là tất cả axit béo không chứa liên kết đôi.
- Chất béo Chuyển hóa (tự nguyện).
- Axit Stearic (tự nguyện).
- Chất béo chưa bão hòa đa kết cấu (tự nguyện). Chất béo chưa bão hòa đa kết cấu được định nghĩa là axit béo chưa bão hòa đa kết cấu *cis*, *cis*-methylene-đứt quãng.
- Chất béo chưa bão hòa đơn (tự nguyện). Chất béo chưa bão hòa đơn được định nghĩa là axit béo chưa bão hòa đơn *cis*.
- Cholesterol.
- Natri.
- Kali (tự nguyện).

- Tổng Carbohydrate. Tổng carbohydrate được xác định bằng cách lấy tổng trọng lượng của sản phẩm trừ đi tổng protein thô, tổng chất béo, độ ẩm, và tro.
- Chất xơ thực phẩm.
- Chất xơ tan (tự nguyên).
- Chất xơ không tan (tự nguyên).
- Đường. Đường được định nghĩa là tổng tất cả các loại carbohydrate đơn và đôi tự do (như đường glucose, đường nho, đường sữa và đường mía).
- Dẫn xuất rượu của đường (tự nguyên). Dẫn xuất rượu của đường được định nghĩa là tổng dẫn xuất loại carbohydrate trong đó nhóm hydroxyl thay thế nhóm ketone hay aldehyde và đối tượng sử dụng thực phẩm được FDA liệt kê.
- Carbohydrate khác (tự nguyên). Carbohydrate khác được định nghĩa là chênh lệch giữa tổng carbohydrate và tổng chất xơ thực phẩm, đường và dẫn xuất rượu của đường, ngoại trừ nếu dẫn xuất rượu của đường không được khai báo (thậm chí nếu có) thì carbohydrate khác được định nghĩa là chênh lệch giữa tổng carbohydrate và tổng chất xơ thực phẩm và đường.
- Protein. Tuyên bố số lượng gram protein phải được khai báo. Thông thường, không cần khai báo phần trăm giá trị protein hàng ngày trừ khi công bố protein được làm cho sản phẩm, hoặc nếu sản phẩm dùng cho trẻ dưới 4 tuổi hoặc trẻ sơ sinh. Khi Chỉ số đánh giá chất lượng nguồn protein cơ thể người cần và khả năng dễ tiêu hóa chúng (Protein Digestibility Corrected Amino Acid Score - PDCAAS) của thực phẩm thấp hơn 20 (đối với người lớn và trẻ em trên 4 tuổi,) hoặc nhỏ hơn 40 (đối với trẻ em từ 1 đến 4 tuổi,) một trong hai nội dung sau sẽ được bố trí bên cạnh hàm lượng protein: (1) “không phải nguồn protein quan trọng,” hoặc (2) danh mục số lượng protein hiệu chỉnh, được thể hiện dưới dạng phần trăm giá trị hàng ngày.
- Vitamin A, Vitamin C, Canxi, và Sắt. Phần trăm giá trị hàng ngày về vitamin A, vitamin C, canxi và sắt phải được khai báo theo thứ tự đó, và bất kỳ vitamin và chất khoáng nào khác mà công bố được đưa ra, với điều kiện là FDA đã thiết lập liều lượng hàng ngày khuyến nghị (RDI) đối với vitamin và chất khoáng đó.
- Vitamin và Chất khoáng (tự nguyên). Khai báo phần trăm giá trị hàng ngày của các vitamin và chất khoáng khác là tự nguyện nếu vitamin và chất khoáng là cần thiết để sử dụng trong thực phẩm chuẩn hóa được sử dụng như một thành phần trong một thực phẩm khác hoặc chỉ đưa vào nhằm mục đích kỹ thuật. (Có thể tìm thấy danh mục các vitamin và chất khoáng khác có thể được khai báo trên pa-nen thành phần dinh dưỡng tại Mục F của phần này)

Thông thường, thông tin dinh dưỡng phải được trình bày theo tên dinh dưỡng trong quy định, trừ “dẫn xuất rượu của đường” có thể được khai báo theo tên riêng (ví dụ, xylitol) khi chỉ có một loại dẫn xuất rượu của đường trong thực phẩm. Các yêu cầu chi tiết được quy định ghi rõ khi nào phải khai báo từng thành phần bắt buộc hoặc tự nguyện. Ví dụ, dinh dưỡng thường được khai báo tự nguyện phải được khai báo khi có công bố về dưỡng chất được đưa ra. ¹⁵⁸

Ngoại trừ các dinh dưỡng cốt yếu (calo, tổng chất béo, natri, tổng carbohydrate, và protein), dinh dưỡng có mặt với số lượng không đáng kể có thể được loại khỏi danh sách dinh dưỡng và nhóm vào tuyên bố tóm tắt (ví dụ, “Không phải nguồn ____quan trọng”.) Chỉ định mức dinh dưỡng có thể được khai báo là (làm tròn là) không. Quy định này cũng chỉ rõ phương pháp phân tích để đo từng loại dinh dưỡng. ¹⁵⁹

B. Định dạng Đầy đủ

Thông tin dinh dưỡng phải được trình bày theo cỡ chữ và định dạng chỉ định. ¹⁶⁰ Thứ tự thông tin dinh dưỡng xuất hiện, và tiêu đề phải được sử dụng, cũng được chỉ rõ trong quy định. ¹⁶¹ Số lượng định lượng của từng loại dinh dưỡng phải được khai báo, trừ vitamin và chất khoáng, được thể hiện bằng phần trăm giá trị hàng ngày. ¹⁶² Phần trăm Giá trị Tham chiếu Hàng ngày (DRV), dưới đề mục “% Giá trị Hàng ngày,” phải được khai báo đối với tổng chất béo, chất béo bão hòa, cholesterol, natri, kali (nếu được khai báo), tổng carbohydrate, và chất xơ thực phẩm. Phần trăm giá trị hàng ngày phải được tính toán và khai báo theo số gia được chỉ rõ trong quy định. ¹⁶³

Thông thường, pa-nen dinh dưỡng cũng phải chứa chú dẫn, sau một dấu sao cho biết: “Phần trăm Giá trị Hàng ngày dựa trên chế độ

ăn 2.000 calo. Giá trị hàng ngày của quý vị có thể cao hơn hoặc thấp hơn tùy thuộc vào nhu cầu calo của quý vị.”¹⁶⁴ Ngoài ra, chú dẫn phải liệt kê các giá trị hàng ngày khuyến nghị cho các vĩ chất trên cơ sở chế độ ăn 2.000 và 2.500 calo. Thông tin quy đổi calo trên gram có thể sau chú dẫn (ví dụ, “Calo trên gram: chất béo 9, carbohydrate 4, protein 4”).¹⁶⁵

Được phép thay đổi về việc trình bày thông tin dinh dưỡng trong một số trường hợp. Ví dụ, có thể trình bày thông tin dinh dưỡng cho từ hai loại thực phẩm trở lên (ví dụ, “như được mua” và “như sơ chế”) trên ounce” và “trên 100 gram;”) Phải tuân theo các yêu cầu quy định về tuyên bố kép. Cột chính là thực phẩm như đóng gói.¹⁶⁶

Ngoài ra, các sản phẩm thịt chứa hai sản phẩm trở lên trong cùng một gói hoặc các gói tương tự được sử dụng hoán đổi cho nhau cho một loại sản phẩm có thể sử dụng một hiển thị tổng hợp, chỉ rõ tên của từng thực phẩm bên cạnh thông tin dinh dưỡng.¹⁶⁷ Cũng có thể sử dụng định dạng này để hiển thị thông tin cho từ hai loại sản phẩm tương tự trở lên (ví dụ tươi sống và nấu.)¹⁶⁸

C. Định dạng Đơn giản

Được phép dùng định dạng đơn giản cho thông tin dinh dưỡng khi sản phẩm thịt chứa số lượng “không đáng kể” bất kỳ loại dinh dưỡng nào không phải loại dinh dưỡng cốt yếu (calo, tổng chất béo, natri, tổng carbohydrate, và protein.)¹⁶⁹

“Số lượng không đáng kể” một loại dinh dưỡng được định nghĩa là số lượng có thể làm tròn bằng không trong ghi nhãn dinh dưỡng, trừ tổng carbohydrate, chất xơ thực phẩm, đường và protein, nó là số lượng có thể khai báo là nhỏ hơn 1 gram.¹⁷⁰

Định dạng đơn giản phải bao gồm:

- (1) Tổng calo, tổng chất béo, tổng carbohydrate, natri, và protein; và
- (2) Calo từ chất béo, cũng như bất kỳ loại dinh dưỡng bắt buộc nào có mặt trong thực phẩm lớn hơn số lượng không đáng kể.

Nếu bất kỳ loại dinh dưỡng yêu cầu nào, ngoài dinh dưỡng cốt lõi, có mặt với số lượng không đáng kể, có thể bỏ qua khỏi danh mục bảng, với điều kiện là nhãn dinh dưỡng bao gồm tuyên bố “Không phải nguồn ____ quan trọng,” (với phần trống để điền vào loại dinh dưỡng yêu cầu có mặt với số lượng không đáng kể). Nếu không, tuyên bố này không cần thiết.¹⁷¹

Thông tin dinh dưỡng đơn giản phải trình bày những nội dung thiết yếu giống như yêu cầu đối với định dạng chung. Định dạng đơn giản cũng phải chứa tuyên bố, “Phần trăm Giá trị Hàng ngày dựa trên chế độ ăn 2.000 calo,” và, nếu thuật ngữ “Giá trị Hàng ngày” không được viết đủ, thì một tuyên bố là “DV” thể hiện “Giá trị Hàng ngày.”

D. Định dạng Bảng

Các gói có diện tích bề mặt khả dụng từ 40 inch vuông trở xuống có thể sử dụng nhãn dạng bảng. Nhãn vô cùng nhỏ không thể hỗ trợ định dạng bảng hoặc cột dọc chuẩn có thể hiển thị thông tin dinh dưỡng yêu cầu theo định dạng thẳng được USDA phác họa cụ thể. Việc sử dụng định dạng thẳng này được phê duyệt tùy theo từng trường hợp. Vì định dạng thẳng rất khó đọc, các công ty phải chứng minh rằng không thể điều chỉnh định dạng bảng trên nhãn.¹⁷² Các gói có chỗ trống ghi nhãn khả dụng từ 40 inch vuông trở xuống cũng có thể sử dụng chữ viết tắt được phê duyệt là một phần pa-nen thành phần dinh dưỡng. Dưới đây là danh sách chữ viết tắt được phép:

Khẩu phần - Serv size

Khẩu phần trên vật chứa - Servings

Calo từ chất béo - Fat cal

Calo từ chất béo bão hòa - Sat fat cal

Chất béo bão hòa - Sat fat

Chất béo chưa bão hòa đơn - Monounsaturated fat

Chất béo chưa bão hòa đa kết cấu - Polyunsaturated fat

Cholesterol- Cholest

Tổng carbohydrate- Total carb

Chất xơ thực phẩm - Fiber

Chất xơ tan- Sol fiber

Chất xơ không tan - Insol fiber

Dẫn xuất rượu của đường - Sugar alc

Carbohydrate khác - Other carb ¹⁷³

E. Yêu cầu Tuân thủ Chi phối Ghi nhãn Dinh dưỡng

Khi tính toán và trình bày thông tin dinh dưỡng, nhà sản xuất phải làm theo các quy tắc tuân thủ do USDA thiết lập. Phương pháp phân tích được cung cấp trong “Sách Hướng dẫn Phòng thí nghiệm Hóa học” của Cơ quan. Nếu không có phương pháp của USDA hoặc phương pháp không phù hợp đối với một loại dinh dưỡng, thì nên làm theo ấn bản năm 1990 của “Phương pháp Phân tích Chính thức,” do AOAC International công bố. ¹⁷⁴

F. Liều lượng Tham chiếu Hàng ngày và Giá trị Tham chiếu Hàng ngày

Khai báo nhãn về phần trăm giá trị vitamin và chất khoáng hàng ngày sẽ dựa trên Liều lượng Hàng ngày Khuyến nghị (RDI) sau đây: ¹⁷⁵

- Vitamin A, 5.000 đơn vị quốc tế
- Vitamin C, 60 milligram
- Canxi, 1,0 gram
- Sắt, 18 milligram
- Vitamin D, 400 đơn vị quốc tế
- Vitamin E, 30 đơn vị quốc tế
- Vitamin K, 80 microgram
- Thiamin, 1,5 milligram
- Riboflavin, 1,7 milligram
- Niacin, 20 milligram
- Vitamin B6, 2,0 milligram

- Axít Folate, 0,4 milligram
- Vitamin B12, 6 microgram
- Biotin, 0,3 milligram
- Axít Pantothenic, 10 milligram
- Photpho, 1,0 gram
- Iốt, 150 microgram
- Magiê, 400 milligram
- Kẽm, 15 milligram
- Đồng, 2 milligram

Liều lượng Hàng ngày Khuyến nghị (RDI) sau đây từ quy định của FDA cũng được phép trên cơ sở tự nguyện đối với các sản phẩm thực phẩm USDA.

- Selen, 70 microgram
- Mangan, 2,0 milligram
- Crom, 120 microgram
- Molybden, 75 microgram
- Clorua, 3.400 milligram

Ngay sau tên của một loại dinh dưỡng hoặc thành phần thực phẩm, từ đồng nghĩa sau có thể được sử dụng trong ngoặc:

- Calo—Năng lượng
- Vitamin C—Axít Ascorbic
- Thiamin—Vitamin B1
- Riboflavin—Vitamin B2

- Folate—Axít Folic hoặc Folacin (Thay vào đó, axít folic hoặc folacin có thể được liệt kê mà không có dấu ngoặc đơn vào chỗ folate.)

Khai báo nhãn về phần trăm giá trị các thành phần thực phẩm

ngày ngày sau đây sẽ dựa trên Giá trị Hàng ngày Khuyến nghị (RDI) sau đây:

- Chất béo, 65 gram
- Axít béo bão hòa, 20 gram
- Cholesterol, 300 milligram
- Tổng carbohydrate, 300 gram
- Chất xơ, 25 gram
- Natri, 2.400 milligram
- Kali, 3.500 milligram
- Protein, 50 gram

G. Miễn Ghi nhãn Dinh dưỡng Bắt buộc

Như thảo luận ở trên, các quy định miễn một số thực phẩm khỏi yêu cầu ghi nhãn dinh dưỡng bắt buộc hoặc các thực phẩm khác phải theo yêu cầu ghi nhãn đặc biệt. Thông thường, các trường hợp được miễn này chỉ áp dụng khi nhãn của sản phẩm và quảng cáo không đưa ra công bố dinh dưỡng và không chứa thông tin dinh dưỡng. Các trường hợp được miễn và các yêu cầu ghi nhãn đặc biệt, nếu có, được xác định bên dưới. ¹⁷⁶

- Doanh Nghiệp Nhỏ. Một công ty có từ 500 nhân viên trở xuống, các sản phẩm cụ thể được sản xuất ở mức 100.000 pound sản phẩm trên năm hoặc ít hơn được miễn. Tất cả sản phẩm theo cùng một công thức được tính hướng tới giới hạn 100.000 pound. Ví dụ, một doanh nghiệp làm xúc xích lợn gộp chung trọng lượng của các sản phẩm giò chả và xúc xích tính gộp. Các doanh nghiệp có thể tính số lượng pound được sản xuất bằng cách tính trung bình hai năm sản xuất gần nhất.
- Sản Phẩm Nhằm Chế Biến Thêm.
- Sản Phẩm Không Phải Để Bán Cho Người Tiêu Dùng. Ví dụ, một gói nước sốt miễn phí kèm theo trứng cuộn không yêu cầu ghi nhãn dinh dưỡng. Tuy nhiên, gói này không thể tính vào trọng lượng tịnh của sản phẩm. Nếu gói nước sốt được tính vào trọng lượng tịnh hoặc không miễn phí thì yêu cầu ghi nhãn dinh dưỡng.

- Gói Nhỏ Bọc Riêng. Các gói bọc riêng trọng lượng tịnh dưới ½ ounce được miễn.
- Sản Phẩm Giết Mổ Hoặc Sơ Chế Miễn Thanh Tra.
- Sản Phẩm Dành Riêng Cho Xuất Khẩu.
- Một Số Sản Phẩm Được Sơ Chế Và Bán Hoặc Phục Vụ Nhỏ Lẻ:
 - o Sản phẩm ăn sẵn đóng gói hoặc gói phần bán lẻ
 - o Sản phẩm nhiều loại dinh dưỡng (ví dụ xúc xích) được chế biến bán lẻ
- Thực Đơn Của Nhà Hàng.
- Thực Phẩm Cho Trẻ Sơ Sinh Và Trẻ Nhỏ. Thực phẩm cho trẻ dưới 2 tuổi phải mang nhãn dinh dưỡng, trừ các loại dinh dưỡng sau có thể không khai báo: calo từ chất béo, calo từ chất béo bão hòa, chất béo bão hòa, axit stearic, chất béo chưa bão hòa đa kết cấu, chất béo bão hòa đơn, và cholesterol. Các thực phẩm được thể hiện hoặc ngụ ý cho trẻ sơ sinh và trẻ dưới bốn tuổi phải mang nhãn dinh dưỡng, trừ thông tin không bao gồm phần trăm Giá trị Hàng ngày (DV) và thông tin chú dẫn. Tên dinh dưỡng và số lượng định lượng theo trọng lượng phải được trình bày trong các cột riêng.
- Gói Nhỏ. Thực phẩm trong gói có tổng diện tích bề mặt khả dụng để ghi nhãn nhỏ hơn 12 inch vuông được miễn, nhưng nhãn phải chứa địa chỉ hoặc số điện thoại có thể sử dụng để lấy thông tin dinh dưỡng yêu cầu (ví dụ, “Để biết thông tin dinh dưỡng, vui lòng gọi 1-800-123-4567”). Khi cung cấp ghi nhãn dinh dưỡng, do tự nguyện hay do công bố dinh dưỡng, tất cả thông tin yêu cầu phải đáp ứng các yêu cầu về kích cỡ cụ thể.

H. Ghi nhãn Dinh dưỡng Tự nguyện

Hiện tại, ghi nhãn dinh dưỡng sản phẩm thịt và gia cầm tươi sống một dưỡng chất là tự nguyện. Khi hướng dẫn ghi nhãn dinh dưỡng tự nguyện áp dụng, nhà sản xuất hoặc người bán lẻ phải làm theo chương trình ghi nhãn dinh dưỡng bắt buộc với một số trường hợp ngoại lệ. Ghi nhãn dinh dưỡng có thể được khai báo “theo tiêu thụ” hoặc “theo đóng gói,” và không cần đưa vào số khẩu phần trên một thùng/đò/hộp chứa. Cũng có thể sử dụng định dạng ghi nhãn đơn giản.

Khi một người bán lẻ cung cấp thông tin dinh dưỡng tại điểm bán (ví dụ như dấu hiệu hay tài liệu quảng cáo), danh sách phần trăm giá trị hàng ngày và chú dẫn yêu cầu có thể được bỏ qua, và yêu cầu định dạng không áp dụng. Tuy nhiên, nếu có công bố dinh dưỡng thì tất cả yêu cầu bắt buộc sẽ áp dụng.

“Sự tham gia đáng kể” trong chương trình ghi nhãn dinh dưỡng tự nguyện là cần thiết; nếu không, các sản phẩm theo hướng dẫn ghi nhãn dinh dưỡng tự nguyện sẽ trở thành bắt buộc. Người bán lẻ được coi là tham gia ở mức “đáng kể” nếu người bán lẻ cung cấp thông tin dinh dưỡng phù hợp cho ít nhất 90 phần trăm miếng cắt lớn của gia cầm và thịt tươi sống, một thành phần mà người bán lẻ bán. “Sự tham gia đáng kể” được đánh giá 2 năm một lần. Do sự tham gia trong chương trình ghi nhãn dinh dưỡng tự nguyện được xác định là “không đáng kể” năm 1996 và 1999, FSIS đã đề xuất ghi nhãn dinh dưỡng bắt buộc cho các sản phẩm trong chương trình tự nguyện.

I. Khẩu phần

Mục này cung cấp tổng quan về các quy định của FSIS liên quan đến khẩu phần, theo sau là mô tả chi tiết thêm về các yêu cầu quy định cụ thể ví dụ như cách thể hiện khẩu phần trên nhãn sản phẩm. Mục này cũng sẽ trình bày lượng tham chiếu được tiêu thụ theo thói quen (RACC) theo bữa ăn và quy đổi RACC sang khẩu phần được ghi nhãn (tùy thuộc vào loại và kích cỡ của sản phẩm) và ngoại lệ đối với các yêu cầu này. Tóm tắt quy trình xác định số lượng khẩu phần trên vật chứa cũng được cung cấp.

1. Yêu cầu Chung

Nhằm mục đích ghi nhãn dinh dưỡng, các thành phần dinh

duỡng và thực phẩm phải được tuyên bố dựa trên khẩu phần thực phẩm.

“Khẩu phần” được định nghĩa là số lượng thực phẩm được tiêu thụ theo thói quen trong một bữa ăn, được thể hiện bằng đơn vị đo thông thường phù hợp của hộ gia đình.¹⁷⁷ Khẩu phần dựa trên RACC thiết lập cho thực phẩm cụ thể.

Quy đổi từ số lượng tham chiếu sang khẩu phần tùy thuộc vào tính chất của sản phẩm. Đối với tất cả sản phẩm thịt và gia cầm, khai báo thành phần dinh dưỡng và thành phần thực phẩm nên dựa trên sản phẩm “theo đóng gói,” trừ sản phẩm tươi sống một thành phần có thể được khai báo là “theo tiêu thụ.” Có hai ngoại lệ đối với sản phẩm tươi sống, nhiều loại dinh dưỡng khai báo thông tin dinh dưỡng trên cơ sở “như được mua”. FSIS đã xác định rằng đối với các sản phẩm thịt xông khói với độ co ngót khi nấu ít nhất 60 phần trăm và sản phẩm xúc xích thịt với độ co ngót khi nấu ít nhất 24 phần trăm, thông tin dinh dưỡng có thể được tuyên bố chỉ căn cứ vào “như được nấu”, vì thông tin dinh dưỡng trên cơ sở “như đóng gói” sẽ không hữu ích với người tiêu dùng vì hồ sơ dưỡng chất thay đổi đáng kể sau khi nấu. Hướng dẫn nấu phải được đưa vào nhãn của sản phẩm xúc xích thịt và thịt xông khói. Tất cả sản phẩm có thể được khai báo trong cột thứ hai “theo tiêu thụ” nếu hướng dẫn sơ chế và nấu trình bày rõ ràng.

2. Đơn vị đo Thông thường của Hộ gia đình

Khẩu phần phải được thể hiện bằng “đơn vị đo thông thường của hộ gia đình” được định nghĩa là cốc, muỗng cà phê, muỗng canh, miếng, lát, phần (ví dụ, $\frac{1}{4}$ pizza), ounce, hoặc dụng cụ thông thường của hộ gia đình được sử dụng để đo sản phẩm thực phẩm (ví dụ, vại, khay.) Quy định liệt kê theo thứ tự ưu tiên đơn vị đo phù hợp với thực phẩm riêng lẻ: (1) cốc, muỗng canh, hoặc muỗng cà phê nên được sử dụng bất kỳ khi nào có thể; (2) các đơn vị như miếng, lát, khay, vại, phần trên toàn bộ (phù hợp nhất cho các sản phẩm như pizza hay bánh trứng) được sử dụng khi các đơn vị đo như cốc, muỗng canh hay muỗng cà phê không áp dụng; và không tùy chọn nào trong hai tùy chọn trước đây là phù hợp; (3) ounce, phải thể hiện dưới dạng số gia 0,5 ounce.¹⁷⁸ Số làm tròn nên được thể hiện bằng cách sử dụng thuật ngữ, “khoảng.”¹⁷⁹ Chữ viết tắt được phép theo quy định.¹⁸⁰

Đơn vị đo thông thường của hộ gia đình phải đứng trước khối lượng theo hệ mét trong ngoặc đơn (ví dụ, “2 lát [50 gram]”), trừ khi đối với các vật chứa khẩu phần đơn. Nếu nhà sản xuất tình nguyện cung cấp trọng lượng theo hệ mét cho sản phẩm khẩu phần đơn trong khai báo trọng lượng tịnh thì khai báo khẩu phần không cần bao gồm quy đổi hệ mét (ví dụ, “gói 1 khẩu phần.”) Tuy nhiên, nếu trọng lượng theo hệ mét được đưa vào trong cả khai báo theo trọng lượng tịnh và khẩu phần thì chúng phải giống nhau.

Đối với các sản phẩm một khẩu phần và sản phẩm loại bữa ăn (ví dụ như hộp, can, gói, bữa ăn hoặc bữa tối) thì nên sử dụng mô tả vật chứa hoặc gói riêng. Đối với các sản phẩm khác bằng đơn vị rời rạc (ví dụ,

như miếng, lát, viên, xúc xích,) thì nên sử dụng mô tả đơn vị riêng lẻ. Đối với các sản phẩm chưa chuẩn bị được sử dụng để chuẩn bị các đơn vị rời rạc, lớn, phải sử dụng miếng nhỏ hoặc phân chia.¹⁸¹ Khi không áp dụng đơn vị khác thì khẩu phần được mô tả bằng ounce. FSIS cũng cho phép khai báo bằng ounce cho khẩu phần sản phẩm bằng các đơn vị như ức gà, thăn lợn, v.v., nếu đơn vị riêng lẻ thay đổi trên 100% trọng lượng. Ví dụ, khi ức gà nặng khoảng 3 ounce đến 6 ounce, các công ty được phép dán nhãn sản phẩm bằng ounce chứ không phải là miếng.

Khi khẩu phần, được xác định bằng một lượng tham chiếu, nằm một nửa giữa hai khẩu phần (ví dụ, 2,5 tbsp), thì kích thước nên được làm tròn tới kích thước số gia tiếp theo.¹⁸² Tất cả khối lượng gram và millilit tương đương với đơn vị đo cho hộ gia đình nên được làm tròn tới số nguyên gần nhất, trừ khối lượng nhỏ hơn 5 g (mL). Khối lượng giữa 2 và 5 g (mL) nên được làm tròn đến 0,5 g (mL) gần nhất, và khối lượng nhỏ hơn 2 g (mL) nên được thể hiện bằng số gia 0,1 g (mL).¹⁸³

3. Lượng Tham chiếu Tiêu thụ theo Thói quen (RACC) trong một Bữa ăn

Lượng tham chiếu thể hiện lượng thực phẩm được tiêu thụ theo thói quen trong một bữa ăn và dựa trên phần ăn được của thực phẩm và mục đích sử dụng chính của thực phẩm. Có các lượng tham chiếu thay thế cho thực phẩm cho trẻ sơ sinh hoặc trẻ dưới 4 tuổi.¹⁸⁴ FSIS đã thông qua cách sử dụng RACC sẵn sàng phục vụ được liệt kê bên dưới mà không được hệ thống hóa trong quy định:

- Khai vị (ví dụ, Thịt (hoặc gia cầm) hors d'oeuvres, trứng cuộn nhỏ,

pizza cuộn nhỏ, pizza vòng) - 85 gram RACC

- Đậu với thịt (hoặc gia cầm), nước thịt hoặc sốt - 130 gram đậu sốt hoặc đông hộp trong nước đậu và đậu chiên sơ chế; 90 gram các loại sơ chế khác; 35 gram khô RACC
- Xúc xích thịt (hoặc xúc xích gia cầm) nước sốt ớt – 2 tbsp RACC
- Patê kèm rau quả - 15 gram RACC
- Anh đào nhồi hạt tiêu - 30 gram RACC
- Rau, nước sốt, và thịt xông khói (hoặc thịt gia cầm xông khói) - 110 gram RACC
- Mỡ gia cầm rán – 1 tbsp RACC

Lượng tham chiếu của sản phẩm yêu cầu nấu hoặc thêm nước hoặc các thành phần khác là lượng yêu cầu sơ chế một lượng tham chiếu của thành phẩm. Lượng tham chiếu cho các sản phẩm thể hiện hai hoặc nhiều thực phẩm đóng gói và trình bày để tiêu thụ cùng nhau (ví dụ, thịt ăn trưa với pho mát và bánh quy giòn) thường là tổng số các lượng tham chiếu theo tỷ lệ cho từng loại thực phẩm trong gói, với điều kiện là lượng tham chiếu cho sản phẩm kết hợp không được liệt kê cụ thể.

Lượng tham chiếu phải được sử dụng để xác định liệu một sản phẩm có đáp ứng các tiêu chí về công bố hàm lượng dưỡng chất và công bố sức khỏe hay không. Lượng tham chiếu có thể được thiết lập hoặc sửa đổi bằng cách trình nộp kiến nghị lên FSIS. Yêu cầu kiến nghị được chi rõ trong quy định. ¹⁸⁵

4. Quy đổi Lượng Tham chiếu Tiêu thụ theo Thói quen (RACC) sang Khẩu phần Ghi nhận

a. Sản phẩm bằng đơn vị rời rạc

Khẩu phần cho các sản phẩm bằng các đơn vị rời rạc (ví dụ, xúc xích, thịt ăn trưa thái lát) và các sản phẩm gồm hai hoặc nhiều thực phẩm đóng gói được tiêu thụ cùng nhau (ví dụ, thịt bò rán và nước sốt thịt nướng) thường là số của toàn bộ đơn vị gần xấp xỉ với lượng tham chiếu cho chủng loại sản phẩm. Nếu một đơn vị nặng 67 phần trăm trở lên, nhưng nhỏ hơn 200 phần trăm, của lượng tham chiếu, khẩu phần sẽ là một đơn vị. Nếu một đơn vị nặng 50 phần trăm, nhưng nhỏ hơn 67 phần trăm, của lượng tham chiếu, nhà sản xuất có thể khai báo một hoặc nhiều đơn vị làm khẩu phần. Nếu đơn vị nặng 200 phần trăm trở lên so với lượng tham chiếu, thì nhà sản xuất có thể khai báo toàn bộ đơn vị như một khẩu phần chỉ khi nó có thể được tiêu dùng hợp lý trong một bữa ăn duy nhất.¹⁸⁶

Khẩu phần sản phẩm được thể hiện trong các đơn vị rời rạc, lớn thường được phân chia để tiêu dùng (ví dụ, pizza, bánh trứng) là lát theo phần của thực phẩm gần xấp xỉ với lượng tham chiếu cho chủng loại sản phẩm. Các phân số là $1/2$, $1/3$, $1/4$, $1/5$, $1/6$, hoặc phân số nhỏ hơn nó thể chia hết cho 2 hoặc 3. Đối với các gói được sử dụng để chuẩn bị đơn vị lớn, rời rạc (ví dụ, bộ dụng cụ pizza), khẩu phần có thể là phần của gói được sử dụng để làm lượng tham chiếu của đơn vị lớn, rời rạc.¹⁸⁷

Đối với các chủng loại sản phẩm thịt hoặc thực phẩm từ thịt (ví dụ, các gói khác nhau), hàm lượng dưỡng chất có thể được thể hiện cho toàn bộ gói hoặc các sản phẩm riêng biệt.

b. Các sản phẩm số lượng lớn

Khẩu phần cho các sản phẩm số lượng lớn (ví dụ như, bò nguyên con, gà nguyên con quay, hộp ốt lớn, gà Đông lạnh Nhanh Riêng lẻ (IQF), sản phẩm nước sốt và mỳ rau) và các sản phẩm gồm hai hoặc nhiều thực phẩm đóng gói được tiêu thụ cùng nhau (ví dụ, thịt bò nướng và khoai tây) là lượng bằng đơn vị đo trong hộ gia đình gần xấp xỉ với lượng tham chiếu cho chủng loại sản phẩm. Đối với “các món hỗn hợp có thể đo bằng cốc” được bán dưới dạng sản phẩm IQF, khẩu phần là lượng sản phẩm đông lạnh cần để làm 1 cốc sản phẩm sẵn sàng để ăn. Lượng sản phẩm đông lạnh này thường lớn hơn 1 cốc một chút, khẩu phần sẵn sàng để ăn do sản phẩm co lại khi nấu.

c. Sản phẩm theo loại bữa ăn

Khẩu phần cho các sản phẩm theo bữa ăn trong các vật chứa một khẩu phần là toàn bộ hàm lượng (“chỉ phần ăn được”) của gói. Khẩu phần cho sản phẩm theo bữa ăn không có RACC dựa trên RACC của các thành phần chính và một phần các thành phần khác. Ví dụ, nếu một bữa ăn gồm thịt bò nướng, nước thịt, và một gói khoai tây riêng, công ty sẽ căn cứ vào khẩu phần trên 3 ounce thịt bò với nước thịt và thành phần khoai tây cân đối đồng đều giữa số lượng khẩu phần thịt bò. Khẩu phần sản phẩm theo bữa ăn không căn cứ vào tổng lượng tham chiếu. Ngoài ra, FSIS đã cho phép các công ty ghi nhãn sản phẩm theo bữa ăn nhiều khẩu phần như “bữa ăn cho X” và khẩu phần “1/x gói.”

Đối với một gói có chứa hai hoặc nhiều thực phẩm đóng gói và trình bày được tiêu thụ cùng nhau, thành phần chính được trình bày bằng các đơn vị rời rạc (ví dụ, gà rán và ngô), khẩu phần là số lượng các đơn vị rời rạc của thành phần chính, cộng với thành phần nhỏ theo tỷ lệ được sử dụng để tạo ra lượng tham chiếu.

Một gói có chứa một số loại đơn vị cho một khẩu phần, hoặc một sản phẩm có hai hoặc nhiều khoang chứa các thực phẩm khác nhau, phải cung cấp thông tin dinh dưỡng cho mỗi loại thực phẩm theo khẩu phần dựa trên lượng tham chiếu cho từng chủng loại thực phẩm. Đối với vật chứa một khẩu phần, khẩu phần phải là một đơn vị.

Một sản phẩm được đóng gói và bán riêng lẻ (ví dụ, vật chứa một khẩu phần) và có chứa ít hơn 200 phần trăm lượng tham chiếu, phải được ghi nhãn là một khẩu ăn. Các sản phẩm có lượng tham chiếu 100 gam (hoặc 100 millilit) hoặc lớn hơn có thể tuyên bố số lượng khẩu phần là một hoặc hai khi gói có chứa hơn 150 phần trăm nhưng ít hơn 200 phần trăm lượng tham chiếu. Các gói được bán riêng lẻ có chứa 200 phần trăm trở lên lượng tham chiếu có thể được khai báo là một khẩu phần nếu toàn bộ gói có thể được tiêu thụ hợp lý trong một bữa ăn ¹⁸⁸.

d. Ngoại lệ

Có bốn trường hợp ngoại lệ quy định đối với các quy tắc quy đổi lượng tham chiếu sang khẩu phần: các sản phẩm kiểm soát trọng lượng, sản phẩm theo bữa ăn, gói khác nhau, và vật chứa một khẩu phần. Đối với các sản phẩm để kiểm soát trọng lượng và chỉ có sẵn thông qua một chương trình

kiểm soát trọng lượng, khẩu phần có thể được nhà sản xuất lựa chọn phù hợp với kế hoạch bữa ăn của chương trình. Các sản phẩm đó phải mang tuyên bố, “chỉ để bán thông qua chương trình_____ cơ bản (điền vào chỗ trống tên chương trình kiểm soát trọng lượng phù hợp,) (ví dụ, “Kiểm soát Cân nặng của Smith”).)

5. Khẩu phần trên Vật chứa

Quy trình chi tiết được thiết lập để xác định số lượng khẩu phần trên mỗi vật chứa, bao gồm cả số gia, trong đó khẩu phần cần được tuyên bố và phương thức làm tròn. Số lượng khẩu phần nên được làm tròn đến số nguyên gần nhất, trừ số lượng khẩu phần từ 2 đến 5 khẩu phần nên được làm tròn đến 0,5 khẩu phần gần nhất. Làm tròn luôn được chỉ định bằng chữ “khoảng.”¹⁸⁹

Sản phẩm trọng lượng ngẫu nhiên có thể được khai báo là “thay đổi” với điều kiện là thông tin dinh dưỡng dựa trên lượng tham chiếu được thể hiện bằng ounce. Khi khẩu phần phải được thể hiện trên cơ sở chất rắn ráo nước và số lượng khẩu phần thay đổi vì các thay đổi tự nhiên trong kích cỡ đơn vị (ví dụ như chân lợn ngăm) thì nhà sản xuất có thể chỉ rõ số lượng khẩu phần điển hình trên một vật chứa là “thông thường 5 khẩu phần.”

Số lượng khẩu phần trong gói có vật chứa một khẩu phần nên là số lượng vật chứa riêng lẻ. Đối với các gói có chứa một số đơn vị nhiều khẩu phần, số lượng khẩu phần được xác định bằng cách nhân số lượng các đơn vị nhiều khẩu phần với số lượng khẩu phần trong từng đơn vị riêng lẻ.

Hàm lượng thành phần dưỡng chất và thực phẩm luôn luôn dựa trên sản phẩm như đóng gói hoặc mua hàng. Tuy nhiên, sản phẩm đóng gói trong nước, nước muối, hoặc dầu không được tiêu thụ theo thói quen phải khai báo hàm lượng của chất rắn ráo nước.¹⁹⁰ Nếu dầu hoặc nước dùng được đưa vào trọng lượng tịnh, thông tin dinh dưỡng phải được khai báo cho cả dầu hoặc nước dùng. Các sản phẩm được bán “nguyên xương” phải xác định phần trăm trung bình xương và trừ đi số lượng đó khi tính số lượng khẩu phần trên vật chứa.

Các sản phẩm đó thường kết hợp với các thành phần khác hoặc được sơ chế khác trước khi tiêu thụ có thể khai báo hàm lượng dinh dưỡng riêng của sản phẩm hoặc “theo tiêu thụ,” với điều kiện chỉ rõ loại và khối lượng thành phần được thêm vào và phương pháp sơ chế cụ thể. Ví dụ, súp kem hỗn hợp có thể được ghi nhãn với một tập hợp Giá trị Hàng ngày cho hỗn hợp khô (theo khẩu phần) và một tập hợp súp khác khi được sơ chế.¹⁹¹

XIII. CÔNG BỐ HÀM LƯỢNG DƯỠNG CHẤT THÔNG THƯỜNG

A. Yêu cầu Chung

1. Công bố Nguyên lý Cơ bản

Nhãn thực phẩm không thể mang công bố rõ ràng hoặc ngụ ý mô tả mức dưỡng chất trong thực phẩm (công bố hàm lượng dưỡng chất) trừ khi thuật ngữ đã được định nghĩa theo quy định.¹⁹² Công bố hàm lượng dưỡng chất rõ ràng được coi là “bất kỳ tuyên bố trực tiếp nào về mức (hoặc khoảng) dưỡng chất trong thực phẩm” (ví dụ, “natri thấp”). Công bố hàm lượng dưỡng chất ngụ ý bao gồm bất kỳ công bố nào mô tả thực phẩm hoặc thành phần trong đó theo đó gợi ý rằng dưỡng chất có hoặc không có với một lượng nhất

định (ví dụ, “cao trong cám yến mạch” hoặc “chỉ 6 gram chất béo”), hoặc gợi ý rằng thực phẩm, do hàm lượng dưỡng chất, có thể hữu ích trong việc duy trì phương thức ăn lành mạnh và được làm gắn với công bố hoặc tuyên bố rõ ràng về dưỡng chất (ví dụ, “lành mạnh, chứa 3 gram chất béo”.) Nhà sản xuất phải tuân thủ quy định về công bố hàm lượng dưỡng chất nếu tuyên bố công bố nhãn câu thành một công bố rõ ràng hay ngụ ý. Nếu nhãn sản phẩm mang công bố hàm lượng dưỡng chất thì yêu cầu ghi nhãn dưỡng chất ngay cả khi sản phẩm được miễn khác.

RACC là căn cứ để xác định khẩu phần của thực phẩm và được sử dụng trong việc xác định liệu một sản phẩm có đáp ứng tiêu chí công bố hàm lượng dưỡng chất, trừ khi quy định khác. Công bố có thể không căn cứ vào mức dưỡng chất có trong khẩu phần được khai báo. Nếu khẩu phần được khai báo khác so với lượng tham chiếu áp dụng và sản phẩm không đạt yêu cầu trong công bố dựa trên khẩu phần cho biết thì công bố phải tuân thủ tiêu chí về công bố. Ngoài ra, pa-nen phải bao gồm một tuyên bố giới thiệu cho người tiêu dùng về nhãn dinh dưỡng để biết thông tin về dưỡng chất theo công bố (ví dụ, “natri rất thấp, 35 mg hoặc thấp hơn trên 55 gram”.) Tiêu chí công bố phải gắn sát với công bố nổi bật nhất trong bản in dễ đọc và theo kích cỡ không nhỏ hơn kích cỡ yêu cầu đối với trọng lượng tịnh. ¹⁹³

2. Yêu cầu Chung Khác nhau

Các quy định về ghi nhãn dinh dưỡng các sản phẩm thịt và gia cầm mô tả nhiều quy định ghi nhãn thông thường liên quan đến công bố hàm lượng dưỡng chất. Ví dụ, thông tin được cung cấp như một phần của pa-nen dinh dưỡng không được coi là một công bố hàm lượng dưỡng chất. Tuy nhiên, nếu thông tin này được trình bày bất kỳ chỗ nào khác trên nhãn (ví dụ trên pa-nen hiển thị chính) thì nó có thể được coi là công bố ngụ ý và được quy định như vậy.¹⁹⁴

Các quy định của FSIS cũng xác định cái gì cấu thành thực phẩm “thay thế”.¹⁹⁵ Thực phẩm “thay thế” là thực phẩm có thể được sử dụng hoán đổi cho một loại thực phẩm khác tương tự (tức là, giống về mặt cảm quan, vật lý và chức năng) và không kém hơn về mặt dinh dưỡng. Các sản phẩm dự kiến làm “thực phẩm thay thế,” nhưng không kém hơn về mặt dinh dưỡng, phải được ghi nhãn là sản phẩm mô phỏng. Các quy định này cung cấp hướng dẫn khác về định nghĩa này. Điều cấu thành một “thực phẩm thay thế” liên quan đến nhiều công bố được xác định.

Các thực phẩm đủ điều kiện công bố “thấp”, hoặc nhãn thể hiện một dưỡng chất không có, mà không được chế biến đặc biệt, thay đổi, lập công thức hoặc lập lại công thức, phải mang tuyên bố định tính trực tiếp đi kèm với công bố (ví dụ, “mỡ lợn, thực phẩm không natri”.) Ngoài ra, FSIS đặt vị trí “không” hoặc “thấp” trước tên của thực phẩm ngụ ý rằng thực phẩm có dưỡng chất cụ thể thấp hơn các thực phẩm khác cùng loại. Do đó, chỉ khi thực phẩm được chế biến đặc biệt, thay đổi, lập công thức, hoặc lập công thức lại để sản sinh lượng dưỡng chất cụ thể thấp hơn thì nó có thể mang công bố “không”

hoặc “thấp hơn” trước tên sản phẩm (ví dụ, “mỳ bò natri thấp”.)¹⁹⁶

Yêu cầu về bố trí và nổi bật được ghi rõ cho các công bố hàm lượng dưỡng chất. Cỡ chữ và kiểu chữ của công bố hàm lượng dưỡng chất không được gấp hai lần của tuyên bố nhận diện thực phẩm mà công bố được đưa ra. Các quy định trình bày định nghĩa cụ thể cho từng công bố được giải thích bên dưới bao gồm các yêu cầu chi tiết về bố trí và nổi bật. Thông tin ghi nhãn yêu cầu đi kèm với công bố hàm lượng dưỡng chất cụ thể, có cỡ chữ không được ghi rõ theo quy định, yêu cầu chiều cao không dưới 1/16.¹⁹⁷

3. Khai báo Số và Phần trăm

Tuyên bố về lượng hoặc phần trăm dưỡng chất ngụ ý mô tả đặc điểm mức dưỡng chất được phép nếu thực phẩm đạt yêu cầu công bố được xác định (ví dụ, “dưới 10 gram chất béo trên khẩu phần”.)¹⁹⁸ Nếu thực phẩm mang công bố thực tế không đạt yêu cầu cho một công bố hiện hành đối với dưỡng chất là đối tượng của tuyên bố thực tế thì nó phải kèm một tuyên bố khước từ gần với tuyên bố rằng dinh dưỡng mà công bố được đưa ra của thực phẩm không thấp, hoặc nguồn tốt (ví dụ, chỉ chứa 200 milligram natri trên khẩu phần, không phải thực phẩm natri thấp.) Yêu cầu này nhằm tránh gây hiểu nhầm rằng, ví dụ, thực phẩm có chứa “dưới 300 calo” là thực phẩm calo thấp. Các yêu cầu này ghi rõ các yêu cầu về nổi bật và bố trí đối với tuyên bố khước từ. Cuối cùng, cho phép tuyên bố thực tế không ngụ ý mô tả đặc điểm mức dưỡng chất và không gây sai lệch hoặc hiểu nhầm và không yêu cầu tuyên bố khước từ (ví dụ, “100 calo” hoặc “5 gram chất béo”.) Công bố phần trăm không chất béo được xử lý riêng biệt và giải thích bên dưới.¹⁹⁹

4. Công bố Tương đối -- Yêu cầu Chung

Công bố tương đối là những công bố so sánh mức dưỡng chất trong thực phẩm với mức dưỡng chất trong một thực phẩm tham chiếu phù hợp. Công bố tương đối bao gồm: “nhẹ,” “giảm,” “ít hơn” (hoặc “ít hơn”,) và “nhiều.” Mục này của Sách hướng dẫn thảo luận các yêu cầu cơ bản áp dụng đối với tất cả các công bố tương đối. Các mục sau của Sách hướng dẫn xử lý từng định nghĩa về công bố cụ thể không lặp lại các yêu cầu chung này. ²⁰⁰

a. Thực phẩm Tham chiếu Phù hợp

Phải tuân theo các quy định của FSIS về việc sử dụng thực phẩm tham chiếu. ²⁰¹ Thông thường, đối với các công bố “ít hơn,” “ít hơn,” và “nhiều hơn,” thì thực phẩm tham chiếu có thể là một sản phẩm tương tự hoặc một sản phẩm khác. Đối với công bố “nhẹ,” “giảm,” và “thêm vào”, sản phẩm tham chiếu phải là sản phẩm tương tự. ²⁰²

b. Thông tin Phải Đi kèm Công bố Tương đối

Thông tin diễn giải sau phải đi kèm một công bố tương đối:

- nhận diện thực phẩm tham chiếu và phần trăm (hoặc phân số) lượng dinh dưỡng trong thực phẩm tham chiếu mà dưỡng chất được điều chỉnh (ví dụ ít hơn 50 phần trăm chất béo với (thực phẩm tham chiếu) hoặc ít hơn 1/3 calo với (thực phẩm tham chiếu)); và

- một tuyên bố thông tin định lượng rõ ràng và súc tích so sánh lượng dinh dưỡng đối tượng trong sản phẩm trên khẩu phần ghi nhãn với lượng đó trong thực phẩm tham chiếu phải xuất hiện gần với công bố nổi bật nhất hoặc trên pa-nen thông tin gần với pa-nen dinh dưỡng (ví dụ, chất béo giảm từ 10g xuống 5 g hoặc calo giảm từ 200 xuống 120.)

Không cho phép công bố tương đối mô tả mức dưỡng chất giảm (ví dụ, “nhẹ,” “ít hơn”) nếu hàm lượng dưỡng chất cho thực phẩm tham chiếu đủ điều kiện là “thấp” đối với dưỡng chất đó. Hạn chế này nhằm tránh sử dụng công bố để nhấn mạnh mức dưỡng chất giảm không đáng kể.

Việc sử dụng thuật ngữ “điều chỉnh” được định nghĩa riêng.²⁰³

Công bố “điều chỉnh” có thể được sử dụng trong tuyên bố nhận diện (tức là tên sản phẩm) của một thực phẩm mang công bố tương đối (ví dụ, “giảm”), nếu theo ngay sau tên của dưỡng chất mà có hàm lượng thay đổi (ví dụ, “sản phẩm có chất béo điều chỉnh”.) Tuyên bố nhận diện phải đi kèm với tuyên bố so sánh như “chứa ít hơn 35% so với_____,” và cung cấp thông tin diễn giải yêu cầu cho công bố tương đối, như giải thích ở trên.²⁰⁴

5. Công bố về Sản phẩm cho Món chính và Bữa ăn được Định nghĩa Riêng

[9 C.F.R. § 317.313(l)&(m) (thịt); 9 C.F.R. § 381.413(l) &(m) (gia cầm)]

Nhằm mục đích đưa ra một công bố hàm lượng dưỡng chất, “sản phẩm món chính” phải như sau:²⁰⁵

- đóng góp đáng kể vào chế độ ăn bằng cách cân ít nhất 6 ounce/khẩu phần ghi nhãn;
- chứa ít nhất hai phần thực phẩm 40 gram, hoặc sự kết hợp thực phẩm, từ hai nhóm thực phẩm trở lên trong số bốn nhóm thực phẩm sau: (1) bánh mì, ngũ cốc, gạo và mì ống; (2) các loại trái cây và rau quả; (3) sữa, sữa chua và pho mát;

và (4) thịt, gia cầm, cá, đậu khô, trứng và các loại hạt; không bao gồm hầu hết các loại nước chấm, cũng như nước thịt, đồ gia vị, gia vị, dưa chua, ô liu, mứt, thạch, sirô, bánh, hoặc rau quả; và

- được thể hiện là, hoặc dưới dạng “món chính” (ví dụ, không phải đồ uống hoặc món tráng miệng.)

Nhằm mục đích đưa ra một công bố hàm lượng dưỡng chất, “sản phẩm theo bữa ăn” phải như sau: ²⁰⁶

- đóng góp đáng kể vào chế độ ăn bằng cách cân ít nhất 10 ounce/khẩu phần ghi nhãn;
- chứa ít nhất ba phần thực phẩm 40 gram, hoặc sự kết hợp thực phẩm, từ hai nhóm thực phẩm trở lên trong số bốn nhóm thực phẩm sau: (1) bánh mì, ngũ cốc, gạo và mì ống; (2) các loại trái cây và rau quả; (3) sữa, sữa chua và pho mát; và (4) thịt, gia cầm, cá, đậu khô, trứng và các loại hạt; không bao gồm hầu hết các loại nước chấm, cũng như nước thịt, đồ gia vị, gia vị, dưa chua, ô liu, mứt, thạch, sirô, bánh, hoặc rau quả; và
- được thể hiện là, hoặc dưới dạng thường được hiểu là, bữa sáng, bữa trưa, bữa tối, bữa ăn hoặc bữa chính.

6. Trường hợp được miễn

Công bố trong tên nhãn hiệu của sản phẩm được sử dụng trước ngày 27 tháng 11 năm 1991, không có định nghĩa được miễn các giới hạn cụ thể theo những quy định này, với điều kiện là tên nhãn hiệu không được coi là sai lệch hoặc gây hiểu nhầm. ²⁰⁷Tên nhãn hiệu được miễn vẫn phải tuân thủ các yêu cầu liên quan đến điểm nổi bật của công bố, tuyên bố giới thiệu, và tiết lộ dưỡng chất trong tuyên bố giới thiệu. Nói cách khác, công bố hàm lượng dưỡng chất ngụ ý có thể là một phần tên nhãn hiệu nếu FSIS cho phép công bố đó. Các công bố là một phần của tên sản phẩm theo tiêu chuẩn nhận diện, đến ngày 27 tháng 11 năm 1991 không phải là đối tượng của các quy định về hàm lượng dưỡng chất, tên không được coi là công bố ngụ ý hoặc đối tượng của yêu cầu tiết lộ hoặc tuyên bố giới thiệu.

Ngoài tên nhãn hiệu, tuyên bố mô tả tỷ lệ phần trăm vitamin hoặc chất khoáng trong thực phẩm liên quan đến mức Liều lượng Hàng ngày Khuyến nghị (RDI), trừ khi cấm riêng công bố, được miễn quy định công bố hàm lượng dưỡng chất. ²⁰⁸

B. Công bố Hàm lượng Dưỡng chất Cụ thể

1. Công bố "Cao," "Nguồn Tốt," và "Hơn"

[9 C.F.R. 317.354 (thịt) và 9 C.F.R. 381.454 (gia cầm)]

Công bố được đưa ra về mức dưỡng chất trong thực phẩm liên quan đến Liều lượng Hàng ngày Khuyến nghị (RDI) hoặc Giá trị Hàng ngày Khuyến nghị (RDI) (không bao gồm tổng carbohydrate) chỉ có thể đưa ra nếu công bố được xác định trong mục này của Sách hướng dẫn. Do đó, chỉ có thể chỉ rõ các công bố sử dụng thuật ngữ theo quy định. ²⁰⁹

a. Công bố "Cao"

Thuật ngữ "cao," "giàu," hoặc "nguồn tuyệt vời" có thể được sử dụng nếu dưỡng chất được công bố có mặt trong thực phẩm riêng lẻ từ 20 phần trăm trở lên RDI hoặc DRV trên lượng tham chiếu được tiêu thụ theo thói quen (RACC). Các sản phẩm cho món chính và bữa ăn sẽ đủ điều kiện cho công bố này nếu đạt mức 20 phần trăm và nhãn xác định thành phần thực phẩm là đối tượng của công bố (ví dụ, "khẩu phần bông cải xanh trong sản phẩm này là giàu vitamin C".) ²¹⁰

b. Công bố “Nguồn Tốt”

Thuật ngữ “nguồn tốt,” “chứa,” hoặc “cung cấp” có thể được sử dụng nếu dưỡng chất được công bố có mặt trong thực phẩm riêng lẻ từ 10 đến 19 phần trăm RDI hoặc DRV trên RACC. Các sản phẩm cho món chính và bữa ăn sẽ đủ điều kiện cho công bố này nếu đạt mức từ 10 đến 19 phần trăm và nhãn xác định thành phần thực phẩm là đối tượng của công bố. ²¹¹

c. Công bố “Hơn”

Công bố so sánh “hơn” có thể được sử dụng để mô tả mức protein, vitamin, chất khoáng, chất xơ thực phẩm hoặc kali có mặt trong thực phẩm riêng lẻ nếu dưỡng chất được công bố có mặt trong thực phẩm từ 10 phần trăm trở lên RDI hoặc DRV trên RACC áp dụng so với một thực phẩm tham chiếu phù hợp. Thông tin diễn giải yêu cầu cho các công bố tương đối (giải thích ở trên) phải đi kèm công bố. ²¹²

Công bố tương tự hoặc “hơn” có thể mô tả sản phẩm cho món chính và bữa ăn nếu thực phẩm chứa ít nhất 10 phần trăm trở lên RDI hoặc DRV áp dụng so với một thực phẩm tham chiếu phù hợp, trên 100 gram. Các yêu cầu khác được tuyên bố về một thực phẩm riêng lẻ tương tự áp dụng đối với công bố khi đưa ra cho một sản phẩm cho món chính hoặc bữa ăn. ²¹³

2. Công bố “Nhẹ” và “Nhật”

[9 C.F.R. 317.356 (thịt) và 9 C.F.R. 381.456 (gia cầm)]

Thuật ngữ “nhẹ” và “nhật” có thể được sử dụng mà không cần điều kiện khác. Nếu một sản phẩm lấy 50 phần trăm calo trở lên từ chất béo thì hàm lượng chất béo phải giảm bớt 50 phần trăm trở lên trên RACC so với một

thực phẩm tham chiếu phù hợp. Nếu sản phẩm lấy ít hơn 50 calo từ chất béo, thì số lượng calo phải giảm bớt bằng ít nhất một phần ba trên RACC hoặc hàm lượng chất béo phải được giảm bớt bằng 50 phần trăm trở lên so với một sản phẩm tham chiếu phù hợp.

Theo yêu cầu về các công bố tương đối khác, nhận diện sản phẩm tham chiếu phải được khai báo rõ ràng, và thông tin định lượng so sánh hàm lượng chất béo và calo của sản phẩm phải nổi bật. Công bố “nhẹ” hoặc “nhạt” không thể đưa ra đối với một sản phẩm phù hợp định nghĩa về “chất béo thấp” hoặc “calo thấp.”

Thuật ngữ “nhẹ” và “nhạt” có thể được sử dụng trên một sản phẩm cho món chính hoặc bữa ăn nếu sản phẩm đủ điều kiện đối với công bố “calo thấp” hoặc “chất béo thấp” và nếu một tuyên bố trên PDP của sản phẩm giải thích ý nghĩa của công bố.²¹⁴

3. Công bố “Natri” và “Muối”

a. Công bố “Không Natri”

Các thuật ngữ “không natri,” “không có natri,” “natri không,” “0 natri,” “không hề có natri,” “nguồn natri không đáng kể,” “nguồn natri rất nhỏ,” hoặc “nguồn natri không đáng kể trong chế độ ăn” có thể được sử dụng nếu thực phẩm riêng lẻ có dưới 5 milligram natri trên lượng tham chiếu (hoặc trong trường hợp sản phẩm cho món chính và bữa ăn ít hơn 5 milligram natri trên khẩu phần ghi nhãn). Ngoài ra, thực phẩm không thể chứa bất kỳ thành phần nào là natri clorua hay thường được người tiêu dùng hiểu là có chứa natri trừ khi thành phần, như được khai báo trên tuyên bố thành phần, kèm theo một

dấu sao giới thiệu cho người tiêu dùng tuyên bố, “thêm một lượng natri không đáng kể,” hoặc một tuyên bố trình bày tương tự. Nếu thực phẩm đáp ứng các điều kiện này mà không được chế biến đặc biệt, nó phải bao gồm một tuyên bố định tính phù hợp (ví dụ, “rau diếp lá, thực phẩm không natri”).²¹⁵

b. Công bố “Natri Rất Thấp”

Thuật ngữ “natri rất thấp” hoặc “rất thấp natri” có thể được sử dụng nếu thực phẩm riêng lẻ có RACC chứa 35 milligram trở xuống trên RACC (và trên 50 gram nếu thực phẩm có khẩu phần nhỏ). Nếu thực phẩm đạt tiêu chuẩn cho công bố này mà không được chế biến đặc biệt thì một tuyên bố định tính phù hợp phải đi kèm công bố (ví dụ, “cà chua, một thực phẩm có natri rất thấp”).²¹⁶

Đối với một sản phẩm cho món chính và bữa ăn, hàm lượng natri được đo trên 100 gram. Yêu cầu đối với một thực phẩm riêng lẻ được áp dụng khác.²¹⁷

c. Công bố “Natri Thấp”

Thuật ngữ “natri thấp,” “thấp natri,” “ít natri,” “chứa một lượng nhỏ natri,” hoặc “nguồn natri thấp” có thể được sử dụng nếu thực phẩm riêng lẻ chứa 140 milligram natri trở xuống trên RACC (và trên 50 gram nếu thực phẩm khẩu phần nhỏ). Các sản phẩm riêng lẻ có RACC trên 30 gram, hoặc 2 muỗng canh, và chứa 140 mg natri trở xuống trên RACC cũng đủ điều kiện.²¹⁸ Nếu thực phẩm đạt tiêu chuẩn cho công bố mà không được chế biến đặc biệt thì một tuyên bố định tính phù hợp phải đi kèm công bố (ví dụ, “rau bó xôi, một thực phẩm có natri thấp”).²¹⁹

Đối với các sản phẩm cho món chính và bữa ăn, thực phẩm sẽ đủ

tiêu chuẩn công bố natri này nếu nó chứa 140 milligram natri trở xuống trên 100 gram.

d. Công bố “Natri Giảm”

Thuật ngữ “natri giảm,” “giảm natri,” “natri đã giảm,” “natri ít hơn,” “natri thấp hơn,” hoặc “lượng natri thấp hơn” có thể được sử dụng nếu thực phẩm riêng lẻ chứa ít nhất 25 phần trăm mức natri giảm so với một thực phẩm tham chiếu phù hợp. Công bố này phải đi kèm thông tin diễn giải yêu cầu cho các công bố tương đối.²²⁰

Đối với các sản phẩm cho món chính và bữa ăn, 25 phần trăm natri giảm được đo trên 100 gram so với một thực phẩm tham chiếu phù hợp. Yêu cầu đối với một thực phẩm riêng lẻ được áp dụng khác. Không thực phẩm nào có thể mang công bố “natri giảm” nếu thực phẩm tham chiếu đủ điều kiện cho công bố “natri thấp”.

e. Công bố “Muối”

“Muối” không được coi là đồng nghĩa với “natri.” Các tham chiếu về hàm lượng muối, như “không ướp muối,” “không có muối,” hoặc “không nêm muối,” được coi là có khả năng gây hiểu nhầm và phải theo quy định. Thuật ngữ “không muối” chỉ có thể được sử dụng nếu sản phẩm “không natri.” Ngoài ra, các thuật ngữ “không ướp muối,” “không thêm muối,” và “không nêm muối” có thể được sử dụng cho một thực phẩm chỉ khi: (1) không thêm muối trong quá trình chế biến; (2) thực phẩm mà nó giống và nó thường thay thế để chế biến với muối; và, (3) nếu nó không phải sản phẩm “không natri,” thì tuyên bố “không phải sản phẩm không natri” được khai báo gần với thông tin dinh

duỡng trên pa-nen thông tin. ²²¹

4. Công bố “Thành phần Dưỡng chất” về Hàm lượng Chất béo, Axit Béo và Cholesterol

[9 C.F.R. 317.362 (thịt) và 9 C.F.R. 381.462 (gia cầm)]

a. Công bố “Hàm lượng Chất béo”

(1) Công bố “Không Chất béo”

Các thuật ngữ “không chất béo,” “không có chất béo,” “chất béo không,” “0 chất béo,” “không hề có chất béo,” “nguồn chất béo không đáng kể,” “nguồn chất béo rất nhỏ,” hoặc “nguồn chất béo không đáng kể trong chế độ ăn” có thể được sử dụng nếu thực phẩm có dưới 0,5 gram chất béo trên RACC hoặc trong trường hợp sản phẩm cho món chính và bữa ăn ít hơn 0,5 gram chất béo trên khẩu phần ghi nhãn. Ngoài ra, thực phẩm không thể chứa bất kỳ thành phần nào được thêm vào là chất béo hay thường được người tiêu dùng hiểu là có chứa chất béo trừ khi thành phần, như được khai báo trên tuyên bố thành phần, kèm theo một dấu sao giới thiệu cho người tiêu dùng tuyên bố, “thêm một lượng chất béo không đáng kể,” hoặc một tuyên bố trình bày tương tự. Nếu thực phẩm đáp ứng các điều kiện này mà không được chế biến đặc biệt, nó phải bao gồm một tuyên bố định tính phù hợp (ví dụ, “bông cải xanh, thực phẩm không chất béo”). ²²²

(2) Công bố “Chất béo Thấp”

Thuật ngữ “chất béo thấp,” “thấp chất béo,” “chứa một lượng nhỏ chất béo,” “nguồn chất béo thấp” hoặc “ít chất béo” có thể được sử dụng nếu thực phẩm riêng lẻ chứa 3 gram chất béo trở xuống trên RACC và trên mỗi 50 gram nếu thực phẩm khẩu phần nhỏ. Nếu thực phẩm đủ điều kiện công bố mà không

được chế biến đặc biệt, phải kèm theo nó một tuyên bố định tính phù hợp.

Bữa chính hoặc món chính phải đáp ứng tiêu chí 3 gram trở xuống trên 100 gram và không lấy trên 30 phần trăm calo từ chất béo. Yêu cầu đối với một thực phẩm riêng lẻ được áp dụng khác.²²³

(3) Công bố “Chất béo Giảm”

Thuật ngữ “chất béo giảm,” “giảm chất béo,” “chất béo đã giảm,” “chất béo ít hơn,” “chất béo thấp hơn,” hoặc “lượng chất béo thấp hơn” có thể được sử dụng nếu thực phẩm riêng lẻ chứa 25 phần trăm chất béo giảm trở xuống so với một thực phẩm tham chiếu phù hợp. Công bố này phải đi kèm thông tin diễn giải yêu cầu cho các công bố tương đối.

Đối với các sản phẩm cho món chính và bữa ăn, 25 phần trăm chất béo giảm được đo trên 100 gram so với một thực phẩm tham chiếu phù hợp. Yêu cầu đối với một thực phẩm riêng lẻ được áp dụng khác. Không thực phẩm nào có thể mang công bố “chất béo giảm” nếu thực phẩm tham chiếu đủ điều kiện cho công bố “chất béo thấp”.²²⁴

(4) Công bố “Phần trăm Không Chất béo”

Công bố “phần trăm không chất béo” hoặc “phần trăm nạc” được giới hạn đối với các sản phẩm đủ tiêu chuẩn “chất béo thấp.” Phần trăm giảm và từ “không chất béo” phải đồng đều về cỡ chữ. Một cách tách biệt, công bố “100 phần trăm không chất béo” chỉ có thể đưa ra với các sản phẩm đáp ứng tiêu chí “không chất béo,” chứa ít hơn 0,5 gram chất béo trên 100 gram, và không chứa chất béo thêm vào. Từ đồng nghĩa với “phần trăm không chất béo” là “phần trăm nạc.”²²⁵

b. Công bố “Hàm lượng Axít Béo”

Nhà sản xuất phải tiết lộ tổng mức chất béo và cholesterol gần xấp xỉ vào công bố hàm lượng chất béo bão hòa. Yêu cầu về bố trí và nổi bật được ghi rõ. Có thể bỏ qua khai báo hàm lượng cholesterol nếu sản phẩm chứa ít hơn hai milligram cholesterol trên RACC (hoặc trên khẩu phần ghi nhãn cho các sản phẩm cho món chính và bữa ăn) và có thể bỏ qua hàm lượng chất béo nếu chất béo có trong 0,5 gram trở xuống trên lượng tham chiếu (hoặc trên khẩu phần ghi nhãn cho các sản phẩm cho món chính và bữa ăn). Cũng có thể bỏ qua khai báo tổng chất béo nếu thực phẩm đủ tiêu chuẩn cho công bố “chất béo thấp”. Ngoài các yêu cầu chung này, quy định đưa ra các yêu cầu chi tiết đối với các công bố cụ thể được phép.²²⁶

(1) Công bố “Không Chất béo Bão hòa”

Các thuật ngữ “không chất béo bão hòa,” “không có chất béo bão hòa,” “chất béo bão hòa không,” “0 chất béo bão hòa,” “không hề có chất béo bão hòa,” “nguồn chất béo bão hòa không đáng kể,” “nguồn chất béo bão hòa rất nhỏ,” hoặc “nguồn chất béo bão hòa không đáng kể trong chế độ ăn” có thể được sử dụng nếu thực phẩm có dưới 0,5 gram chất béo bão hòa và dưới 0,5 gram axít béo chuyển hóa trên RACC (hoặc trong trường hợp sản phẩm cho món chính và bữa ăn ít hơn 0,5 gram chất béo bão hòa và ít hơn 0,5 gram axít béo chuyển hóa trên khẩu phần ghi nhãn).²²⁷

Ngoài ra, thực phẩm không thể chứa bất kỳ thành phần nào là chất béo bão hòa hay thường được người tiêu dùng hiểu là có chứa chất béo bão hòa trừ khi thành phần, như được khai báo trên tuyên bố thành phần, kèm theo một dấu sao giới thiệu cho người tiêu dùng tuyên bố, “thêm một

lượng chất béo bão hòa không đáng kể,” hoặc một tuyên bố trình bày tương tự. Nếu thực phẩm đáp ứng các điều kiện này mà không được chế biến đặc biệt, nó phải bao gồm một tuyên bố định tính phù hợp.

(2) Công bố “Chất béo Bão hòa Thấp”

Thuật ngữ “chất béo bão hòa thấp,” “thấp chất béo bão hòa,” “chứa một lượng nhỏ chất béo bão hòa,” “nguồn chất béo bão hòa thấp” hoặc “ít chất béo bão hòa” có thể được sử dụng nếu thực phẩm riêng lẻ chứa 1 gram axit chất béo bão hòa trở xuống trên RACC và không quá 15 phần trăm calo từ axit béo bão hòa. Nếu thực phẩm đủ yêu cầu công bố mà không được chế biến đặc biệt, nó phải bao gồm một tuyên bố định tính phù hợp, rõ ràng thể hiện tất cả thực phẩm cùng loại và không chỉ là thực phẩm riêng lẻ mà nó được gắn nhãn.²²⁸

Đối với một thực phẩm món chính hoặc bữa chính, thực phẩm phải chứa ít nhất 1 gram trở xuống chất béo bão hòa và ít hơn 10 phần trăm calo từ chất béo bão hòa, được đo trên 100 gram. Yêu cầu đối với một thực phẩm riêng lẻ được áp dụng khác.²²⁹

(3) Công bố “Chất béo Bão hòa Giảm”

Thuật ngữ “chất béo bão hòa giảm,” “giảm chất béo bão hòa,” “chất béo bão hòa đã giảm,” “chất béo bão hòa ít hơn,” “chất béo bão hòa thấp hơn,” hoặc “lượng chất béo bão hòa thấp hơn” có thể được sử dụng nếu thực phẩm riêng lẻ chứa 25 phần trăm chất béo bão hòa giảm trở xuống trên RACC so với một thực phẩm tham chiếu phù hợp. Thông tin diễn giải yêu cầu cho các công bố tương đối phải đi kèm công bố.²³⁰

Đối với một thực phẩm món chính hoặc bữa chính, thực phẩm phải chứa 25 phần trăm chất béo bão hòa trở xuống trên 100 gram so với một thực phẩm tham chiếu phù hợp. Yêu cầu đối với một thực phẩm riêng lẻ được áp dụng khác. Không thực phẩm nào có thể mang công bố “chất béo bão hòa giảm” nếu thực phẩm tham chiếu đủ điều kiện cho công bố “chất béo bão hòa thấp”.

c. Công bố “Hàm lượng Cholesterol”

(1) Công bố “Không Cholesterol”

Thuật ngữ “không cholesterol,” “không có cholesterol,” “0 cholesterol,” “cholesterol không,” “không hề có cholesterol,” “nguồn cholesterol rất nhỏ,” “nguồn cholesterol không đáng kể,” hoặc “nguồn cholesterol không đáng kể trong chế độ ăn” có thể được sử dụng nếu:

- thực phẩm riêng lẻ có dưới 2 milligram cholesterol trở xuống trên lượng tham chiếu (hoặc trong trường hợp sản phẩm cho món chính và bữa ăn trên khẩu phần ghi nhãn);
- thực phẩm không thể chứa bất kỳ thành phần nào thường được người tiêu dùng hiểu là có chứa cholesterol trừ khi thành phần, như được khai báo trên tuyên bố thành phần, kèm theo một dấu sao giới thiệu cho người tiêu dùng tuyên bố, “thêm một lượng cholesterol không đáng kể,” hoặc một tuyên bố trình bày tương tự;
- thực phẩm có dưới 2 gram chất béo bão hòa trở xuống trên lượng tham chiếu (hoặc đối với sản phẩm cho món chính và bữa ăn trên khẩu phần ghi nhãn); và
- thực phẩm đủ điều kiện công bố mà không được chế biến đặc biệt, nó phải bao gồm một tuyên bố định tính phù hợp.

Sản phẩm cho món chính và bữa ăn có thể thường mang công bố “không cholesterol” nếu nó đáp ứng các yêu cầu quy định trên đối với các thực phẩm riêng lẻ, nhưng tiêu chí 2 milligram cholesterol và 2 gram chất béo

bão hòa được đo trên 100 gram, ngoài so với lượng tham chiếu. ²³¹

(2) Công bố “Cholesterol Thấp”

Thuật ngữ “cholesterol thấp,” “thấp cholesterol,” “chứa một lượng nhỏ cholesterol,” “nguồn cholesterol thấp,” hoặc “ít cholesterol,” có thể được sử dụng để mô tả thực phẩm không vượt quá mức công bố áp dụng đối với tổng chất béo nếu thực phẩm:

- có RACC lớn hơn 30 g hoặc lớn hơn 2 tbsp;
- chứa 20 milligram cholesterol trở xuống trên lượng tham chiếu và trên 50 gram nếu thực phẩm có khẩu phần nhỏ;
- chứa 2 gram trở xuống chất béo bão hòa trên lượng tham chiếu; và
- đủ điều kiện công bố mà không được chế biến đặc biệt, nó phải bao gồm một tuyên bố định tính phù hợp.

Sản phẩm cho món chính và bữa ăn có thể thường mang công bố “cholesterol thấp” nếu nó đáp ứng các yêu cầu quy định trên đối với các thực phẩm riêng lẻ, nhưng tiêu chí 20 milligram cholesterol và 2 gram chất béo bão hòa được đo trên 100 gram, ngoài so với lượng tham chiếu. ²³²

(3) Công bố “Cholesterol Giảm”

Thuật ngữ “cholesterol giảm,” “giảm cholesterol,” “cholesterol được giảm,” “ít cholesterol,” “cholesterol thấp hơn,” hoặc “thấp hơn cholesterol” có thể được sử dụng nếu thực phẩm:

- đã được lập công thức đặt biệt, thay đổi hoặc chế biến để giảm hàm lượng cholesterol bằng ít nhất 25 phần trăm từ thực phẩm tham chiếu mà nó thay thế, và nó thay thế cho nếu thực phẩm tham chiếu có thị phần lớn (tức là, 5 phần trăm thị phần trong nước hoặc khu vực trở lên);

- chứa 2 gram trở xuống chất béo bão hòa trên lượng tham chiếu; và
- đi kèm thông tin yêu cầu cho các công bố tương đối.

Các yêu cầu về bố trí và nổi bật về tuyên bố hàm lượng chất béo được chỉ định. Không cho phép công bố “cholesterol giảm” đối với bất kỳ thực phẩm nào nếu thực phẩm tham chiếu đủ điều kiện công bố “cholesterol thấp”.

Cũng có thể sử dụng công bố “cholesterol giảm” trên các sản phẩm cho món chính và bữa ăn nếu sản phẩm được lập công thức riêng để giảm đến 25 phần trăm, hoặc nếu bữa chính hoặc món chính chứa 2 gram chất béo bão hòa trở xuống trên 100 gram sản phẩm. ²³³Nhận diện sản phẩm tham chiếu và phần trăm cholesterol giảm bắt buộc phải được kê khai gần với công bố “cholesterol giảm”. ²³⁴

d. Công bố “Nạc” và “Siêu Nạc”

Có thể sử dụng thuật ngữ “nạc” để mô tả một thực phẩm riêng lẻ được đóng gói khi nó chứa ít hơn 10 gram chất béo, 4,5 gram chất béo bão hòa trở xuống, và ít hơn 95 milligram cholesterol trên lượng tham chiếu và trên 100 gram. Đối với bữa chính và món chính để đủ tiêu chuẩn là “nạc,” nó phải đáp ứng các mức cụ thể này đối với chất béo, chất béo bão hòa, và cholesterol trên 100 gram và trên khẩu phần ghi nhãn.

Có thể sử dụng thuật ngữ “siêu nạc” để mô tả các sản phẩm chứa ít hơn 5 gram tổng chất béo, ít hơn 2 gram chất béo bão hòa, và ít hơn 95 milligram cholesterol trên lượng tham chiếu và trên 100 gram. Đối với các sản phẩm cho món chính hoặc bữa ăn hoặc bữa chính, các mức này áp dụng trên

100 gram và trên khẩu phần ghi nhãn. ²³⁵

5. Công bố “Chất xơ”

Công bố chất xơ thể hiện mức chất xơ trong thực phẩm được phép nếu mức dưỡng chất đủ tiêu chuẩn công bố (tức là, “cao,” “nhiều,” hoặc “nguồn tốt”.) Nếu thực phẩm không có tổng chất béo thấp, thì nhãn phải tiết lộ mức tổng chất béo trên khẩu phần ghi nhãn (ví dụ, “chứa 12 gram (g) tổng chất béo trên khẩu phần”.) Tuyên bố này phải xuất hiện ngay gần công bố. ²³⁶

6. Công bố “Lành mạnh”

Thuật ngữ “lành mạnh” hoặc bất kỳ từ phái sinh nào từ thuật ngữ “khỏe mạnh” có thể được sử dụng để mô tả một thực phẩm riêng lẻ với điều kiện là thực phẩm (1) đáp ứng các yêu cầu đối với “chất béo thấp” và “chất béo bão hòa thấp;” (2) không chứa trên 60 milligram cholesterol trên RACC và khẩu phần ghi nhãn (trên 50 gram nếu RACC ít hơn 30 gram); (3) không chứa trên 480 milligram natri trên RACC và khẩu phần ghi nhãn (trên 50 gram nếu RACC nhỏ hơn 50 gram); và (4) chứa 10 phần trăm RDI hoặc DRV trở lên trên tham chiếu cho một trong những loại sau: vitamin A, vitamin C, sắt, canxi, protein, hoặc chất xơ. Các thực phẩm tươi sống, một thành phần không cần đáp ứng yêu cầu natri, và thay vì đáp ứng các yêu cầu về chất béo và cholesterol, thì các thực phẩm tươi sống, một thành phần phải đáp ứng tiêu chí tổng chất béo, chất béo bão hòa, và cholesterol về “siêu nạc.” ²³⁷

Món chính hoặc bữa chính “lành mạnh” phải đáp ứng các yêu cầu về chất béo thấp và yêu cầu về chất béo bão hòa thấp đối với các sản phẩm cho món chính và bữa ăn (tức là, 3 gram tổng chất béo trở xuống trên 100 gram sản phẩm và không quá 30 phần trăm calo từ chất béo, và 1 gram chất béo bão hòa

trở xuống trên 100 gram sản phẩm và dưới 10 phần trăm calo từ chất béo bão hòa.) Các sản phẩm theo bữa chính và món chính nặng dưới 12 ounce trên khẩu phần (vật chứa) không thể chứa quá 60 milligram cholesterol trên khẩu phần ghi nhãn trong khi các sản phẩm cho bữa chính và món chính nặng trên 12 ounce trên khẩu phần (vật chứa) có thể chứa trên 90 milligram cholesterol trên khẩu phần ghi nhãn. Ngoài ra, các sản phẩm cho bữa chính và món chính có thể chứa tối đa 600 milligram natri. Các sản phẩm cho món chính nặng từ 6 đến 10 ounce trên khẩu phần chỉ cần đáp ứng mức RDI hoặc DRV cho hai dưỡng chất được liệt kê, và các sản phẩm cho bữa ăn nặng 10 ounce trở lên chỉ cần đáp ứng mức cho ba dưỡng chất. ²³⁸

7. Công bố Liên quan đến Hiệu quả trong việc Giảm hoặc Duy trì Trọng lượng Cơ thể

Bất kỳ thực phẩm nào ngụ ý hoặc thể hiện để sử dụng cho chế độ ăn đặc biệt vì hiệu quả trong việc giảm hoặc duy trì trọng lượng cơ thể phải mang (1) nhãn dinh dưỡng, trừ khi được miễn, và (2) tuyên bố dễ thấy về căn cứ của công bố thực phẩm có lợi cho chế độ ăn đặc biệt. Nếu thực phẩm đạt được hiệu quả cho chế độ ăn đặc biệt bằng việc sử dụng thành phần phi dinh dưỡng (tức là, thành phần không được sử dụng trong trao đổi chất bình thường), thì nhãn phải chứa tuyên bố tiết lộ thành phần phi dinh dưỡng và tỷ lệ phần trăm theo trọng lượng, trừ khi thành phần đó là chất làm ngọt phi dinh dưỡng, trong trường hợp đó tỷ lệ phần trăm theo trọng lượng không phải khai báo. ²³⁹ Nếu chất làm ngọt dinh dưỡng, cũng như chất làm ngọt phi dinh dưỡng không được thêm vào thì phải khai báo sự có mặt của cả hai.

Các thực phẩm ngụ ý là “calo thấp,” “calo giảm,” hoặc nói cách

khác chứa calo ít hơn thực phẩm tham chiếu phải tuân thủ các quy định về công bố hàm lượng dưỡng chất. Trừ được cung cấp bên dưới, một thực phẩm có thể được ghi nhãn với các thuật ngữ như “chế độ ăn,” “theo chế độ ăn,” “làm ngọt nhân tạo,” hoặc “làm ngọt bằng chất làm ngọt phi dinh dưỡng” chỉ khi công bố không gây sai lệch và hiểu nhầm và thực phẩm được ghi nhãn “calo thấp” hoặc “calo giảm” hoặc mang một công bố so sánh khác theo các quy định về công bố hàm lượng dưỡng chất. Các trường hợp được miễn yêu cầu trước bao gồm (1) việc sử dụng một thuật ngữ được cho phép cụ thể theo quy định về một thực phẩm riêng lẻ, hoặc, trừ khi có giới hạn khác theo quy định, đối với việc sử dụng thuật ngữ “chế độ ăn” rõ ràng cho thấy rằng thực phẩm chỉ được bán để sử dụng cho chế độ ăn không phải điều chỉnh trọng lượng cơ thể (ví dụ, đối với chế độ ăn natri thấp); và (2) việc sử dụng một thuật ngữ về thay thế bữa ăn được lập công thức hoặc thực phẩm khác thể hiện để sử dụng cho chế độ ăn đặc biệt như một bữa đầy đủ.²⁴⁰

8. Công bố “Sức khỏe”

Công bố “sức khỏe” mô tả mối quan hệ giữa thực phẩm và một căn bệnh hoặc một vấn đề liên quan đến sức khỏe. FSIS không ban hành quy định về sử dụng công bố “sức khỏe”. Nhiều công bố như vậy được FDA cho phép sử dụng khi ghi nhãn các sản phẩm thực phẩm thuộc quyền hạn của mình. FSIS sẽ xem xét tùy từng trường hợp việc sử dụng công bố “sức khỏe” do FDA điều tiết hoặc công bố “sức khỏe” cùng với một chương trình chứng nhận của bên thứ ba. Một ví dụ là dấu kiểm tra tim của Hiệp hội Tim Hoa Kỳ, dấu duy trì tiêu chí riêng của hiệp hội về điều kiện tham gia và bao gồm một công bố “sức khỏe” cùng với dấu chứng nhận của hiệp hội (ví dụ, “Đáp ứng

tiêu chí thực phẩm của Hiệp hội Tim Hoa Kỳ đối với chất béo bão hòa và cholesterol cho những khỏe mạnh trên 2 tuổi. Trong khi nhiều yếu tố ảnh hưởng đến bệnh tim thì chế độ ăn ít chất béo bão hòa và cholesterol có thể giảm nguy cơ bệnh này.”)

9. Công bố “Hàm lượng Calo”

a. Công bố “Hàm lượng Calo”

(1) Công bố “Không Calo”

Các thuật ngữ “không calo,” “không có calo,” “calo không,” “0 calo,” “không hề có calo,” “nguồn calo không đáng kể,” “nguồn calo rất nhỏ,” hoặc “nguồn calo không đáng kể trong chế độ ăn” có thể được sử dụng nếu thực phẩm riêng lẻ có dưới 5 calo trên lượng tham chiếu. Nếu thực phẩm đáp ứng các yêu cầu mà không được chế biến đặc biệt, công bố phải đi kèm một tuyên bố như, “thực phẩm calo thấp” (ví dụ, dầm táo, một thực phẩm không calo.) ²⁴¹

(2) Công bố “Calo Thấp”

Các thuật ngữ “calo thấp,” “ít calo,” “chứa một lượng nhỏ calo,” hoặc “nguồn calo thấp” hoặc “thấp calo” có thể được sử dụng nếu thực phẩm riêng lẻ chứa từ 40 calo trở xuống trên lượng tham chiếu (trừ các sản phẩm thay thế đường) và trên 50 gram sản phẩm sấy khô, v.v, nếu là thực phẩm khẩu phần nhỏ. Thực phẩm khẩu phần nhỏ là thực phẩm với lượng tham chiếu 30 gram trở xuống hoặc 2 muỗng canh trở xuống (“thực phẩm khẩu phần nhỏ”). Nếu thực phẩm đủ điều kiện công bố mà không được chế biến đặc biệt, nó phải được ghi nhãn để rõ ràng thể hiện tất cả các sản phẩm cùng loại và không chỉ là nhãn hiện riêng lẻ mà nó được gắn nhãn (ví dụ, “cần tây, thực phẩm calo thấp”).

Các yêu cầu về sản phẩm món chính hoặc bữa ăn “calo thấp” tương

tự nhau. Đó là, các sản phẩm này phải chứa 120 calo trở xuống trên 100 gram và đáp ứng các yêu cầu khác trình bày trên đối với các thực phẩm riêng lẻ.²⁴²

(3) Công bố “Calo Giảm”

Thuật ngữ “calo giảm,” “giảm calo,” “calo đã giảm,” “calo ít hơn,” “calo thấp hơn,” hoặc “lượng calo thấp hơn” có thể được sử dụng nếu thực phẩm riêng lẻ chứa ít nhất 25 phần trăm calo ít hơn trên RACC so với một thực phẩm tham chiếu phù hợp. Công bố này phải đi kèm thông tin diễn giải yêu cầu cho các công bố tương đối. Đối với sản phẩm cho món chính hoặc bữa ăn, 25 phần trăm calo giảm được đo trên 100 gram so với một thực phẩm tham chiếu phù hợp. Yêu cầu đối với một thực phẩm riêng lẻ được áp dụng khác. Không cho phép công bố đối với bất kỳ thực phẩm nào nếu thực phẩm tham chiếu đáp ứng định nghĩa “calo thấp.”²⁴³

b. Công bố “Hàm lượng Đường”

(1) Công bố “Không Đường”

Các thuật ngữ “không đường,” “không có đường,” “đường không,” “0 đường,” “không hề có đường,” “nguồn đường không đáng kể,” “nguồn đường rất nhỏ,” hoặc “nguồn đường không đáng kể trong chế độ ăn” có thể được sử dụng nếu thực phẩm riêng lẻ có dưới 0,5 gram đường trên RACC (hoặc trong trường hợp sản phẩm cho món chính và bữa ăn trên khẩu phần ghi nhãn.) Ngoài ra, thực phẩm không thể chứa bất kỳ thành phần nào là đường hay thường được người tiêu dùng hiểu là có chứa đường hoặc chất làm ngọt trừ khi thành phần, như được khai báo trên tuyên bố thành phần, kèm theo một dấu sao giới thiệu cho người tiêu dùng tuyên bố, “Thêm một lượng đường không

đáng kể,” hoặc một tuyên bố trình bày tương tự. Thực phẩm phải được ghi nhãn “calo thấp” hoặc “calo giảm” hoặc mang công bố tương đối về hiệu quả cho chế độ ăn đặc biệt, hoặc công bố “không đường” phải đi kèm với tuyên bố, “không phải thực phẩm calo thấp,” hoặc một tuyên bố trình bày tương tự. ²⁴⁴

(2) Công bố “Không Thêm Đường”

Các thuật ngữ “không thêm đường,” “không cho thêm đường,” và “không cho đường” có thể được sử dụng chỉ khi:

- không có số lượng đường, hoặc bất kỳ thành phần khác có chứa đường mà chức năng thay thế đường cho thêm, được thêm vào trong quá trình chế biến hoặc đóng gói;
- sản phẩm không chứa một thành phần có thêm đường, như mứt, thạch, hoặc các loại nước ép trái cây cô đặc;
- hàm lượng đường chưa tăng lên theo số lượng có trong các thành phần do sử dụng các enzyme hoặc các phương tiện tương tự, trừ trường hợp tác dụng dự kiến về mặt chức năng của quá trình này không phải là để làm tăng hàm lượng đường trong thực phẩm, và dẫn đến sự gia tăng đường không đáng kể về mặt chức năng; và
- thực phẩm mà nó giống và nó thường thay thế chứa đường thêm vào.

- Ngoài ra, nếu thực phẩm không đủ tiêu chuẩn là “calo thấp,” tuyên bố phải hướng sự chú ý của người tiêu dùng vào pa-nen dinh dưỡng để biết thêm thông tin về hàm lượng đường và calo.

Các yêu cầu về công bố “không đường” không áp dụng đối với tuyên bố thực tế là thực phẩm không được làm ngọt, hoặc không chứa chất làm ngọt thêm vào trong trường hợp thực phẩm rõ ràng chứa hàm lượng đường đáng kể vốn có (ví dụ, nước ép trái cây). ²⁴⁵

(3) Công bố “Đường Giảm”

Các thuật ngữ “đường giảm,” “giảm đường,” “đường đã giảm,” “đường ít hơn,” “đường thấp hơn,” hoặc “lượng đường thấp hơn” có thể được sử dụng nếu thực phẩm riêng lẻ giảm bớt 25 phần trăm trên RACC so với một thực phẩm tham chiếu phù hợp. Công bố này phải đi kèm thông tin diễn giải yêu cầu cho các công bố tương đối. Đối với các sản phẩm cho món chính và bữa ăn, 25 phần trăm đường giảm được đo trên 100 gram so với một thực phẩm tham chiếu phù hợp. Yêu cầu đối với một thực phẩm riêng lẻ được áp dụng khác. ²⁴⁶

Phụ lục A

Ghi nhãn Sản phẩm Trứng

I. Ghi nhãn Sản phẩm Trứng

Nhãn sản phẩm trứng mang dấu nhận diện chính thức của USDA phải được phê duyệt và tuân thủ tất cả các quy định hiện hành. Có bảy yêu cầu về ghi nhãn sản phẩm trứng: tên sản phẩm; tên của nhà sản xuất; nhận diện chính thức; số phê duyệt của USDA; tuyên bố thành phần; tuyên bố trọng lượng tịnh; và thông tin dinh dưỡng.

a. Tên Sản phẩm

Trứng được định nghĩa là “trứng cả vỏ” của gà, gà tây, vịt, ngỗng, hoặc gà guinea thuần chủng. Các sản phẩm trứng là bất kỳ trứng khô, đông lạnh, hoặc trứng lỏng, có hoặc không có thành phần bổ sung.²⁴⁷ Tất cả các nhãn sản phẩm trứng phải bao gồm tên và trạng thái của sản phẩm (ví dụ, khô, đông lạnh, lỏng, hoặc trứng nguyên quả, lòng đỏ trứng, lòng trắng trứng,) và phải xuất hiện theo kích cỡ in ấn tương tự với nội dung in nổi bật nhất trên nhãn. Ngoài ra, có thể sử dụng một tên thương mại kết hợp với nhận diện sản phẩm.

Sản phẩm hình thành từ trứng mà không đáp ứng được định nghĩa áp dụng phải được xác định bằng một tên mô tả thích hợp không gây sai lệch hoặc hiểu nhầm. Các sản phẩm thực phẩm có chứa trứng theo tỷ lệ tương đối nhỏ hoặc trong lịch sử chưa được coi là sản phẩm trứng có thể không được ghi nhãn là sản phẩm trứng (ví dụ, hỗn hợp trứng chiên, cocktail trứng sữa, mì, bánh hỗn hợp).²⁴⁸ Các sản phẩm này, cùng với các sản phẩm trứng “mô phỏng” đủ điều kiện để nhận diện với chú giải thanh tra USDA chỉ theo chương trình thanh tra sản phẩm trứng tự nguyện.²⁴⁹

Trứng nguyên quả

Nguyên quả trứng lỏng hoặc đông lạnh của gà mái nuôi đập vỏ với lòng đỏ và lòng trắng theo tỷ lệ tự nhiên của chúng.²⁵⁰ Sự kết hợp của lòng trắng và lòng đỏ không theo tỷ lệ tự nhiên, như trứng nguyên quả “bị vỡ”, có thể được xác định là trứng nguyên quả với điều kiện là hàm lượng bột trứng được chuẩn hóa đến 24,2% hoặc cao hơn.²⁵¹ Trứng nguyên quả có thể được trộn, hoặc trộn và lọc, và phải được khử trùng hoặc xử lý khác để tiêu diệt tất cả vi sinh *Salmonella* còn sống.

Trứng khô (hoặc trứng nguyên quả khô) hoặc trứng đông lạnh được sơ chế bằng cách làm khô hoặc đông lạnh trứng lỏng bằng các biện pháp thận trọng để thành phẩm không có vi sinh *Salmonella* còn sống. Nếu hàm lượng đường glucose của trứng được giảm bớt trong quá trình sấy khô, các tuyên bố “Glucose được loại bỏ để ổn định” hoặc “Ổn định, đã loại bỏ glucose” phải ngay sau tên sản phẩm.²⁵²

Lòng đỏ trứng

Lòng đỏ trứng, lòng đỏ trứng lỏng, lòng đỏ, lòng đỏ lỏng là lòng đỏ của trứng gà nuôi được tách ra khỏi lòng trắng sao cho chứa không ít hơn 43 phần trăm tổng bột trứng.²⁵³ Lòng đỏ trứng có thể được trộn, hoặc trộn và lọc, và phải được khử trùng hoặc xử lý khác để tiêu diệt tất cả vi sinh *Salmonella* còn sống. Lòng đỏ trứng có thể sấy khô hoặc đông lạnh theo các quy định hiện hành.

Lòng đỏ trứng khô (hoặc lòng đỏ trứng) hoặc trứng đông lạnh được sơ chế bằng cách làm khô hoặc đông lạnh lòng đỏ trứng bằng các biện pháp thận trọng để thành phẩm không có vi sinh *Salmonella* còn sống. Phải bao gồm các tuyên bố nhãn tương tự về loại bỏ glucose nếu cần.

Lòng trắng trứng

Lòng trắng trứng, lòng trắng trứng lỏng, hoặc phôi nhũ trứng lỏng là thực phẩm thu được từ trứng của gà mái nuôi, đập vỏ và tách khỏi lòng đỏ.²⁵⁴ Lòng trắng trứng có thể được trộn, hoặc trộn và lọc, và phải được khử trùng hoặc xử lý khác để tiêu diệt tất cả vi sinh *Salmonella* còn sống. Bất kỳ việc sử dụng tùy chọn các thành phần như chất hỗ trợ đánh trứng phải có tên trên PDP hoặc các pa-nen nhãn nổi bật và dễ thấy để những người bình thường trong các điều kiện mua hàng thông thường có khả năng hiểu được chúng.²⁵⁵ Lòng trắng trứng có thể được sấy khô hoặc đông lạnh theo các quy định hiện hành.

Nếu lòng trắng trứng được sấy khô thì tên sản phẩm có thể là “lòng trắng trứng sấy khô,” “bột lòng trắng trứng,” “phôi nhũ trứng sấy khô,” hoặc “bột phôi nhũ trứng.” Nếu hàm lượng lysozyme và avidin của sản phẩm giảm trong quá trình sấy thì tên sản phẩm phải được đặt ngay trước hoặc sau tuyên bố “lysozyme và avidin giảm.”²⁵⁶ Khi trứng khô được sử dụng trong một sản phẩm thực phẩm được chế biến khác thì các tuyên bố này không cần phải theo sau tên sản phẩm.

b. Tên của Nhà sản xuất

Theo Đạo luật Đóng gói và Ghi nhãn Công bằng, tên và địa điểm kinh doanh của nhà sản xuất, người đóng gói hoặc nhà phân phối phải được đưa vào PDP.²⁵⁷ / Tuyên bố địa điểm kinh doanh phải bao gồm địa chỉ đường phố, thành phố, tiểu bang và mã zip; tuy nhiên, có thể bỏ qua địa chỉ đường phố nếu nó được thể hiện trong danh bạ thành phố hoặc danh bạ điện thoại hiện tại.²⁵⁸ /

c. Nhận diện Chính thức

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ duy trì công tác thanh tra tất cả nhà máy chính thức và chế biến các sản phẩm trứng theo phạm vi quyền hạn của Đạo luật Thanh tra Sản phẩm Trứng.²⁵⁹ / Từng nhà máy chế biến trứng chính thức được cấp dịch vụ thanh tra được gán một số nhà máy chính thức.²⁶⁰ / Một tấm có chữ “USDA” là biểu tượng nhận diện chính thức, và khi nó được sử dụng

cùng với sản phẩm trứng, nó cấu thành một cam kết rằng sản phẩm đã được thanh tra chính thức. Các sản phẩm trứng mang dấu thanh tra phải được chế biến tại nhà máy chính thức từ các quả trứng ăn được hoặc các sản phẩm trứng ăn được khác.²⁶¹/Các nhà máy không thể có hơn một số nhà máy.

Tấm chính thức phải được in trên PDP của nhãn sử dụng thiết kế và nội dung thể hiện bên dưới.



Số nhà máy có thể được in bên trong tấm hoặc bất kỳ chỗ nào trên vật chứa.²⁶²/ Khi số nhà máy không được in trong tấm, thì chữ “P” hoặc chữ “Nhà máy (Plant)” phải đứng trước nó. Khi tấm chính thức được sử dụng trên nhiều pa-nen nhãn, nó phải được in giống nhau mỗi lần sử dụng. Nếu nhãn không mang thông tin ghi nhãn bắt buộc thì nó không thể mang tấm chính thức.

Ngoài ra, tất cả trứng cả vỏ được đóng gói cho người tiêu dùng phải được ghi nhãn để thể hiện rằng cần để tủ lạnh (ví dụ, “Giữ trong tủ lạnh”,) hoặc các từ có ý nghĩa tương tự. ²⁶³

d. Số phê duyệt của USDA

Nhãn để sử dụng trên các sản phẩm trứng phải được phê duyệt trước. Một số phê duyệt nhãn riêng chứa một chữ và ba chữ số (ví dụ, M001) được gán cho từng nhãn đã được phê duyệt. Số phê duyệt của USDA được gán phải được in trong một ô hình chữ nhật và không cần lớn hơn chữ in nhỏ nhất trên nhãn. Nhãn nhận diện các sản phẩm trứng nhập khẩu sẽ chứa hai chữ tiền tố, (ví dụ, CN001) và nhãn được phê duyệt để nhận diện sản phẩm chỉ để xuất khẩu sẽ có mã một chữ.

Nhãn có dải tự dính có thể được sử dụng không cần phê duyệt; cùng với nhãn đã in được phê duyệt trước với điều kiện là nhãn có dải không trình bày bất kỳ thông tin ghi nhãn bắt buộc nào cho biết tên của người đóng gói hoặc người phân phối và địa chỉ; nhận diện sản phẩm cho trứng nguyên quả, lòng trắng trứng hoặc lòng đỏ trứng; và trạng thái của sản phẩm.

e. Tuyên bố Thành phần

Chỉ có thể sử dụng thành phần tiêu chuẩn thực phẩm trong sản xuất các sản phẩm trứng. Từng thành phần được sử dụng trong các sản phẩm

trứng phải được khai báo trên nhãn theo quy định của 21 C.F.R. Phần 101 và 130. Phải liệt kê các thành phần theo thứ tự tỷ lệ giảm dần theo trọng lượng trên PDP.

Khi được phê duyệt, có thể thêm nước uống làm chất mang cho một số thành phần và phụ gia được sử dụng trong công thức sản phẩm trứng lòng hoặc đông lạnh. Tỷ lệ phần trăm nước thêm vào phải được khai báo trên nhãn trong tuyên bố thành phần theo thứ tự tỷ lệ giảm dần theo trọng lượng và được thể hiện là “__ % nước” hoặc “với ____ % nước làm chất mang.”²⁶⁴

Khi các thành phần, như monosodium phosphate, được dùng làm chất bảo quản thì nhãn phải mang tuyên bố “Monosodium phosphate (hoặc monopotassium phosphate), với ____ phần trăm nước làm chất mang, được thêm vào để giữ màu.”²⁶⁵ Phải điền vào chỗ trống với phần trăm theo khối lượng nước được sử dụng tỷ lệ với trọng lượng của thành phẩm. Tuyên bố thành phần tùy chọn này phải xuất hiện trên PDP hoặc pa-nen một cách nổi bật và dễ thấy. Nếu thành phần chống đông vốn tùy chọn được sử dụng thì nhãn phải mang tuyên bố “Không quá 1 phần trăm silicon dioxide được thêm vào làm chất chống đông vốn,” hoặc “Dưới 2 phần trăm natri silicoaluminate được thêm vào làm chất chống đông vốn,” tùy cái nào áp dụng.²⁶⁶

Không thể thêm màu vào trứng nguyên quả, lòng đỏ trứng, lòng trắng trứng, trứng nguyên quả ướp muối hoặc đường, và lòng đỏ trứng ướp muối hoặc đường. Bất kỳ sản phẩm trứng nào chứa phụ gia giúp truyền màu, bao gồm cả màu phụ gia được chứng nhận là tự nhiên, được xem là màu nhân tạo, và nhãn sản phẩm phải chỉ rõ đã thêm màu vào. Nếu màu phụ gia có nguồn gốc từ một nguồn tự nhiên và cung cấp thư xác nhận cho văn phòng quốc gia, nhãn phải ghi rõ chất phụ gia đã được thêm vào để tạo màu sản phẩm. Có thể đưa ra khai báo này trong tuyên bố thành phần, (ví dụ, “chiết xuất từ điều nhuộm (màu nhân tạo)” hoặc “tạo màu bằng chiết xuất từ điều nhuộm.”)²⁶⁷

f. Tuyên bố Trọng lượng Tịnh

Mỗi nhãn sản phẩm trứng phải có một tuyên bố trọng lượng tịnh. Tuyên bố trọng lượng tịnh phải xuất hiện thấp hơn 30 phần trăm nhãn theo dòng thường song song với góc mà gói dựa trên và phải xuất hiện như là một mục riêng biệt trên nhãn. Tuyên bố phải được tách ra khỏi bất kỳ nội dung in nào bên trên, bên dưới, hoặc mặt bên bằng một khoảng trống ít nhất bằng chiều cao của chữ trong tuyên bố trọng lượng tịnh. Tuyên bố trọng lượng tịnh khai báo kép chỉ yêu cầu trên các gói lẻ chứa ít hơn 4 pound.

Có thể tìm thấy các quy định về khai báo khối lượng tịnh của hàm lượng tại 21 C.F.R. § 101.105.

g. Thông tin Dinh dưỡng

Nhãn trứng hoặc sản phẩm trứng có thể được phân phối để bán lẻ phải tuân thủ các quy định của FDA về ghi nhãn dinh dưỡng.²⁶⁸ Sản phẩm trứng đóng gói để sử dụng cho tổ chức không bắt buộc phải có các thông tin dinh dưỡng, tuy nhiên, nếu hàm lượng dinh dưỡng và công bố sức khỏe được đưa ra, ghi nhãn sản phẩm phải tuân thủ tất cả các quy định công bố hàm lượng dinh dưỡng.

Yêu cầu ghi nhãn dinh dưỡng khi các dưỡng chất, chẳng hạn như protein, vitamin, và chất khoáng được thêm vào sản phẩm, hoặc khi công bố dinh dưỡng hoặc thông tin được trình bày trên nhãn, ngoại trừ nếu một dưỡng chất được đưa vào sản phẩm chỉ nhằm mục đích công nghệ. Nếu dưỡng chất được đưa vào chỉ nhằm mục đích công nghệ thì nó có thể được khai báo chỉ trong tuyên bố thành phần.²⁶⁹

Chú thích cuối văn bản

¹ 21 U.S.C. §§ 601 và sửa đổi bổ sung (thịt); 21 U.S.C. §§ 451 và sửa đổi bổ sung (gia cầm).

² FSIS cũng quy định ghi nhãn các sản phẩm trứng. Các yêu cầu riêng được tóm tắt trong Phụ lục A của Tóm tắt này.

³ Thực phẩm ghi nhãn sai mang nhãn sai hoặc gây hiểu nhầm, trong khi thực phẩm pha trộn chứa chất độc hoặc chất có hại hoặc nói cách khác là gây rủi ro đến sức khỏe người tiêu dùng. Xem, 21

U.S.C. §§ 453 và 601.

⁴ 21 U.S.C. § 601 và sửa đổi bổ sung.

⁵ 21 U.S.C. § 451 và sửa đổi bổ sung.

⁶ 21 U.S.C. § 601(o) và (p) (thịt); 21 U.S.C. § 453(s) (gia cầm).

⁷ 21 U.S.C. § 607 (thịt); 21 U.S.C. § 457 (gia cầm).

⁸ 21 U.S.C. § 601(n).

⁹ 21 U.S.C. § 453(h).

¹⁰ Xem, ví dụ, 21 U.S.C. § 672-673 (thịt); 21 U.S.C. § 467(a) – 467(b) (gia cầm).

¹¹ 21 U.S.C. § 671 (thịt); 21 U.S.C. § 467 (gia cầm).

¹² 21 U.S.C. § 301 và sửa đổi bổ sung.

¹³ *Id.* § 343(a).

¹⁴ 21 U.S.C. § 321(k).

¹⁵ *Id.* § 321(m). Theo FFDCA, nhà sản xuất có thể bị phạt theo nhiều cách nếu nhà sản xuất vi phạm yêu cầu ghi nhãn. FDA có thể xin lệnh của tòa án để ngăn ngừa sản xuất và bán các thực phẩm ghi nhãn sai. *Id.* § 332. Chính phủ cũng có thể tịch thu các thực phẩm ghi nhãn sai. *Id.* § 334. Hơn nữa, người vi phạm FFDCA có thể bị phạt tù nếu bán hoặc chào bán các thực phẩm ghi nhãn sai. *Id.* § 333.

¹⁶ 15 U.S.C. § 1451 và sửa đổi bổ sung. FPLA thiết lập các yêu cầu đối với nhãn đóng gói cho tất cả các hàng hóa tiêu dùng, bao gồm hầu hết thực phẩm. Nó định nghĩa gói “bất kỳ vật chứa hoặc bọc bất kỳ hàng hóa tiêu dùng nào để sử dụng trong phân phối hoặc trưng bày hàng hóa tiêu dùng đó cho những người mua lẻ.” *Id.* § 1459(b).

¹⁷ 21 U.S.C. § 607(d) (thịt); 21 U.S.C. § 457(c) (gia cầm). USDA có quyền tương tự đối với sản phẩm trứng theo EPIA, 21 U.S.C. § 1036(b).

¹⁸ *Id.*

¹⁹ 9 C.F.R. Phần 317 và sửa đổi bổ sung (thịt); 9 C.F.R. § 381.115 và sửa đổi bổ sung. (gia cầm).

²⁰ FDA không nhận nhiệm vụ được thông qua bởi USDA cũng không rõ ràng là FFDCA hoặc FPLA cho phép triển khai hệ thống phê duyệt trước.

²¹ 21 U.S.C. § 601(j) (thịt).

²² “Thịt,” “sản phẩm thực phẩm thịt,” gia súc,” “gia cầm,” và “sản phẩm gia cầm” được định nghĩa bởi FMIA và PPIA (21 U.S.C. §§ 601 và 453), một cách tương ứng, và các quy định về thanh tra thịt và gia cầm Liên bang (9 C.F.R. §§ 301.2 và 381.1, tương ứng) và không bao gồm các loài gia cầm hoặc loài chim ngoài các loài cụ thể được liệt kê.

²³ Sách Chính sách Tiêu chuẩn Thực phẩm và Ghi nhãn tại “Phạm vi tuân theo,” p.6 (thịt); 9 C.F.R. § 381.15(a)(1) (gia cầm).

²⁴ 9 C.F.R. 381.15(a)(1)-(5). Xem quy định để có danh sách đầy đủ các sản phẩm gia cầm được miễn.

²⁵ 9 C.F.R. § 381.15(b).

²⁶ 9 C.F.R. § 381.15(c). Đồng thời xem 9 C.F.R. § 381.15(d) (ngoại trừ đối với viên nang giảm béo và bánh sandwiche có chứa các sản phẩm gia cầm và/hoặc các điều kiện chi định).

²⁷ Xem 9 C.F.R. § 381.15(e).

²⁸ 21 U.S.C. § 607(c) (thịt); 21 U.S.C. § 457(b) (gia cầm).

²⁹ *Id.*

³⁰ 21 U.S.C. §§ 348.

³¹ 21 U.S.C. § 601(m)(2); 21 U.S.C. § 453(g)(2). FSIS và FDA đã thiết lập các quy trình để cùng thẩm tra các thành phần chưa được giải quyết trong Sách hướng dẫn này. Xem trang web của FSIS.

³² Xem 9 C.F.R. Phần 310, 318, 319, và 381. Các quy định của FSIS đã thiết lập lệnh cấm

chung về việc sử dụng sản phẩm thịt hoặc gia cầm có bất kỳ thành phần thực phẩm nào sẽ làm cho nó bị pha trộn hoặc ghi nhãn sai, hoặc không được phê duyệt trong Phần 424, 318 và 319 của quy định, hoặc "bởi Cục trưởng [của FSIS] trong các trường hợp cụ thể." Mục còn quy định rằng các thành phần và các nguồn bức xạ được liệt kê hoặc được chấp thuận để sử dụng trong các sản phẩm thịt và gia cầm tại 21 C.F.R. (tức là, quy định của FDA) sẽ được liệt kê để sử dụng như trong các quy định của FSIS "trừ khi ngăn cản việc sử dụng đó hoặc giới hạn khác trong Phần 318 hoặc 319 (liên quan đến sản phẩm thịt), hoặc Phần phụ O và P, Phần 381 (liên quan đến các sản phẩm gia cầm). Ví dụ, một tiêu chuẩn sản phẩm có thể không cho phép sử dụng trong một sản phẩm cụ thể thành phần khác được chấp thuận cho sử dụng trong thịt hoặc gia cầm. Cục trưởng cũng có thể liệt kê hoặc chấp thuận để sử dụng trong bảng kết hợp mới về các chất đã được phê duyệt, bất kỳ thành phần thực phẩm hoặc nguồn hoặc bức xạ nào.

³³ [tham chiếu thành phần ADD]

³⁴ 15 U.S.C. § 52.

³⁵ 15 U.S.C. § 45(a)(l).

³⁶ *Fresh Grown Preserve Corp. v. FTC*, 125 F.2d 917 (2d Cir. 1942) (FTC có quyền ngăn chặn cạnh tranh không lành mạnh bằng cách dán nhãn giả và ghi nhãn sai, bất kể loại sản phẩm).

³⁷ 15 U.S.C. § 45.

³⁸ Tuyên bố chính sách chứng minh quảng cáo và lừa gạt của FTC đã được thông qua trong quyết định của Ủy ban, và nhằm hướng dẫn nhà sản xuất về mức độ chứng minh cần thiết để hỗ trợ một công bố. Xem Tuyên bố Chính sách Chứng minh Lừa gạt, đính kèm với *Cliffdale Associates, Inc.*, 103 F.T.C 110, 174-184 (1983); Tuyên bố Chính sách Chứng minh Quảng cáo, đính kèm *Thompson Medical Co.*, 104 F.T.C. 648, 839-42 (1984), *aff'd*, 1986-1 Trade Cas. (CCH) 67,103 (D.C. Cir. 1986). **[SBS Cập nhật trích dẫn]**

³⁹ Ví dụ, các công bố liên quan đến sức khỏe và quan ngại về an toàn, chẳng hạn như tuyên bố về tính lành mạnh của một sản phẩm cụ thể, đòi hỏi một mức độ chứng minh tương đối cao. Xem Ủy ban Quốc gia về Dinh dưỡng Trứng, 89 FTC 89, 192 (1976), *aff'd* 570 F.2d 157 (7th Cir.), *cert. denied*, 439 U.S. 821 (1978); *Thompson Medical Co.*, 104 FTC tại 821.

⁴⁰ Xem *Houbigant v. Ủy ban Thương mại Liên bang*, 139 F.2d 1019 (2d Cir. 1944), *cert. denied*, 323 U.S. 763 (1944) (FDA không giữ độc quyền về ghi nhãn sai và gây hiểu nhầm); *Fresh Grown Preserve Corp.*, 125 F.2d 917. **[SBS Cập nhật trích dẫn]**

⁴¹ 15 U.S.C. §§ 52, 53(a). Ngay khi ngừng hoặc chấm dứt vi phạm lần cuối về đơn đặt hàng, FTC có thể tìm kiếm:

(1) khắc phục của người tiêu dùng dưới dạng rút lui hoặc đổi mới hợp đồng, hoàn tiền hoặc tiền bồi thường thiệt hại, 15 U.S.C. § 57b(b); (2) hình phạt dân sự, 15 U.S.C. § 45(m); hoặc (3) phạt hình sự nếu vi phạm mục 12 nhằm lừa đảo hoặc gây ra các rủi ro về sức khỏe và an toàn cho người tiêu dùng. 15 U.S.C. § 54(a).

⁴² Xem *Warner-Lambert Co. v. FTC*, 562 F.2d 749 (D.C. Cir. 1977), *cert. denied*, 435 U.S. 950 (1978).

⁴³ Theo Điều khoản Ưu tiên của Hiến pháp Hoa Kỳ, Hiến pháp Hoa Kỳ, Đạo luật VI cl. 2., luật pháp và quy định liên bang được duy trì để ưu tiên áp dụng so với luật pháp tiểu bang trong hai trường hợp. Thứ nhất, luật pháp liên bang nhằm ưu tiên áp dụng khi luật pháp tiểu bang trong lĩnh vực mà Quốc hội muốn tham gia.

Thứ hai, khi luật tiểu bang và liên bang có xung đột trực tiếp, và phù hợp với cả hai là không thể, luật liên bang sẽ được ưu tiên.

⁴⁴ 21 U.S.C. § 678 (thịt); 21 U.S.C. § 467(e) (gia cầm).

⁴⁵ *Rath Packaging Co.*, 430 U.S. 519 (1977).

⁴⁶ *Id.* Đồng thời xem *American Meat Institute v. Pridgeon*, 724 F.2d 45 (6th Cir. 1984) (luật pháp tiểu bang yêu cầu đăng các băng rôn cho biết sự không tuân thủ của sản phẩm với các tiêu chuẩn thành phần của tiểu bang duy trì trái với hiến pháp); *Armour v. Ball*, 468 F.2d 76 (6th Cir. 1972), *cert. denied*, 411

U.S. 981 (1973) (các yêu cầu về đánh dấu, ghi nhãn, đóng gói và thành phần của FMIA ưu tiên áp dụng so với bất kỳ yêu cầu ghi nhãn nào do tiểu bang đặt ra).

⁴⁷ *Kraft Foods North America, Inc. v. Rockland County*, (S.D.N.Y. ngày 26 tháng 2 năm 2003) (Thứ tự Bản ghi nhớ ra kiến nghị cho một phán quyết tóm tắt). Kháng cáo về quyết định này đã bị bác bỏ.

⁴⁸ Như đã nói trước đó, ghi nhãn bao gồm tất cả nhãn mác và những sản phẩm viết tay, in ấn hay đồ họa trên hoặc đi kèm với những sản phẩm đó. 21 U.S.C. §§ 321(m), 601(o)(p), 453(s). Xem *U.S. v. Jorgensen*, 144 F.3d 550, 558 (S.D. Cal. 1998)(tài liệu quảng cáo đi kèm sản phẩm thịt được coi là ghi nhãn); đồng thời xem *Kordell v. United States*, 335 U.S. 343 (1948); *United States v. Sene X Eleemosynary Corporation*, 479 F. Supp. 970, 979 (S.D. Fla. 1979) (không yêu cầu đính kèm thật hoặc chuyển nhãn đồng thời để cấp quyền FDA).

⁴⁹ Xem 9 C.F.R. § 317.2(a); 9 C.F.R. § 381.1(b).

⁵⁰ Xem 9 C.F.R. §§ 301.2 và 381.1(b) (định nghĩa “vật chứa trực tiếp”); 9 C.F.R. § 317.2 (định nghĩa “lớp bảo vệ”); Đồng thời xem Bản ghi nhớ Chính sách 090B (Chỉ thị 7220.1) và Sách Chính sách Tiêu chuẩn Thực phẩm và Ghi nhãn tại 137 (Mục nhập “Lớp bảo vệ, Gia cầm”).

⁵¹ Xem, ví dụ, 9 C.F.R. § 316.10(b) (dấu cho các loại xúc xích nhỏ); và 9 C.F.R. § 327.14 (miếng thịt xuất xứ nước ngoài phải mang “Sản phẩm của (quốc gia xuất xứ)”).

⁵² Nhãn “Phác thảo” là bằng chính bản in hoặc tương đương, hiển thị rõ tất cả đặc điểm của nhãn, kích cỡ, địa điểm và dấu hiệu màu sắc cuối. Nhãn phác thảo có thể vẽ bằng tay, tạo bởi máy tính hoặc qua fax hợp lý khác.

⁵³ Chỉ thị FSIS 7220.1 (bao gồm Bản ghi nhớ Chính sách 114A (Ngày 18 tháng 8 năm 1994)).

⁵⁴ Tại một thời điểm, FSIS cho phép đưa ra các công bố liên quan đến việc không có dư lượng thuốc kháng sinh. Hiện nay, FSIS đang yêu cầu một số chương trình còn lại được từng bước hủy bỏ. Xem trang web của FSIS để biết thêm thông tin quy định về sản xuất động vật và công bố liên quan.

⁵⁵ 9 C.F.R. § 317.4(a) (thịt); 9 C.F.R. § 381.132(a), 9 C.F.R. § 320.14(b) (11)(thịt); 9 C.F.R. § 381.175(b)(6)

⁵⁶ 9 C.F.R. § 317.4(f) (thịt); 9 C.F.R. § 381.132(f) (gia cầm).

⁵⁷ 9 C.F.R. § 317.4(f)(2).

⁵⁸ Theo quy tắc, FSIS sẽ chọn mẫu ghi nhãn thường được phê duyệt từ các hồ sơ lưu trữ của công ty và bắt đầu hành động thích hợp nếu xác định ghi nhãn sai hoặc gây hiểu nhầm.

⁵⁹ 9 C.F.R. § 317.5 (thịt); 9 C.F.R. § 381.133 (gia cầm).

⁶⁰ 9 C.F.R. § 317.2(b); 9 C.F.R. 381.115(b).

⁶¹ 9 C.F.R. § 317.2(d) (thịt); 9 C.F.R. § 381.116 (gia cầm). Các quy tắc ghi nhãn khác nhau chỉ rõ các yêu cầu nổi bật và bố trí đặc biệt ngoài yêu cầu chung này.

⁶² Những thông tin này không được che khuất bởi bao bì hoặc thiết kế ghi nhãn, họa tiết, thừa, hoặc thiếu các màu tương phản, có thể gây khó hiểu và do đó bị coi là ghi nhãn sai theo quy chế ghi nhãn. 9 C.F.R. 317.2 (thịt); 9 C.F.R. § 381.116 (gia cầm).

⁶³ 9 C.F.R. § 317.2 (thịt); 9 C.F.R. § 381.116 (gia cầm).

⁶⁴ *Id.*

⁶⁵ 9 C.F.R. § 317.2 (thịt); 9 C.F.R. §381.121 (gia cầm).

⁶⁶ Xem *Chỉ thị FSIS 7220.1* (Bản ghi nhớ Chính sách 87A) (Ngày 16 tháng 9 năm 1985)).

⁶⁷ 9 C.F.R. § 381.171.

⁶⁸ 21 U.S.C. § 601(n)(7) (thịt); 21 U.S.C. § 453(h)(7) (gia cầm).

⁶⁹ 9 C.F.R. § 319 và sửa đổi bổ sung (thịt); 9 C.F.R. § 381.155 và sửa đổi bổ sung (gia cầm). FSIS làm theo quy trình lập quy tắc thông báo và nhận xét theo quy định của Đạo luật Thủ tục Hành chính trong khi ban hành các tiêu chuẩn này.

⁷⁰ 21 U.S.C. § 601(n)(9) (thịt); 21 U.S.C. § 453(h)(9) (gia cầm).

⁷¹ Bản ghi nhớ Chính sách 69 (Ngày 23 tháng 3 năm 1984). Kém hơn về mặt dinh dưỡng được định nghĩa phù hợp với yêu cầu của 21 C.F.R. § 101.3(e)(4) là bất lý lượng giảm nào về hàm lượng của một dưỡng chất thiết yếu hiện có từ 2% U.S. RDI trở lên trên khẩu phần protein hoặc bất kỳ vitamin hoặc chất khoáng mà U.S. RDI được thiết lập.

⁷² 9 C.F.R. § 317.2(j) (thịt); 9 C.F.R. § 381.1(b) (ghi nhãn sai) (iii). Lưu ý, bánh pizza thịt chứa (ghi nhãn sai) (iii) pho mát thay thế phải có một tỷ lệ ít nhất 1 phần pho phát, 9 phần pho mát thay thế. Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn tỷ lệ pho mát này đòi hỏi điều kiện bổ sung về các thành phần đặc trưng được nêu ra trong nhãn thực phẩm. Xem Bản ghi nhớ Chính sách 1 (Ngày 6 tháng 5 năm 1980); *Anthony J. Pizza v. Wisconsin Dept. of Agriculture*, 676 F.2d 701 (1982) (không báo cáo; Tòa Thượng thẩm ủng hộ chính sách pho mát của USDA ưu tiên áp dụng hơn so với quy định của Wisconsin không phù hợp).

⁷³ 9 C.F.R. § 319.10(thịt); 9 C.F.R. § 381.172(gia cầm).

- ⁷⁴ 9 C.F.R. § 319.10(thịt); 9 C.F.R. § 381.172(gia cầm).
- ⁷⁵ 9 C.F.R. § 319.10(thịt); 9 C.F.R. § 381.172(gia cầm).
- ⁷⁶ 9 C.F.R. § 317.8(b)(1). Đồng thời, xem Bản ghi nhớ Chính sách USDA 68 (Ngày 9 tháng 2 năm 1984).
- ⁷⁷ 9 C.F.R. § 317.8(b)(1).
- ⁷⁸ *Id.* Có thành phố mang tên “El Paso,” nhưng không có thành phố mang tên “Old El Paso.” Theo đó, FSIS không coi “Old El Paso” là một địa điểm có ý nghĩa về mặt địa lý.
- ⁷⁹ Bản ghi nhớ Chính sách 68 (Ngày 9 tháng 2 năm 1984).
- ⁸⁰ 9 C.F.R. § 381.129(b)(2).
- ⁸¹ 9 C.F.R. § 327.14.
- ⁸² *Id.* Vật chứa trung gian phải mang số cơ sở được gán bởi cơ quan thanh tra thịt nước ngoài.
- ⁸³ 9 C.F.R. § 327.15.
- ⁸⁴ Số cơ sở chính thức hoặc số nhà máy có thể xuất hiện trong một trong những vị trí sau: (1) mặt trong hoặc mặt ngoài chủ giải; (2) bất kỳ chỗ nào bên ngoài vật chứa; hoặc (3) bên ngoài mặt ngoài khi tuyên bố xác định vị trí số. Khi chủ giải thanh tra chính thức bên ngoài mặt ngoài của vật chứa, nó có thể đặt hợp lý phía sau của nhãn giấy của sản phẩm đóng hộp, trên kẹp kim loại được sử dụng để đóng hộp hoặc túi, hoặc trên vật liệu ghi nhãn hoặc đóng gói khác trong vật chứa khi tuyên bố vị trí được in nổi bật vào chủ giải chính thức, như, “Số cơ sở trên kẹp kim loại.” Xem 9 C.F.R. §317.2(1) (thịt); 9 C.F.R. § 381.123 (gia cầm).
- ⁸⁵ 9 C.F.R. § 301.2 (12) (ghi nhãn sai) (thịt); 9 C.F.R. § 381.1(b)(ghi nhãn sai)(xiì) (gia cầm).
- ⁸⁶ 9 C.F.R. § 312.2(b)(1) (thịt); 9 C.F.R. § 381.123(b)(2) (gia cầm).
- ⁸⁷ 9 C.F.R. § 317.2(b) (thịt); 9 C.F.R. § 381.128 (gia cầm).
- ⁸⁸ 9 C.F.R. § 381.96 (gia cầm). Yêu cầu này dành riêng cho gia cầm.
- ⁸⁹ *Id.* 9 C.F.R. § 381.96 (gia cầm).
- ⁹⁰ 9 C.F.R. § 317.2(h) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(a) (gia cầm).
- ⁹¹ 9 C.F.R. § 317.2(h)(1) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(c) (gia cầm).
- ⁹² *Xem* 9 C.F.R. § 317.2(h)(4) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(c)(5) (gia cầm).
- ⁹³ 9 C.F.R. § 317.2(h)(2) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(c)(6) (gia cầm).
- ⁹⁴ *Rath Packing*, 430 U.S. tại 536. Đồng thời xem *Kraft Foods, supra*.
- ⁹⁵ 9 C.F.R. § 317.2(h)(2) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(b)(6) (gia cầm).
- ⁹⁶ *Rath Packing*, 430 U.S. tại 524. Đồng thời xem *Kraft Foods, supra*.
- ⁹⁷ Xem ví dụ, *Rath Packing*, 430 U.S. tại 526; *Kraft Foods, supra*; *Cook Family Foods v. Voss*, 781 F. Supp. 1458, 1466 (C.D. Cal. 1991)(tìm học thuyết ưu tiên rõ ràng theo FMIA).
- ⁹⁸ 9 C.F.R. § 317.2(h)(4) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(c)(5) (gia cầm).
- ⁹⁹ 9 C.F.R. § 317.2(h)(3) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(c)(5) (gia cầm).
- ¹⁰⁰ 9 C.F.R. § 317.2(h)(5) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(c)(5) (gia cầm).
- ¹⁰¹ *Id.*
- ¹⁰² Xem 9 C.F.R. § 317.2(h)(9), (12) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(c)(8), (9) (gia cầm).
- ¹⁰³ 9 C.F.R. § 317.2(h)(3) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(c)(2) (gia cầm).
- ¹⁰⁴ *Id.* Nước dùng là một ví dụ khi loại tuyên bố trọng lượng tịnh này sẽ được sử dụng.
- ¹⁰⁵ *Id.*
- ¹⁰⁶ 9 C . F . R . § 317.2(h)(8) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(c)(4) (gia cầm).
- ¹⁰⁷ *Id.*
- ¹⁰⁸ 9 C.F.R. § 317.2(h)(3) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(c)(2) (gia cầm).
- ¹⁰⁹ 9 C . F . R . § 317.2(h)(1) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(c)(2) (gia cầm).
- ¹¹⁰ 9 C . F . R . § 317.2(h)(7) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(c)(3)(vi) (gia cầm).
- ¹¹¹ 9 C . F . R . § 317.2(h)(6) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(c)(3)(i)-(v) (gia cầm).
- ¹¹² 9 C . F . R . § 317.2(h)(7) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(c)(3)(vi) (gia cầm).
- ¹¹³ *Id.*
- ¹¹⁴ *Id.*
- ¹¹⁵ 9 C.F.R. § 317.2(h)(9)(i) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(c)(9)(i) (gia cầm).
- ¹¹⁶ 9 C.F.R. § 317.2(h)(9)(ii) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(c)(9)(ii) (gia cầm).
- ¹¹⁷ 9 C.F.R. § 317.2(h)(9)(iii) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(c)(9)(iii) (gia cầm).

-
- 118 9 C.F.R. § 317.2(h)(9) (iv) and (v).
- 119 9 C.F.R. § 381.121(a).
- 120 9 C.F.R. § 317.2(h)(12) (thịt); 9 C.F.R. § 381.121(c)(8)(ii) (gia cầm).
- 121 *Id.*
- 122 Xem 9 C.F.R. § 317.2(c)(2) (thịt); 9 C.F.R. § 381.118 (gia cầm).
- 123 9 C.F.R. § 317.2(f) (thịt); 9 C.F.R. § 381.118(a)(1) (gia cầm).
- 124 Xem Sách Chính sách Tiêu chuẩn Thực phẩm và Ghi nhãn.
- 125 9 C.F.R. § 317.2(f)(1)(vi)(A) (thịt); 9 C.F.R. § 381.118(a)(2)(i) (gia cầm).
- 126 9 C.F.R. § 317.2(f)(1)(v).
- 127 9 C.F.R. § 381.118(f).
- 128 Chi thị FSIS 7237.1.
- 129 FSIS đã thông qua một loạt các tiêu chuẩn cho một số chủng loại sản phẩm nhưng có ít tên thành phần được xác định. Quy định của FDA cung cấp tiêu chí chi tiết từ đó có thể sử dụng định danh nên thông dụng hoặc thông thường. Xem 21 C.F.R. § 102.5.
- 130 Bản ghi nhớ Chính sách 72 (Ngày 18 tháng 5 năm 1984).
- 131 Xem 21 C.F.R. § 101.4. Ví dụ, , trứng nguyên quả khô, trứng nguyên quả đông lạnh, trứng nguyên quả lỏng có thể được tuyên bố là “trứng.” *Đồng thời xem* 9 C.F.R. § 317.2(f)(1)(ii) (mật ngô và tinh bột ngô được coi là đồng nghĩa).
- 132 21 U.S.C. § 343(k) (FDA); 21 U.S.C. § 601(n)(11) (thịt); 21 U.S.C. § 453(h)(11) (gia cầm).
- 133 FSIS, Bảo vệ Người tiêu dùng và Ghi nhãn, “Nhà sản xuất và Nhà cung cấp Hỗn hợp Độc quyền Câu hỏi và Trả lời,” ngày 17 tháng 3 năm 1995 có trên trang web của FSIS.
- 134 9 C.F.R. § 317.2(f)(1)(i) (thịt); 9 C.F.R. § 381.118(c) (gia cầm).
- 135 9 C.F.R. § 317.2(f) (1)(i)(B) (thịt); 9 C.F.R. § 381.118(c)(2) (gia cầm).
- 136 21 C.F.R. §§ 182.10, 184.
- 137 9 C.F.R. § 317.2(j)(3) (thịt); 9 C.F.R. § 381.119 (gia cầm). Bất kỳ hương liệu nhân tạo nào được phép khác phải được xác định là “hương liệu nhân tạo” trong tuyên bố thành phần. 9 C.F.R. § 317.2(j)(4).
- 138 9 C.F.R. § 317.2(j)(5)-(7).
- 139 Chi thị FSIS 7237.1.
- 140 *Id.*
- 141 9 C.F.R. § 317.2(j)(9) (thịt); 9 C.F.R. § 381.119(b) (gia cầm). *Đồng thời xem* Bản ghi nhớ Chính sách 113 (Ngày 24 tháng 6 năm 1988).
- 142 9 C.F.R. § 317.2(j)(12) (thịt); 9 C.F.R. § 381.120 (gia cầm).
- 143 9 C.F.R. § 381.120.
- 144 21 C.F.R. 101.100(a)(3).
- 145 21 C.F.R. § 101.100(a)(3). USDA làm theo quy định FDA về vấn đề chính sách. Xử lý phụ gia ngẫu nhiên của USDA khác biệt so với xử lý của FDA về một khía cạnh. Trong khi tuyên bố rằng sulfite đôi khi còn được coi là phụ gia ngẫu nhiên, khi tổng sản phẩm chứa ít hơn 10 ppm sulfite nhưng một thành phần riêng lẻ chứa hơn 10 ppm, USDA yêu cầu rằng chất sulfite phải được khai báo trong tuyên bố thành phần. Bản ghi nhớ Chính sách 094B (Ngày 17 tháng 12 năm 1986). FDA quy định rằng sulfite được miễn ghi nhãn như một phụ gia ngẫu nhiên nếu nó ít hơn 10 ppm chỉ đối với toàn bộ sản phẩm. 21 C.F.R. § 101.100(a)(4).
- 146 21 C.F.R. § 101.100(a)(4).
- 147 9 C.F.R. § 317.2(c)(3) và (g) (thịt); 9 C.F.R. § 381.122 (gia cầm).
- 148 9 C.F.R. § 317.2(k) (thịt); 9 C.F.R. § 381.125(a) (gia cầm).
- 149 9 C.F.R. § 317.2(l) (thịt); 9 C.F.R. § 381.125(b) (gia cầm).
- 150 Có thể bỏ qua bất kỳ phần nào của tuyên bố này xung đột với hướng dẫn xử lý sản phẩm cụ thể.
- 151 9 C.F.R. §§ 317.2(l) (thịt); 9 C.F.R. § 381.125(b) (gia cầm).
- 152 9 C.F.R. § 317.400 (thịt); 9 C.F.R. § 381.500 (gia cầm).
- ~~153 9 C.F.R. § 317.400 (thịt); 9 C.F.R. § 381.500 (gia cầm).~~
- 154 9 C.F.R. § 317.302(b) (thịt); 9 C.F.R. § 381.402(b) (gia cầm).

- 155 9 C.F.R. § 317.302(c) (thịt); 9 C.F.R. § 381.402(c) (gia cầm)
- 156 9 C.F.R. § 317.309(c) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(c) (gia cầm).
- 157 9 C.F.R. § 317.309(c) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(c) (gia cầm).
- 158 9 C.F.R. § 317.309(c) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(c) (gia cầm).
- 159 9 C.F.R. § 317.309(c) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(c) (gia cầm).
- 160 9 C.F.R. § 317.309(d) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(d) (gia cầm).
- 161 9 C.F.R. § 317.309(d) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(d) (gia cầm).
- 162 9 C.F.R. § 317.309(d)(7) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(d)(7) (gia cầm).
- 163 9 C.F.R. § 317.309(c) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(c) (gia cầm).
- 164 9 C.F.R. § 317.309(d)(9) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(d)(9) (gia cầm).
- 165 9 C.F.R. § 317.309(d)(10) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(d)(10) (gia cầm).
- 166 9 C.F.R. § 317.309(e) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(e) (gia cầm).
- 167 9 C.F.R. § 317.309(d)(13) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(d)(13) (gia cầm).
- 168 9 C.F.R. § 317.309(e) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(e) (gia cầm).
- 169 9 C.F.R. § 317.309(f) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(f) (gia cầm).
- 170 9 C.F.R. § 317.309(f) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(f) (gia cầm).
- 171 9 C.F.R. § 317.309(f) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(f) (gia cầm).
- 172 9 C.F.R. § 317.309(g) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(g) (gia cầm).
- 173 9 C.F.R. § 317.309(g)(2) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409 (g)(2) (gia cầm).
- 174 9 C.F.R. § 317.309(h) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(h) (gia cầm).
- 175 9 C.F.R. § 317.309(c) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(c) (gia cầm).
- 176 9 C.F.R. § 317.400 (thịt); 9 C.F.R. § 381.500 (gia cầm).
- 177 9 C.F.R. § 317.312 (thịt); 9 C.F.R. § 381.412 (gia cầm).
- 178 9 C.F.R. § 317.309(b)(7) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(b)(7) (gia cầm).
- 179 9 C.F.R. § 317.309(b)(7) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(b)(7) (gia cầm).
- 180 Có thể sử dụng các chữ viết tắt sau đây cho các đơn vị: tbsp cho muỗng canh, tsp cho muỗng cà phê, g cho gram, mL cho mililit, và oz cho ounce. Nhằm mục đích ghi nhãn dinh dưỡng, một muỗng cà phê nghĩa là 5 mL, một muỗng canh nghĩa là 15 mL, một cốc nghĩa là 240 mL, và 1 oz nghĩa là 28 g.
- 181 9 C.F.R. § 317.309(b)(7) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(b)(7) (gia cầm).
- 182 9 C.F.R. § 317.309(b)(7) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(b)(7) (gia cầm).
- 183 9 C.F.R. § 317.309(b)(9) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(b)(9) (gia cầm).
- 184 9 C.F.R. § 317.312 (thịt); 9 C.F.R. § 381.412 (gia cầm).
- 185 9 C.F.R. § 317.312(g) (thịt); 9 C.F.R. § 381.412(g) (gia cầm).
- 186 9 C.F.R. § 317.309(b) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(b) (gia cầm).
- 187 9 C.F.R. § 317.309(b) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(b) (gia cầm).
- 188 9 C.F.R. § 317.312 (thịt); 9 C.F.R. § 381.412 (gia cầm).
- 189 9 C.F.R. § 317.309(b)(10) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(b)(10) (gia cầm).
- 190 9 C.F.R. § 317.309(b)(11) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409(b)(11) (gia cầm).
- 191 9 C.F.R. § 317.309 (b)(15) (thịt); 9 C.F.R. § 381.409 (b)(15) (gia cầm).
- 192 9 C.F.R. § 317.313(b) (thịt); 9 C.F.R. § 381.413(b) (gia cầm).
- 193 9 C.F.R. § 317.313(p) (thịt); 9 C.F.R. § 381.413(p) (gia cầm).
- 194 9 C.F.R. § 317.313(c) (thịt); 9 C.F.R. § 381.413(c) (gia cầm).
- 195 9 C.F.R. § 317.313(d) (thịt); 9 C.F.R. § 381.413(d) (gia cầm).
- 196 9 C.F.R. § 317.313(e) (thịt); 9 C.F.R. § 381.413(e) (gia cầm).
- 197 9 C.F.R. § 317.313(f)(g) (thịt); 9 C.F.R. § 381.413(f)(g) (gia cầm).
- 198 9 C.F.R. § 317.313(i)(1) (thịt); 9 C.F.R. § 381.413(i)(1) (gia cầm).
- 199 9 C.F.R. § 317.313(i) (thịt); 9 C.F.R. § 381.413(i) (gia cầm).
- 200 9 C.F.R. § 317.313(j) (thịt); 9 C.F.R. § 381.413(j) (gia cầm).
- 201 9 C.F.R. § 317.313(j) (thịt); 9 C.F.R. § 381.413(j) (gia cầm).
- 202 9 C.F.R. § 317.313(j) (thịt); 9 C.F.R. § 381.413(j) (gia cầm).
- 203 9 C.F.R. § 317.313(k) (thịt); 9 C.F.R. § 381.413(k) (gia cầm).
- 204 9 C.F.R. § 317.313(j) (thịt); 9 C.F.R. § 381.413(j) (gia cầm).
- 205 9 C.F.R. § 317.313(l),(m) (thịt); 9 C.F.R. § 381.413(l),(m) (gia cầm).
- 206 9 C.F.R. § 317.313(l) (thịt); 9 C.F.R. § 381.413(l) (gia cầm).

-
- 207 9 C.F.R. § 317.313(q) (thịt); 9 C.F.R. § 381.413(q) (gia cầm).
- 208 9 C.F.R. § 317.313(q) (thịt); 9 C.F.R. § 381.413(q) (gia cầm).
- 209 9 C.F.R. § 317.354 (thịt); 9 C.F.R. § 381.454 (gia cầm).
- 210 9 C.F.R. § 317.354(b) (thịt); 9 C.F.R. § 381.454(b) (gia cầm).
- 211 9 C.F.R. § 317.354(c) (thịt); 9 C.F.R. § 381.454(c) (gia cầm).
- 212 9 C.F.R. § 317.354(e) (thịt); 9 C.F.R. § 381.454(e) (gia cầm).
- 213 9 C.F.R. § 317.354(e) (thịt); 9 C.F.R. § 381.454(e) (gia cầm).
- 214 9 C.F.R. § 317.356 (thịt); 9 C.F.R. § 381.456 (gia cầm).
- 215 9 C.F.R. § 317.361 (thịt); 9 C.F.R. § 381.461 (gia cầm).
- 216 9 C.F.R. § 317.361 (thịt); 9 C.F.R. § 381.461 (gia cầm).
- 217 9 C.F.R. § 317.361 (thịt); 9 C.F.R. § 381.461 (gia cầm).
- 218 9 C.F.R. § 317.361(b)(4) (thịt); 9 C.F.R. § 381.461(b)(4) (gia cầm).
- 219 9 C.F.R. § 317.361 (thịt); 9 C.F.R. § 381.461 (gia cầm).
- 220 9 C.F.R. § 317.361(b)(6) (thịt); 9 C.F.R. § 381.461(b)(6) (gia cầm).
- 221 9 C.F.R. § 317.361(c) (thịt); 9 C.F.R. § 381.461(c) (gia cầm).
- 222 9 C.F.R. § 317.362(b)(1) (thịt); 9 C.F.R. § 381.462(b)(1) (gia cầm).
- 223 9 C.F.R. § 317.362(b)(2),(3) (thịt); 9 C.F.R. § 381.462(b)(2),(3) (gia cầm).
- 224 9 C.F.R. § 317.362(b)(5) (thịt); 9 C.F.R. § 381.462(b)(5) (gia cầm).
- 225 9 C.F.R. § 317.362(b)(6) (thịt); 9 C.F.R. § 381.462(b)(6) (gia cầm).
- 226 9 C.F.R. § 317.362(c) (thịt); 9 C.F.R. § 381.462(c) (gia cầm).
- 227 9 C.F.R. § 317.362(c) (thịt); 9 C.F.R. § 381.462(c) (gia cầm).
- 228 9 C.F.R. § 317.362(c)(2) (thịt); 9 C.F.R. § 381.462(c)(2) (gia cầm).
- 229 9 C.F.R. § 317.362(c)(3) (thịt); 9 C.F.R. § 381.462(c)(3) (gia cầm).
- 230 9 C.F.R. § 317.362(c)(4) (thịt); 9 C.F.R. § 381.462(c)(4) (gia cầm).
- 231 9 C.F.R. § 317.362(d)(1) (thịt); 9 C.F.R. § 381.462(d)(1) (gia cầm).
- 232 9 C.F.R. § 317.362(d)(2),(3) (thịt); 9 C.F.R. § 381.462(d)(2),(3) (gia cầm).
- 233 9 C.F.R. § 317.362(d)(5) (thịt); 9 C.F.R. § 381.462(d)(5) (gia cầm).
- 234 9 C.F.R. § 317.362(d)(5) (thịt); 9 C.F.R. § 381.462(d)(5) (gia cầm).
- 235 9 C.F.R. § 317.362(e) (thịt); 9 C.F.R. § 381.462(e) (gia cầm).
- 236 9 C.F.R. § 317.354(d) (thịt); 9 C.F.R. § 381.454(d) (gia cầm).
- 237 9 C.F.R. § 317.363 (thịt); 9 C.F.R. § 381.463 (gia cầm).
- 238 9 C.F.R. § 317.363 (thịt); 9 C.F.R. § 381.463 (gia cầm).
- 239 9 C.F.R. § 317.380 (thịt); 9 C.F.R. § 381.480 (gia cầm).
- 240 9 C.F.R. § 317.380(e) (thịt); 9 C.F.R. § 381.480 (e) (gia cầm).
- 241 9 C.F.R. § 317.360(b)(1) (thịt); 9 C.F.R. § 381.460(b)(1) (gia cầm).
- 242 9 C.F.R. § 317.360(b)(2),(3) (thịt); 9 C.F.R. § 381.460(b)(2),(3) (gia cầm).
- 243 9 C.F.R. § 317.360(b)(4) (thịt); 9 C.F.R. § 381.460(b)(4) (gia cầm).
- 244 9 C.F.R. § 317.360(c)(1) (thịt); 9 C.F.R. § 381.460(c)(1) (gia cầm).
- 245 9 C.F.R. § 317.360(c)(2)(3) (thịt); 9 C.F.R. § 381.460(c)(2)(3) (gia cầm).
- 246 9 C.F.R. § 317.360(c)(4) (thịt); 9 C.F.R. § 381.460(c)(4) (gia cầm).
- 247 7 C.F.R. § 94.2 (2004).
- 248 7 C.F.R. § 57.5 (2004).
- 249 21 C.F.R. § 101.3 (2004). “Mô phỏng” được định nghĩa là sản phẩm thực phẩm được lập công thức tương tự như một thực phẩm khác theo tiêu chuẩn nhận diện, khi sản phẩm được lập công thức kém về mặt dinh dưỡng.
- 250 21 C.F.R. § 160.115 (2004).
- 251 *Id.*
- 252 21 C.F.R. § 160.105 (2004).
- 253 21 C.F.R. § 160.180 (2004). Tỷ lệ phần trăm này được xác định theo phương pháp được quy định trong “Phương pháp Phân tích Chính thức của Hiệp hội các Nhà hoá phân tích Chính thống,” Tài bản lần thứ 13 (1980), mục 17.006 và 17.007 theo “Tổng Chất rắn, Phương pháp Chân không (3) - Hành động Chính thống Cuối,” được tham chiếu theo.
- 254 21 C.F.R. § 160.140 (2004).
- 255 21 C.F.R. § 160.145(d) (2004).

²⁵⁶ *Id.* Có thể tìm thấy các yêu cầu về giảm hàm lượng lysozyme và avidin trong mục 160.140(a).
²⁵⁷ 21 C.F.R. § 101.5 (2004).
²⁵⁸ *Id.*
²⁵⁹ 7 C.F.R. § 94.2 (2004).
²⁶⁰ 9 C.F.R. § 590.150 (2004).
²⁶¹ 9 C.F.R. § 590.413 (2004).
²⁶² 9 C.F.R. § 590.412 (2004).
²⁶³ 9 C.F.R. § 590.410 (2004).
²⁶⁴ 21 C.F.R. § 160.110 (2004).
²⁶⁵ 21 C.F.R. § 160.115 (2004).
²⁶⁶ 21 C.F.R. § 160.105 (2004). Cách sử dụng chất chống đông vón được quy định tại đoạn (a).
²⁶⁷ 21 C.F.R. § 101.22(k)(2) (2004).
²⁶⁸ 21 C.F.R. Phần 101 (2004).
²⁶⁹ 9 C.F.R. § 590.411 (2004).